

Charlotte và Wilbur



E.B. WHITE

GARTH WILLIAMS minh họa

CHARLOTTE VÀ WILBUR

E.B. WHITE

Thông tin sách

Tên sách: **Charlotte Và Wilbur**

Nguyên tác: **Charlotte's Web**

Tác giả: **E.B.White**

Dịch giả: **Nguyễn Quế Dương**

Công ty phát hành: **Nhã Nam**

Nhà xuất bản: **NXB Văn Học**

Trọng lượng vận chuyển: **300g**

Kích thước: **13 x 19 cm**

Số trang: **232**

Ngày xuất bản: **03/2010**

Giá bìa: **38.000đ**

Thể loại: **Kinh điển - Thiếu nhi**

Thông tin ebook

Type+Làm ebook: **thanhbt**

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

***Ebook này được thực hiện nhằm chia sẻ cho những bạn không có điều kiện mua sách!
Còn nếu bạn có khả năng hãy mua sách ủng hộ nha!***

Giới thiệu

“Một cuốn sách xuất chúng dành cho thiếu nhi.” (The Times Literary Supplement)

Wilbur, chú lợn xuân cứ đinh ninh mình sẽ vui hưởng thái bình mãi trong trang trại nhà Zuckerman, thế nên, chú tưởng như phát cuồng lên được khi biết rằng người ta sẽ giết thịt chú khi mùa đông tới... Mọi hy vọng của chú, giờ đây, chỉ còn biết đổ dồn lại vào Charlotte, chị nhện xám vẫn tĩnh tại giăng mắc ở trên chuồng lợn...

Charlotte và Wilbur, câu chuyện kể về việc một con nhện đã cứu sống con lợn bạn mình như thế nào, là tác phẩm kinh điển của văn học thiếu nhi Mỹ; và tình bạn của chúng đã được hàng triệu độc giả trên thế giới cùng chia sẻ.

Charlotte và Wilbur là cuốn sách gõ vào cánh cửa tưởng tượng của tuổi thơ, với tất cả những ai đang là trẻ nhỏ và từng là trẻ nhỏ. Nó mang đến thế giới kỳ diệu mà chỉ những cô bé biết khóc vì chú lợn kẹ sắp bị giết như Fern mới thấu hiểu. Lắng đọng với nhiều tình tiết cảm động, như chuyện Fern đã chăm sóc lợn Wilbur hồi nhỏ, cuộc chia tay cuối cùng giữa Charlotte và Wilbur, và tình bạn nối tiếp với những đứa con, cháu, chắt của Charlotte sau này...

Tác phẩm là thông điệp của lòng yêu thương, sự thủy chung son sắt. Điều đó mang lại sự tươi mới cho Charlotte và Wilbur và được hàng triệu độc giả trên thế giới chia sẻ.

“Điều cuốn sách kể chính là tình bạn ở trên đời, yêu mến và bảo vệ, phiêu lưu và phép lạ, sống và chết, lòng tin và bội phản, sung sướng và đau khổ, và sự trôi đi của thời gian. Là một tác phẩm thì nó gần như hoàn hảo, và gần như kỳ diệu trong cái cách nó tự thành.” - **(Eudora Welty, The New York Times Book Review)**

Mục lục

Tác giả

Chương 1: TRƯỚC BỮA SÁNG

Chương 2: WILBUR

Chương 3: XÔNG CHUÔNG

Chương 4: CÔ ĐƠN

Chương 5: CHARLOTTE

Chương 6: NGÀY HÈ

Chương 7: TIN XẤU

Chương 8: CUỘC TRÒ CHUYỆN Ở NHÀ

Chương 9: WILBUR KHUẾCH KHOÁC

Chương 10: MỘT VỤ NỔ

Chương 11: PHÉP MÀU

Chương 12: CUỘC HỌP

Chương 13: TIẾN BỘ QUÁ

Chương 14: BÁC SĨ DORIAN

Chương 15: LỮ ĐẾ

Chương 16: ĐI HỘI CHỢ

Chương 17: ÔNG CẬU

Chương 18: SỰ MÁT MẺ CỦA BUỔI TỐI

Chương 19: BỌC TRÚNG

Chương 20: GIỜ CHIẾN THẮNG

Chương 21: NGÀY CUỐI CÙNG

Chương 22: GIÓ ẤM

Tác giả



E.B.White sinh ở Mount Vernon, New York. Ông tốt nghiệp trường Cornell Univesity năm 1921, rồi vừa du lịch vừa làm nhiều nghề khác nhau, và cuối cùng làm cho tạp chí New Yorker. Ông nuôi động vật trong trang trại của mình ở Maine, và một vài sinh vật đó đã trở thành những nhân vật trong các truyện và sách của ông. Năm 1970 E.B. White đã nhận huy chương Laura Ingalls Wilder, được Hiệp hội Thư viện Mỹ trao năm năm một lần cho những cống hiến nổi bật đối với văn học thiếu nhi.

E.B. White mất năm 1985

Chương 1: TRƯỚC BỮA SÁNG

“Bố mang rìu đi đâu vậy?” Fern hỏi mẹ khi hai mẹ con dọn bàn chuẩn bị bữa sáng. “Ra chuồng lợn,” bà Arable trả lời. “Lũ lợn con mới đẻ đêm hôm qua.”

“Con không hiểu bố cần rìu làm gì,” Fern, cô bé mới có tám tuổi, tiếp tục hỏi.

“À,” mẹ cô nói, “có một con lợn kẹ. Nó rất bé và yếu, nó sẽ quặt quẹo chẳng bao giờ lớn lên nổi. Vì vậy bố con quyết định giải thoát cho nó.”

“Giải thoát cho nó?” Fern thét lên. “Nghĩa là *giết chết* nó? Chỉ vì nó nhỏ hơn những con khác?”

Bà Arable đặt liễn kem lên bàn. “Đừng có gào lên, Fern!” bà nói. “Bố con làm thế là đúng. Con lợn đàng nào rồi cũng sẽ chết.”



Fern xô một cái ghế cho khỏi chắn đường và chạy ra ngoài. Cỏ ướt át và mặt đất đượm hương vị của mùa xuân. Khi Fern đuổi kịp được bố thì đôi giày của cô bé đã ướt đầm.

“Xin bố đừng giết nó!” cô nức nở. “Như thế thật bất công.”

Ông Arable dừng bước.

“Fern,” ông nói nhẹ nhàng, “con phải học cách kiềm chế bản thân mới được.”

“Kiềm chế bản thân?” Fern gào lên. “Đây là chuyện sống và chết, thế mà bố lại bảo con *kiềm chế* bản

thân.”

Nước mắt trào xuống má cô bé và cô giữ lấy cái rìu rồi cố giăng nó ra khỏi tay bố.

“Fern,” ông Arable nói, “bố hiểu rõ việc nuôi đàn lợn hơn con nhiều. Một con lợn kẹ sẽ gây ra phiền toái. Giờ thì hãy đi đi!”

“Nhưng như thế là bất công,” Fern khóc. “Con lợn đâu có lỗi gì nếu nó sinh ra đã bị nhỏ con, đúng không? Nếu con mà cũng bị nhỏ lúc sinh ra, thì bố có *giết chết* con không?”

Ông Arable cười. “Dĩ nhiên là không,” ông nói, và nhìn con gái vẻ âu yếm. “Khác hẳn nhau chứ. Một bé gái là một bé gái, còn một con lợn kẹ thì chỉ là một con lợn kẹ.”

“Con không thấy có gì khác nhau cả,” Fern trả lời, tay vẫn níu lấy cái rìu. “Đây là chuyện bất công tồi tệ nhất mà con từng biết.”

Một vẻ lạ lùng thoáng hiện trên khuôn mặt John Arable. Ông có vẻ như cũng sắp khóc đến nơi.

“Thôi được,” ông nói. “Con quay lại nhà đi rồi tí nữa trở vào bố sẽ mang cho con lợn kẹ. Bố sẽ để con cho nó bú bằng chai, như nuôi em bé vậy. Rồi con sẽ thấy con lợn sẽ gây phiền toái ra sao.”

Khi ông Arable quay trở lại nhà, chừng nửa tiếng sau, ông ôm trong tay một cái hộp các-tông. Ở trên gác Fern đang thay giày. Trên bàn ăn trong bếp bữa sáng đã được chuẩn bị sẵn sàng, và căn phòng sức mùi cà phê, thịt lợn muối xông khói, vữa ẩm, và khói củi từ trong bếp lò.

“Đề trên ghế của nó ấy!” bà Arable nói. Ông Arable đặt cái hộp các-tông xuống chỗ của Fern. Rồi ông tới chỗ chậu rửa, rửa tay rồi lau tay bằng khăn lau.

Fern từ cầu thang chậm chậm đi xuống. Mắt cô bé đỏ hoe vì khóc. Khi cô đến bên ghế ngồi của mình, cái hộp các-tông rung lên, và có tiếng động sột soạt. Fern nhìn bố. Rồi cô bé mở cái nắp hộp ra. Và, ở bên trong, đang nhìn cô, chính là con lợn mới đẻ. Một con lợn trắng. Ánh nắng ban mai chiếu qua hai cái tai của nó, khiến chúng hồng lên.

“Của con đấy,” ông Arable nói. “Thế là nó thoát không phải chết yểu. Mong rằng Chúa không phạt bố vì sự ngốc nghếch này.”

Fern không tài nào rời được mắt khỏi con lợn tí xíu. “Ôi,” cô bé thầm thì. “Ôi, *nhìn* nó kìa! Nó thật hoàn hảo.”



Cô bé đẩy nắp hộp lại cẩn thận. Đầu tiên cô thơm bố, sau rồi cô thơm mẹ. Rồi cô lại mở nắp hộp ra, nhấc con lợn lên, rồi áp sát nó vào má. Đúng lúc đó thì thằng anh Avery của cô bước vào phòng. Avery lên mười. Nó vũ trang cực kỳ ác liệt - một tay súng hơi, một tay dao gổ.

“Cái gì thế?” nó hỏi. “Fern có cái gì thế?”

“Em nó có khách phải cho ăn sáng,” bà Arable nói. “Đi rửa mặt rửa tay đi, Avery!”

“Xem cái nào!” thằng Avery đặt súng xuống nói. “Cái loại này mà cũng gọi là lợn ư? Thật là một loại lợn *hay* nhỉ - không khác gì một con chuột bạch.”

“Đi rửa ráy và ăn sáng đi, Avery!” mẹ nó nói. “Xe buýt trường sẽ đến trong vòng nửa tiếng nữa đấy.”



“Bố, cho con một con lợn nữa nhé?” thằng Avery nói.

“Không, bố chỉ phát lợn cho những người dậy sớm thôi,” ông Arable nói. “Fern dậy từ rạng sáng, cố gắng xóa bỏ bất công trên đời. Thế cho nên em nó mới được một con lợn. Dĩ nhiên là lợn kẹ, nhỏ thôi, nhưng dù sao cũng vẫn là lợn. Điều đó chứng tỏ việc người ta ra khỏi giường ngay tức thì có thể có ích lợi như thế nào. Thôi ăn đi!”

Nhưng Fern không thể ăn chùng nào con lợn của cô chưa được uống sữa. Bà Arable tìm được một cái chai cho trẻ con bú và một núm vú bằng cao su. Bà rót sữa ấm vào chai, lắp cái núm vào miệng chai, rồi đưa cho Fern. “Con cho nó ăn sáng đi!” bà nói.

Một phút sau, Fern đã ngồi phệt xuống sàn trong góc bếp với bé lợn trong lòng, và dạy nó cách bú chai. Con lợn, dù bé tí ti, nhưng cũng háu ăn và mút rất ghê.

Xe buýt trường đã toét còi ở ngoài đường.

“Chạy nhanh!” bà Arable ra lệnh, đoạn bế lấy con lợn của Fern và nhét vào tay cô bé một cái bánh rán. Thằng Avery chộp khẩu súng của nó và một cái bánh rán nữa.

Bọn trẻ chạy ra ngoài đường và trèo lên xe buýt. Fern chẳng để ý đến đứa nào trong xe. Cô chỉ ngồi và nhìn ra ngoài cửa sổ, nghĩ rằng thế giới này thật thiêng liêng làm sao và cô sao lại may mắn đến thế khi được toàn quyền trông coi một con lợn. Khi chiếc xe buýt đến trường, Fern đã đặt xong tên cho con lợn của mình, sau khi đã chọn được cái tên đẹp nhất mà cô có thể nghĩ ra.

“Tên nó là Wilbur,” cô thì thầm với chính mình.

Cô vẫn tơ tưởng đến con lợn khi thầy giáo hỏi: “Fern, thủ phủ của tiểu bang Pennsylvania là gì?”

“Wilbur,” Fern mơ màng trả lời. Bọn học trò cười khúc khích. Fern ngượng.

Chương 2: WILBUR

Fern yêu Wilbur hơn tất cả. Cô thích vuốt ve nó, cho nó ăn, đặt nó lên giường. Mỗi sáng, ngay khi thức dậy, cô đã hâm nóng sữa của nó, đeo tạp dề cho nó, và giữ chai sữa cho nó bú. Mỗi chiều, khi xe buýt trường dừng lại trước nhà, cô nhảy xuống và chạy vào bếp chuẩn bị cho nó một chai sữa nữa. Giờ ăn tối cô lại cho nó ăn, và lại ăn nữa trước khi đi ngủ. Bà Arable cho nó ăn mỗi ngày vào khoảng giữa trưa, khi Fern ở trường. Wilbur khoái sữa của nó lắm, và nó càng thích mê nữa khi chính Fern hâm nóng sữa cho nó. Nó sẽ đứng và nhìn cô bằng một cái nhìn tha thiết.

Trong những ngày đầu đời, Wilbur được phép sống trong một cái hộp để gần bếp lò ở trong bếp. Sau đó, khi bà Arable phàn nàn, nó được chuyển sang một cái hộp lớn hơn ở trong lán chứa củi. Sau hai tuần tuổi, nó bị đưa ra ngoài. Đó là mùa táo ra hoa, trời ấm dần lên mỗi ngày. Ông Arable rào một khu nhỏ đặc biệt cho Wilbur ở dưới cây táo, làm cho nó một cái hộp gỗ rộng đầy rơm, có khoét cửa để nó chui ra chui vào tùy thích.

“Ban đêm nó không bị lạnh chứ ạ?” Fern hỏi.

“Không,” bố cô nói. “Con cứ xem rồi sẽ thấy nó làm gì.”

Mang một chai sữa, Fern ngồi xuống dưới cây táo trong rào quây. Wilbur chạy đến với cô và cô giữ chai sữa cho con lợn bú. Khi nó bú đến giọt cuối cùng, nó ủn ỉn và gà gât đi vào trong chuồng. Fern ngó kỹ vào bên trong. Wilbur đang dũi rơm bằng mõm. Chỉ một lúc, nó đã dũi được một cái hang trong đống rơm. Nó trườn vào cái hang và biến mất trong đám rơm phủ. Fern rất hoan hỉ. Cô thấy yên tâm vì biết rằng bé lợn của cô ngủ được ủ kín và ấm áp.



Mỗi sáng sau bữa ăn, Wilbur ụt ịt ra ngoài đường cùng Fern và cùng đợi với cô cho đến khi xe buýt tới. Cô sẽ vẫy tay tạm biệt nó, và nó sẽ đứng đó, ngắm xe buýt cho đến khi cái xe mất dạng sau một chỗ ngoặt. Khi Fern ở trường, Wilbur bị nhốt trong khu rào quây của nó. Nhưng ngay khi cô về nhà vào buổi chiều, cô đã dẫn nó ra ngoài và nó sẽ theo chân cô khắp mọi chỗ. Nếu cô vào nhà, nó cũng vào. Nếu cô lên gác, nó sẽ đứng đợi ở bậc cầu thang dưới cùng cho đến khi cô lại đi xuống. Nếu cô lấy búp bê cho vào xe đẩy đi dạo, Wilbur cũng đi theo. Thỉnh thoảng, trong những cuộc đi như thế, Wilbur hơi bị mệt, thế là Fern sẽ bế nó lên, đặt nó vào trong xe cùng với búp bê. Nó khoái như vậy. Và nếu nó mệt *quá thế*, nó sẽ nhắm nghiền mắt lại và ngủ thiếp đi dưới tấm chăn của búp bê. Trông nó

thật duyên khi nó nhắm mắt, bởi lẽ mi nó thật dài. Con búp bê cũng nhắm mắt nữa và Fern sẽ đẩy xe rất chậm rất nhẹ để không làm thức giấc lũ nhỏ của cô.



Một buổi chiều ấm áp, Fern và Avery bạn đồ tắm và đi ra suối bơi. Wilbur lẻo đẻo theo sau chân Fern. Khi cô lội xuống suối, Wilbur cũng theo xuống cùng. Nó thấy nước lạnh quá chừng - quá là lạnh so với sở thích của nó. Vì thế trong khi bọn trẻ bơi và chơi và té nước vào nhau, thì Wilbur khoan khoái vẫy người trong bùn bên bờ suối, ở đó vừa ấm vừa ẩm và tuyệt vời là dính và nhóp nhóp.

Mỗi ngày qua là một ngày hạnh phúc, và mỗi đêm qua là một đêm yên bình.

Wilbur thường được nông dân gọi là một con lợn xuân, đơn giản có nghĩa rằng nó được đẻ ra vào mùa xuân. Khi nó được năm tuần tuổi, ông Arable nói giờ thì nó đủ lớn để bán được rồi, và sẽ phải bán đi thôi. Fern suy sụp và khóc lóc. Nhưng bố cô cương quyết về việc này. Wilbur lại càng ăn tợn hơn; nó bắt đầu ăn các thứ thực phẩm đầu thừa đuôi thẹo thêm vào với sữa. Ông Arable không muốn nuôi nó thêm nữa. Ông đã bán hết cả mười anh chị em của Wilbur rồi.

“Phải bán nó thôi, Fern,” ông nói. “Con đã được chơi trò nuôi lợn con rồi còn gì, mà Wilbur thì đâu còn là lợn con nữa, và nó đáng nào cũng sẽ phải bán.”

“Hãy gọi cho nhà Zuckerman,” bà Arable gợi ý cho Fern. “Nhà chú Homer của con thỉnh thoảng vẫn nuôi lợn đấy. Và nếu như Wilbur đến ở chỗ đó, con có thể đi bộ xuống đấy mà thăm nó bao nhiêu tùy thích.”

“Con biết đòi chú ấy bao nhiêu tiền đây?” Fern hỏi.

“À,” bố cô nói, “nó là một con lợn còi. Hãy nói với chú Homer là con có một con lợn muốn bán với giá sáu đô la, xem chú ấy bảo gì.”

Mọi việc nhanh chóng được an bài. Fern gọi điện và gặp thím Edith, và thím Edith kêu chú Homer, và

chú Homer từ chuồng quây chạy vào nói chuyện với Fern. Khi chú nghe thấy giá chỉ là sáu đô la, chú nói chú sẽ mua con lợn. Ngày hôm sau Wilbur đã bị rời khỏi căn nhà của nó dưới cây táo để đến sống ở đồng phân trong nhà kho khu chuồng quây nhà Zuckerman.

Chương 3: XỔNG CHUÔNG

Khu chuồng quây rất rộng. Và nó rất cũ. Nó có mùi cỏ khô và nó có mùi phân. Nó có mùi mồ hôi của lũ ngựa mệt mỏi và hơi thở ngọt ngào tuyệt diệu của lũ bò nhẩn nại. Nó thường xuyên có một thứ mùi yên bình - như thể là chẳng có điều gì tồi tệ có thể xảy ra nữa trên đời. Nó có mùi hạt ngũ cốc và mùi xi đánh yên cương và mùi mỡ bôi trục xe và mùi ủng cao su và mùi dây thừng mới. Và bất cứ khi nào con mèo được cho một cái đầu cá để ăn, khu chuồng lại có mùi cá. Nhưng hầu như là nó có mùi cỏ khô, bởi cỏ khô thì luôn có trong gác xép lớn ở trên đầu. Và cỏ khô thì luôn được ném xuống cho lũ bò và lũ ngựa và lũ cừu.

Khu chuồng quây ấm áp một cách dễ chịu vào mùa đông khi mà lũ súc vật hầu hết thời gian đều ở trong chuồng, và nó mát mẻ một cách dễ chịu vào mùa hè khi các cửa lớn được mở rộng ra đón gió nhẹ. Khu chuồng quây có chuồng ở trên sàn chính cho lũ ngựa kéo, có chỗ buộc ở trên sàn chính cho lũ bò, có một chỗ quây cừu ngay phía dưới cho lũ cừu, một chuồng lợn ngay phía dưới cho Wilbur, và có đủ mọi thứ mà bạn vẫn thấy trong các khu chuồng quây: thang, đá mài, chĩa, mỏ-lết, hái, máy xén cỏ, xẻng xúc tuyết, rìu tay, xô đựng sữa, thùng đựng nước, vỏ bao đựng hạt giống, bẫy chuột han rỉ. Đó là kiểu chuồng quây mà chim nhận thích vào làm tổ. Đó là kiểu chuồng quây mà trẻ con thích vào chơi. Và sở hữu tất tật những thứ ấy chính là chú của Fern, ông Homer L. Zuckerman.



Nhà mới của Wilbur ở phía dưới chuồng quây, ngay bên dưới lũ bò. Ông Zuckerman hiểu rằng đồng phân là một chỗ tốt để nuôi lợn con. Lợn cần được ấm, mà ở dưới đây, phía Nam chỗ nhà kho khu chuồng quây này thì thật là ấm và dễ chịu.



Fern hầu như ngày nào cũng đến thăm nó. Cô bé tìm được một cái ghế đầu dùng để vắt sữa cũ kỹ đã bị bỏ đi, và cô đặt cái ghế ở trong chỗ quây cừ liền kề chuồng của Wilbur. Ở đó cô bé ngồi yên lặng suốt những buổi chiều dài dặc, nghĩ ngợi và lắng nghe và quan sát Wilbur. Lũ cừ nhanh chóng quen cô và tin tưởng cô. Nhà ngỗng, cùng ở với lũ cừ, cũng thế. Tất cả các con vật đều tin tưởng cô, cô bé trầm lặng và thân thiện đến thế. Ông Zuckerman không cho cô đem Wilbur ra ngoài, và ông cũng không cho cô được vào trong chuồng lợn. Nhưng ông bảo Fern rằng cô có thể cứ ngồi trên ghế và nhìn Wilbur bao nhiêu lâu tùy thích. Chỉ cần ở bên con lợn là cô bé đã vui, và con lợn cũng vui khi biết rằng cô đang ngồi đó, ngay ngoài chuồng nó. Mà con lợn cũng chẳng bao giờ có tí thú vui nào - chẳng đi dạo, chẳng đi xe, chẳng tắm bùn.

Một buổi chiều tháng Sáu, khi Wilbur đã gần hai tháng tuổi, nó lang thang ra bãi rào nhỏ của nó ở ngoài khu chuồng. Fern hãy còn chưa tới, như lệ thường. Wilbur đứng dưới nắng, cảm thấy cô đơn và buồn chán.

“Quanh đây chẳng bao giờ có gì để làm,” nó nghĩ. Nó bước chậm chạp tới máng ăn của nó và ngửi hít xem có gì còn sót lại từ bữa trưa không. Nó tìm thấy một miếng nhỏ vỏ khoai tây và ăn liền. Lưng nó bị ngứa, vì thế nó dựa vào hàng rào và cọ xát vào mấy tấm ván. Khi nó đã cọ chán, nó lại vào trong chuồng, trèo lên đỉnh đồng phân, và ngồi xuống. Nó không cảm thấy buồn đi ngủ, nó không cảm thấy muốn đào bới, nó phát chán đứng yên, phát chán nằm xuống. “Mình mới chưa đầy hai tháng tuổi và mình đã phát chán cuộc sống,” nó nói. Nó lại bước ra ngoài bãi rào lần nữa.

“Khi mình ra ngoài này,” nó nói, “thì chẳng có chỗ nào khác để đi ngoài quay vào. Khi mình đã vào chuồng, thì chẳng có chỗ nào khác để đi ngoài trở ra bãi rào.”

“À đó mới thật là sai đấy, anh bạn ạ, anh bạn ạ,” một giọng nói cất lên.

Wilbur nhìn qua hàng rào và thấy ngỗng cái đứng đó.

“Anh chẳng việc gì phải ở trong cái bãi quây bản-tí-hin bản-tí-hin bản-tí-hin đó,” con ngỗng nói, có vẻ hơi bị nhanh quá. “Một tấm gỗ bị long đấy. Húc mạnh vào, húc-húc-húc mạnh vào, và phóng ra

ngoài!”

“Cái gì?” Wilbur nói. “Nói chậm thôi xem nào!”

“Khéo-khéo-khéo, khéo tôi cứ phải lặp đi lặp lại mãi,” ngỗng cái nói, “tôi gợi ý rằng anh hãy ra ngoài. Ở ngoài rất tuyệt.”

“Có phải chị nói một tấm ván bị long?”

“Phải tôi nói, phải tôi nói,” con ngỗng nói.

Wilbur tiến lại gần hàng rào và thấy ngỗng cái nói đúng - một tấm ván bị long. Nó cúi thấp đầu xuống, nhắm mắt lại, và húc. Tấm ván bung ra. Trong một phút, nó đã lách qua hàng rào và đứng giữa đám cỏ tốt bươm ngoài bãi quây của nó.

Ngỗng cái tấm tắc.

“Được tự do cảm thấy thế nào?” nó hỏi.

“Tôi thích,” Wilbur nói. “Nghĩa là, tôi *cho rằng* tôi thích.” Thực ra, Wilbur thấy kỳ quặc thế nào ấy khi ở ngoài bãi quây của nó, chẳng có cái gì che chắn nó với thế giới rộng lớn.

“Chị nghĩ tôi nên đi đâu thì tốt?”

“Bất cứ đâu anh thích, bất cứ đâu anh thích,” ngỗng cái nói. “Chạy quá xuống vườn cây ăn quả, mà lật rể cỏ lên! Chạy quá xuống vườn rau, mà đào bới củ cải! Hãy đào bới tất tậ! Xới cỏ! Tìm ngô! Tìm yến mạch! Cứ xéo cho hết sạch! Vừa uốn vừa éo, vừa nhún vừa nhảy! Hãy chạy qua vườn cây và tản bộ trong rừng! Thế giới mới tuyệt làm sao, khi mà ta còn trẻ.”

“Tôi rõ rồi,” Wilbur trả lời. Nó nhảy cẫng lên trên không, cuộn người, chạy vài bước, dừng lại, nhìn xung quanh, ngửi hít những mùi vị của buổi chiều, thế rồi bắt đầu đi xuyên qua vườn cây ăn quả. Dừng lại dưới bóng một cây táo, nó dúi cái mõm rất khỏe của nó xuống đất và bắt đầu dũi, đào, và lật rể lên. Nó cảm thấy rất hạnh phúc. Nó đã bươi được một khoảng đất kha khá mà không hề có ai nhận ra. Bà Zuckerman là người đầu tiên nhìn thấy nó. Bà thấy nó qua cửa sổ nhà bếp, và ngay tức thì bà gọi vẳng mấy người đàn ông.

“Ho-*mer!*” bà kêu. “Lợn xổng! Lurvy! Lợn xổng! Homer! Lurvy! Lợn xổng. Nó ở dưới cây táo kia kia.”

“Rắc rối bắt đầu rồi đây,” Wilbur nghĩ. “Giờ thì mình sẽ bị tóm là cái chắc.”

Ngỗng cái nghe thấy huyền não và chính nó cũng bắt đầu la hét. “Chạy-chạy-chạy xuống đồi, vào ngay rừng, ngay rừng!” nó hét lên với Wilbur. “Họ sẽ không-không-không bao giờ tóm được cậu trong

rừng.”



Con chó cóc tai quýp nghe thấy náo động nên đã chạy từ trong khu chuồng ra để tham gia đuổi bắt. Ông Zuckerman nghe thấy, và ông chạy ra từ kho để máy móc nơi ông đang sửa dụng cụ. Lurvy, anh người làm, nghe thấy âm ĩ, đã chạy lên từ khoảnh đất trồng măng tây nơi anh đang nhổ cỏ dại. Mọi người ai cũng tiến về phía Wilbur và Wilbur chẳng biết phải làm gì. Rừng dường như còn xa mới tới, và dù sao đi nữa, nó cũng chưa bao giờ ở trong rừng cả và không chắc là nó có thích hay không.

“Đi vòng ra đằng sau nó ấy, Lurvy,” ông Zuckerman nói, “và lừa nó về phía khu chuồng! Mà nhẹ nhàng thôi—đừng dồn ép nó! Tôi sẽ đi lấy một xô cám.”

Tin Wilbur xông chuồng lan ra nhanh chóng giữa bọn súc vật trong khu. Bất cứ khi nào một con vật xông ra khỏi trang trại nhà Zuckerman, thì đó là một sự kiện đáng quan tâm đối với mọi con khác. Ngỗng cái la lên cho con bò ở gần nhất rằng Wilbur đã tự do, và chẳng mấy chốc tất cả lũ bò đều biết. Thế rồi một con trong lũ bò nói với một con trong lũ cừu, và chẳng mấy chốc tất cả lũ cừu đều biết. Bọn cừu con biết chuyện từ mẹ chúng. Lũ ngựa, trong các ngăn chuồng, đã đồng tai chúng lên khi nghe ngỗng cái la hét; và chẳng mấy chốc lũ ngựa cũng biết đang xảy ra chuyện gì. “Wilbur xông ra ngoài,” cả bọn nói. Mọi con vật cùng lắc lư cái đầu rồi trở nên phấn khích khi biết rằng một trong số các bạn của nó đã được tự do và không còn bị quây nhốt hay trói chặt nữa.

Wilbur chẳng biết phải làm gì hay là phải chạy theo lối nào. Cứ như thể là tất cả mọi người đều săn đuổi nó. “Nếu tự do chính là như thế này,” nó nghĩ, “thì mình tin chẳng thà mình cứ bị nhốt trong bãi quây của mình còn hơn.”

Con chó cóc tai quýp xô ra từ một phía bên sườn nó, Lurvy anh người làm vọt ra từ phía bên kia. Bà Zuckerman đã đứng chặn nó phòng khi nó xộc vào vườn rau, và bây giờ đây ông Zuckerman đang tiến đến chỗ nó mang theo một cái xô. “Thế này thì thật kinh khủng,” Wilbur nghĩ. “Tại sao Fern không tới?” Nó bắt đầu khóc.

Ngỗng cái liền nắm lấy quyền chỉ huy và bắt đầu ra lệnh.

“Đừng có đứng ì ra đấy, Wilbur! Luôn lách đi, luôn lách đi!” con ngỗng cái hét lên. “Nhảy xung quanh,

chạy về phía tôi đây, lạng tới lạng lui, lạng tới lạng lui, lạng tới lạng lui! Phóng vào hắc rùng! Quay và ngoắt!”

Con chó cốc tai quíp nhảy xổ vào chân sau Wilbur. Wilbur vọt lên và chạy. Lurvy vươn tay ra và vỗ. Bà Zuckerman la hét Lurvy. Ngỗng cái hoan hô Wilbur. Wilbur lẩn qua hai chân Lurvy. Lurvy trượt mất Wilbur và vỗ phải con chó cốc. “Làm hay lắm, làm hay lắm!” ngỗng cái kêu. “Thử lần nữa xem, thử lần nữa xem!”

“Chạy xuống đồi!” lũ bò gọi ý.

“Chạy về phía tôi!” ngỗng đực hét.

“Chạy lên đồi!” lũ cừu la.

“Quay và ngoắt!” ngỗng cái kêu.

“Nhún và nhảy!” gà trống nói.

“Coi chừng Lurvy!” lũ bò gọi.

“Coi chừng Zuckerman!” ngỗng đực hét.

“Cẩn thận con chó!” lũ cừu la.

“Nghe tôi đây, nghe tôi đây!” ngỗng cái hét.



Sự rùm beng này khiến Wilbur tội nghiệp mù mịt và bàng hoàng cả người. Nó không thích là trung tâm của tất cả sự om xòm này. Nó cố gắng làm theo những chỉ dẫn mà bạn bè mách bảo, nhưng nó không thể vừa chạy xuống đồi lại vừa chạy lên đồi, và nó không thể nào quay và ngoắt một khi đang nhún và nhảy, và nó khóc dữ đến nỗi nó gần như chẳng thấy được chuyện gì đang diễn ra. Xét cho cùng, Wilbur là một con lợn hầy còn bé - thật vẫn chẳng khác nào lợn con. Nó ước giá Fern ở đó để bế nó trong vòng tay và an ủi nó. Khi nó trông lên, và thấy ông Zuckerman đứng khá gần nó, xách một xô cám nóng, nó cảm thấy yên lòng. Nó giương cao mũi và ngửi hít. Cái mùi thật là ngon - sữa nóng, vỏ khoai tây, bột mì, vụn ngô Kellogg, và một cái bánh nướng xốp còn lại từ bữa sáng của nhà Zuckerman.

“Nào lợn, lại đây!” ông Zuckerman nói, đập đập vào cái xô. “Nào lợn, lại đây!”

Wilbur tiến một bước về phía cái xô.

“Chớ-chớ-chớ!” ngỗng cái nói. “Đó là ngón xô cũ rích, Wilbur. Chớ để bị hạ, chớ để bị hạ! Ông ta đang cố lừa anh trở về cái chỗ quây nhốt-ốt. Ông ta đang đánh vào cái dạ dày của anh.”

Wilbur không quan tâm. Thức ăn tỏa mùi ngon tuyệt. Nó dần thêm bước nữa về phía cái xô.

“Nào lợn, nào lợn!” ông Zuckerman nói bằng một giọng hiền hòa, và bắt đầu đi từ từ về phía khu rào quây, nhìn khắp xung quanh với vẻ cứ như không có chuyện gì, như thể ông không biết rằng một con lợn lang bé đang đi theo đằng sau ông.

“Anh sẽ phải hối tiếc-tiếc-tiếc,” ngỗng cái gọi.

Wilbur không quan tâm, nó tiếp tục bước theo xô cám.

“Anh sẽ nhớ tiếc tự do cho xem,” ngỗng cái kêu. “Một giờ tự do đáng giá cả một thùng tô-nô cám đó.”

Wilbur không quan tâm.

Khi ông Zuckerman tới chuồng lợn, ông trèo qua hàng rào và đổ cám vào trong máng. Rồi ông kéo tấm gỗ long ra khỏi hàng rào, để có hẳn một cái lỗ rộng cho Wilbur đi qua.

“Nghĩ lại đi, nghĩ lại đi!” ngỗng cái gào lên.

Wilbur không hề để tâm. Nó bước qua hàng rào vào trong sân quây của mình. Nó đến bên máng và tợp một lèo cám là cám, chít sữa một cách thèm khát và ngấu nghiêng cái bánh nướng. Trở về nhà mình thật là tốt.

Trong khi Wilbur ăn, Lurvy mang tới một cái búa và mấy cái đinh 8-phân và đóng lại tấm gỗ như cũ. Rồi anh ta và ông Zuckerman uể oải dựa vào hàng rào và ông Zuckerman gãi lưng Wilbur bằng một cái que.

“Nó ra dáng một con lợn ghê,” Lurvy nói.

“Ồ, nó sẽ là một con lợn tốt đấy,” ông Zuckerman nói.

Wilbur nghe thấy những lời khen. Nó cảm thấy sữa ấm ở trong dạ. Nó cảm thấy cái que gãi gãi dễ chịu dọc theo cái lưng ngứa ngáy của nó. Nó cảm thấy bình yên và hạnh phúc và buồn ngủ. Đúng là một buổi chiều mệt nhọc. Mới chỉ có bốn giờ nhưng Wilbur thì đã sẵn sàng đi nằm.

“Mình thật sự còn quá trẻ để ra ngoài đời một thân một mình,” nó vừa nghĩ vừa đặt mình nằm xuống.

Chương 4: CÔ ĐƠN

Ngày hôm sau trời mưa và u ám. Mưa rơi trên nóc khu chuồng và nhỏ giọt đều đều xuống từ mái hiên. Mưa rơi trên sân khu chuồng quây và chạy ngoằn ngoèo theo lối đi nơi đám cây kể và rau dền mọc lên. Mưa tạt tung tóe vào cửa sổ nhà bếp của bà Zuckerman và xối ra ào ạt từ máng thoát nước. Mưa rơi trên lưng lũ cừu khi chúng ăn cỏ trên bãi thả. Khi lũ cừu đứng dưới mưa đã phát chán, chúng chậm chạp lần theo lối đi và trở về bãi quây.

Mưa đã làm hỏng các kế hoạch của Wilbur. Wilbur dự tính sẽ ra ngoài, vào hôm nay, và sẽ đào một cái lỗ mới trong sân quây. Nó cũng có các kế hoạch khác nữa. Kế hoạch của nó cho cả ngày đại để là thế này:

Sáu rưỡi ăn bữa sáng. Sữa không kem, vỏ bánh, vụn cám, mẩu bánh rán, bánh bột mì với vài giọt xi-rô thích còn dính bên trên, vỏ khoai tây, phần sót lại của bánh pút-đinh sữa trứng với cả nho khô, và mấy mẩu bánh ngũ cốc giòn.

Bảy giờ thì ăn xong bữa sáng.

Từ bảy đến tám giờ, Wilbur dự tính sẽ có cuộc nói chuyện với Templeton, gã chuột sống ở dưới cái máng của nó. Nói chuyện với Templeton không phải là việc gì đó quá thú vị trên đời nhưng còn hơn là không làm gì.

Từ tám đến chín giờ, Wilbur dự tính sẽ chọn mất một tí ở bên ngoài dưới ánh nắng.

Từ chín đến mười một giờ nó dự tính sẽ đào một cái lỗ, hoặc một cái rãnh, và có thể là tìm một cái gì đó hay hay đương bị lấp trong đất để ăn.

Từ mười một đến mười hai giờ nó dự tính sẽ đứng yên và ngắm bọn ruồi trên các tấm ván, ngắm bọn ong trong cỏ ba lá, và ngắm bầy nhạn trong không trung.

Mười hai giờ - giờ ăn trưa. Vụn cám, nước ấm, vỏ táo, nước thịt, vụn cà rốt, vụn thịt ăn thừa, cháo ngô cũ, và cả một gói pho mát. Một giờ thì ăn xong bữa trưa.

Từ một đến hai giờ, Wilbur dự tính đi ngủ.

Từ hai đến ba giờ, nó dự tính sẽ gãi những chỗ ngứa bằng cách cọ xát vào bờ rào.

Từ ba đến bốn giờ, nó dự tính sẽ đứng im lìm và suy nghĩ xem sống là như thế nào, và đợi chờ Fern.

Bốn giờ sẽ có bữa tối. Sữa không kem, đồ ăn, bánh sandwich còn sót từ bữa trưa của Lurvy, vỏ mận,

đầu thừa cái này, đuôi theo cái kia, khoai tây rán, mứt cam chảy, tí tẹo cái này, tí tẹo cái kia, một miếng táo nướng, một mảnh mặt dưới cái bánh ngọt.

Wilbur đi ngủ đã ngẫm nghĩ những kế hoạch nói trên.

Nó thức dậy lúc sáu giờ và thấy trời mưa, và dường như là nó không tài nào chịu đựng nổi điều đó.

“Mình đã trù tính mọi thứ tuyệt vời, thế mà trời cứ phải mưa mới được,” nó nói.

Nó đứng rầu rĩ một lúc trong chuồng. Rồi nó bước đến bên cửa và nhìn ra ngoài. Những hạt mưa tấp vào mặt nó. Ngoài sân lạnh và ướt. Máng của nó ngập mấy phân nước mưa. Templeton thì chẳng thấy đâu.

“Anh có ở đó không hả Templeton?” Wilbur gọi.

Không có tiếng trả lời. Đột nhiên Wilbur cảm thấy cô đơn và lẻ loi.

“Lại một ngày như mọi ngày,” nó rên rỉ. “Mình còn rất trẻ, mình chẳng có ai làm bạn thực sự trong chuồng quây, còn Fern sẽ chẳng đến khi trời xấu như thế này. Ôi, *trời ơi!*” Và Wilbur lại khóc nữa, lần thứ hai trong vòng hai ngày.

Vào sáu rưỡi Wilbur nghe thấy tiếng xô xúng xoảng. Lurvy đang đứng ngoài mưa, đang khuấy bữa sáng.

“Nào, lợn!” Lurvy nói.

Wilbur không hề nhúc nhích. Lurvy đổ cám, cạo xô, và đi khỏi. Anh ta nhận thấy có gì đó không ổn với con lợn.

Wilbur không muốn thức ăn, nó muốn tình cảm. Nó muốn một người bạn - một ai đó sẽ chơi với nó. Nó đề cập chuyện đó với ngỗng cái, con vật đang ngồi im lặng trong góc chuồng cừu.

“Chị sẽ lại đây và chơi với tôi chứ?” nó hỏi.

“Xin lỗi, xin lỗi, xin lỗi,” con ngỗng cái nói. “Tôi đang ấp-ấp trứng của tôi. Tám quả tất cả. Phải làm cho chúng nóng-óng-óng ấm. Tôi phải ở yên chỗ này, tôi không phải là ả dài cổ tự-ự-ự do. Tôi không chơi nhớn khi có trứng để ấp. Tôi đang mong có ngỗng con.”

“À vâng, tôi không nghĩ chị lại mong có chim gõ kiến,” Wilbur cay đắng nói.

Sau đó Wilbur lại gặng một con cừu non.

“Bạn sẽ vui lòng chơi với tôi chứ?” nó hỏi.

“Chắc chắn là không,” con cừu non nói. “Trước nhất, tôi không thể nào vào trong chuồng của anh, vì tôi chưa đủ lớn để mà nhảy được qua hàng rào. Thứ nhì, tôi không quan tâm đến lợn. Đối với tôi lợn còn kém cả chẳng là gì.”

“Anh nói, *kém cả* chẳng là gì, có nghĩa là thế nào?” Wilbur đáp lại. “Tôi không nghĩ rằng lại có thứ gì còn *kém cả* chẳng là gì. Chẳng là gì là ranh giới tuyệt đối của sự chẳng là gì cả. Đó là cái thấp nhất mà anh có thể đạt tới. Đó là đầu cùng của con đường. Làm sao lại có thứ gì kém cả chẳng là gì? Nếu có một thứ gì đó mà kém cả chẳng là gì, thế thì chẳng là gì sẽ không phải là chẳng là gì, nó là một cái gì đấy - cho dù chỉ là một mẩu tí tí tí cái gì đấy. Còn nếu chẳng là gì thật sự là *chẳng là gì*, thì chẳng là gì làm sao lại bao hàm một thứ còn kém hơn cả *nó*.”



“Ôi, im đi nào!” con cừu non nói. “Cứ tự đi mà chơi! Tôi không chơi với lợn!”

Buồn bã, Wilbur nằm xuống và lắng nghe cơn mưa. Chẳng mấy chốc nó nhìn thấy gã chuột trèo xuống tấm ván nghiêng mà gã vẫn dùng như là cầu thang.

“Anh sẽ chơi với tôi chứ, Templeton?” Wilbur hỏi.

“Chơi?” Templeton nói, vôn vê bộ ria của gã. “Chơi? Tôi thấy khó hiểu ý của cái từ này.”

“À,” Wilbur nói, “nó có nghĩa là vui chơi, nô nghịch, chạy và nhảy và đùa giỡn.”

“Nếu tránh được tôi sẽ không bao giờ làm những cái trò đó,” gã chuột cau có đáp. “Thời gian của tôi dùng để ăn, gặm, thám thính, và ẩn nấp. Tôi là một kẻ ham ăn chứ không phải một tên mua vui. Ngay giờ đây tôi đang trên đường đến cái máng của anh để xơi bữa sáng của anh, vì anh đã không đủ khả năng để mà tự ăn lấy.” Và Templeton, gã chuột, bò lén lút dọc theo tường và biến mất vào một đường hầm bí mật mà gã đã đào từ cửa tới cái máng trong sân quây của Wilbur. Templeton là một gã chuột xảo quyệt, và gã làm mọi thứ hầu như theo ý riêng của gã. Cái đường hầm là một ví dụ về kỹ năng và sự gian xảo của gã. Cái đường hầm giúp gã đi từ khu chuồng đến chỗ ẩn nấp của gã ở dưới máng lợn mà không hề phải phơi mình ra ngoài. Gã có các đường hầm và lối đi ở khắp cả trang trại nhà

Zuckerman và có thể đi từ chỗ này sang chỗ kia mà không hề bị nhìn thấy. Gã thường ngủ ngày và chỉ xuất hành ra ngoài khi trời tối.



Wilbur nhìn gã biến mất trong đường hầm của gã. Một lúc sau nó nhìn thấy cái mũi nhọn của gã chuột chồ ra từ phía dưới cái máng gỗ. Thận trọng, Templeton rướn mình lên trên miệng máng. Điều này hầu như vượt quá khả năng chịu đựng của Wilbur: vào cái ngày tồi tệ, mưa gió này lại nhìn thấy bữa sáng của mình bị một kẻ khác ăn mất. Nó biết rằng Templeton cũng đã ướt sũng dưới cơn mưa như trút ở ngoài kia, nhưng ngay cả điều đó cũng không an ủi được nó. Lẻ loi, chán nản, và đói ngấu, nó quăng mình xuống đồng phân và khóc nức nở.

Chiều muộn hôm đó, Lurvy đến chỗ ông Zuckerman. “Tôi nghĩ có gì đó không ổn với con lợn của ông. Nó không hề động đến thức ăn.”

“Cho nó hai thìa lưu huỳnh và một ít mật đường,” ông Zuckerman nói.

Wilbur không thể nào tin nổi những thứ đang xảy đến với nó khi Lurvy bắt nó và tống thuốc vào cổ họng nó. Đây chắc chắn là cái ngày khốn nạn nhất trong đời nó. Nó không hiểu liệu nó có thể chịu đựng được sự cô đơn khủng khiếp này nữa hay không.

Bóng tối đã bao trùm lên mọi thứ. Chẳng mấy chốc chỉ còn những cái bóng và tiếng ồn ào của lũ cừu đang nhai lại, và thỉnh thoảng là tiếng lách cách của sợi dây buộc bò ở trên đầu. Bạn có thể tưởng tượng sự ngạc nhiên của Wilbur, khi mà, trong bóng tối, cất lên một giọng nói nhỏ mà nó chưa từng nghe thấy. Giọng nói nghe rất nhỏ nhẹ, nhưng vui vẻ. “Có phải cậu muốn có một người bạn không, Wilbur?” cái giọng nói. “Tôi sẽ là bạn cậu. Tôi đã quan sát cậu cả ngày và tôi thích cậu.”

“Nhưng tôi không thấy bạn,” Wilbur nói, nhảy cẫng lên. “Bạn ở đâu? Và bạn là ai?”

“Tôi ở ngay trên này,” cái giọng nói. “Hãy đi ngủ đi. Cậu sẽ thấy tôi vào buổi sáng.”

Chương 5: CHARLOTTE

Đêm dường như dài đằng dặc. Bụng Wilbur trống rỗng và đầu nó đầy tràn. Và khi bụng bạn trống rỗng còn đầu bạn đầy tràn, thì luôn luôn khó ngủ.

Cả chục lần trong đêm Wilbur tỉnh giấc và nhìn chằm chằm vào trong bóng tối, lắng nghe các âm thanh và cố gắng ước chừng xem đã mấy giờ rồi. Một khu chuồng không bao giờ tuyệt đối yên lặng. Ngay cả nửa đêm cũng thường có gì đó khuấy động.

Lần đầu tiên nó tỉnh giấc, nó nghe thấy Templeton đang gặm một cái lỗ trong thùng đựng ngũ cốc. Răng Templeton cạp rất mạnh vào gỗ và nghe ra cũng khá âm ỉ. “Cái gã chuột điên rồ đó!” Wilbur nghĩ. “Tại sao gã cứ phải thức cả đêm, nghiền cái bộ gặm của gã và phá hoại tài sản của người ta? Tại sao gã không thể đi ngủ, như những con vật tử tế khác?”

Lần thứ hai Wilbur tỉnh giấc, nó nghe ngỗng cái cựa mình trong ổ và lẩm bầm một mình.

“Mấy giờ rồi nhỉ?” Wilbur thì thầm với con ngỗng.

“Khoảng-oảng-oảng chừng mười một rưỡi,” ngỗng cái nói. “Sao anh không ngủ đi, Wilbur?”

“Có quá nhiều thứ trong đầu tôi,” Wilbur nói.

“À,” ngỗng cái nói, “đó không phải là vấn đề *của tôi*. Tôi chẳng có thứ gì trong đầu cả, nhưng mà lại có ối ra ở dưới móng tôi đây. Anh có bao giờ thử ngủ khi ngồi trên tám quả trứng chưa?”

“Chưa,” Wilbur trả lời. “Tôi cho là nó *không được* dễ chịu cho lắm. Mất bao nhiêu lâu thì một quả trứng ngỗng mới nở?”

“Chừng-ừng độ-ộ ba mươi ngày, tổng cộng,” ngỗng cái trả lời. “Nhưng tôi cũng ăn gian một chút. Vào những buổi chiều ấm áp, tôi để một ít rơm lên trên lũ trứng và ra ngoài đi dạo một tẹo.”

Wilbur ngáp và lại ngủ tiếp. Trong giấc mơ nó lại nghe thấy giọng nói cất lên, “Tôi sẽ là bạn cậu. Hãy đi ngủ đi - cậu sẽ thấy tôi vào buổi sáng.”

Chừng nửa tiếng trước rạng đông, Wilbur tỉnh giấc và lắng nghe. Khu chuồng vẫn tối. Lũ cừu nằm bất động. Ngay cả ngỗng cái cũng im lìm. Phía trên đầu, trên sàn chính, không có gì động đậy: lũ bò đang thiêm thiếp, lũ ngựa ngủ lơ mơ. Templeton đã ngưng công việc và đi làm cái chi ở đâu đó. Âm thanh duy nhất là tiếng cọt két trên nóc, nơi cái chong chóng gió cứ đưa qua đưa lại. Wilbur yêu khu chuồng khi nó như thế này - êm đềm và yên lặng, đợi chờ ánh ngày.

“Sáng đến nơi rồi,” nó nghĩ.

Qua cửa sổ nhỏ, một tia sáng yếu ớt xuất hiện. Sao từng ngôi một biến mất. Wilbur có thể thấy ngổng cái cách đó chừng vài bước. Chị ta ngồi với cái đầu rúc dưới một cánh. Rồi nó có thể nhìn thấy lũ cừu và bọn cừu con. Bầu trời sáng lên.

“Ôi chào, ngày đẹp ơi, cuối cùng mi cũng đến! Hôm nay ta sẽ tìm được bạn ta.”

Wilbur nhìn khắp chốn. Nó lục soát mọi chỗ trong chuồng nó. Nó kiểm tra gờ cửa sổ, nhìn chăm chăm lên trần nhà. Nhưng nó chẳng thấy có cái gì mới. Cuối cùng nó quyết định là phải lên tiếng. Nó ghét phải phá vỡ sự tĩnh mịch đáng yêu của buổi rạng đông bằng cái giọng của mình, nhưng nó chẳng nghĩ ra cách nào khác để xác định người bạn mới bí ẩn mà giờ chẳng nhìn thấy ở đâu cả. Wilbur bèn hăng giọng.

“Xin hãy chú ý!” nó nói bằng một giọng to, mạnh mẽ. “Xin quý anh hoặc là quý chị, người đã nói với tôi vào lúc đi ngủ tối qua vui lòng để mình xuất lộ bằng cách ra dấu hoặc ra hiệu!”

Wilbur ngừng lại và lắng nghe. Tất cả các con vật khác cùng ngẩng đầu lên và nhìn nó. Wilbur đỏ mặt. Nhưng nó đã cương quyết tiếp xúc bằng được với người bạn bí ẩn của nó.

“Xin hãy chú ý!” nó nói. “Tôi sẽ nhắc lại thông báo. Xin cái người đã nói với tôi vào lúc đi ngủ tối qua vui lòng lên tiếng. Làm ơn nói cho tôi biết bạn ở đâu, nếu bạn là bạn của tôi!”

Lũ cừu con nọ nhìn con kia trong sự khinh bỉ.

“Hãy thôi trò ngu ngốc của cậu đi, Wilbur!” con cừu lớn tuổi nhất nói. “Nếu cậu có bạn mới ở chỗ này, có lẽ cậu đang làm phiền giấc ngủ của người ta đó; và cách nhanh nhất để làm hồng tình bạn chính là đánh thức người ta vào sáng sớm khi người ta còn chưa sẵn sàng. Làm sao cậu có thể chắc rằng người bạn của cậu là một kẻ dậy sớm hả?”

“Tôi xin mọi người thứ lỗi,” Wilbur thì thầm. “Tôi không có ý làm một kẻ chương tai gai mắt.”

Nó ngoan ngoãn nằm xuống đóng phân, hướng mặt ra cửa. Nó đã không biết, nhưng bạn nó đã ở rất gần. Và con cừu già nói đúng - người bạn hãy còn đang ngủ.

Chẳng mấy chốc Lurvy xuất hiện cùng với cám cho bữa sáng. Wilbur lao ra, hồi hả xoi mọi thứ, và liếm cả máng. Lũ cừu ra đi theo con đường làng, ngổng đực lạch bạch đằng sau chúng, vừa đi vừa giựt cỏ. Và rồi, đúng lúc Wilbur sửa soạn để chợp mắt lúc nửa buổi, nó lại nghe thấy cái giọng nhỏ nhẹ đã nói với nó hồi đêm.

“Chào mừng!” giọng nói cất lên.

Wilbur nhảy cẫng lên. “Chào-gì?” nó kêu lên.

“Chào mừng!” giọng nói nhắc lại.

“Thế là *thế nào?* và *bạn* ở đâu vậy?” Wilbur gào lên. “Làm ơn, *làm ơn*, hãy nói cho tôi bạn ở đâu. Và chào mừng là thế nào?”

“Chào mừng cũng là chào,” giọng nói cất lên. “Khi tôi nói ‘chào mừng’, thì đó là cách lập dị của riêng tôi để nói chào hoặc xin chào. Thật sự, đó là một lối diễn đạt ngớ ngẩn, và tôi ngạc nhiên là lúc nào tôi cũng dùng nó. Còn tôi ở đâu thì rất dễ. Hãy nhìn lên góc cửa này! Tôi ở đây. Nhìn xem, tôi đang vẫy đây!”



Cuối cùng Wilbur cũng nhìn thấy sinh vật đã nói chuyện tử tế như vậy với nó. Căng trên góc cửa cao là một mạng nhện lớn, và treo lơ lửng trên đỉnh mạng, đầu chúc xuống, là một chị nhện xám lớn. Chị ta to cỡ một chiếc kẹo gôm. Chị ta có tám cái chân, và chị ta hiện đang vẫy một cái với Wilbur một cách thân thiện. “Thấy tôi chưa?” chị ta hỏi.

“Ồ, thấy rồi,” Wilbur nói. “Thấy rồi! Chị thế nào? Xin chào buổi sáng! Chào mừng! Rất vui được gặp chị. Tên chị là gì cơ? Tôi có thể biết tên chị được không?”

“Tên tôi,” con nhện nói, “là Charlotte.”

“Charlotte gì cơ?” Wilbur hăng hái hỏi.

“Charlotte A. Cavatica. Nhưng cứ gọi tôi là Charlotte.”

“Tôi nghĩ chị đẹp,” Wilbur nói.

“À, tôi *khá là* xinh,” Charlotte trả lời. “Không cần phải chối điều đó. Nhện hầu hết cũng đều khá bắt mắt. Tôi không chừng diện như một số khác, nhưng mà cũng sẽ. Tôi ước tôi có thể nhìn thấy cậu,

Wilbur, cũng rõ ràng như cậu nhìn thấy tôi.”

“Tại sao chị lại không thể?” con lợn hỏi. “Tôi ở ngay đây mà.”

“Biết rồi, nhưng tôi bị cận thị,” Charlotte trả lời. “Tôi lúc nào cũng bị cận đến phát khiếp lên được. Hay thì cũng rất hay, nhưng dở thì cũng thật dở. Hãy xem tôi cuốn con ruồi này.”

Một con ruồi đang bò dọc máng của Wilbur vừa bay lên và mù quáng lao vào phía dưới mạng nhện của Charlotte và bị vướng trong những sợi tơ dính. Con ruồi đập cánh điên cuồng, cố gắng vùng ra và giải thoát chính nó.

“Đầu tiên,” Charlotte nói, “tôi sẽ bỏ nhào xuống chỗ nó.” Chị ta lao đầu xuống dưới chỗ con ruồi. Trong khi chị ta rơi, một sợi tơ mảnh óng ánh trải ra từ phía sau đuôi chị ta.

“Sau đó, tôi sẽ cuốn nó lại.” Chị ta cuốn con ruồi, liệng một ít tơ ra xung quanh nó, xoay tròn nó hết vòng này đến vòng khác, cuốn nó đến nỗi nó không thể động đậy nổi. Wilbur chứng kiến trong kinh hãi. Nó không thể tin nổi những gì nó đang thấy tận mắt, và mặc dù nó ghét cay ghét đắng ruồi, nó cũng thấy thương cảm cho con ruồi này.

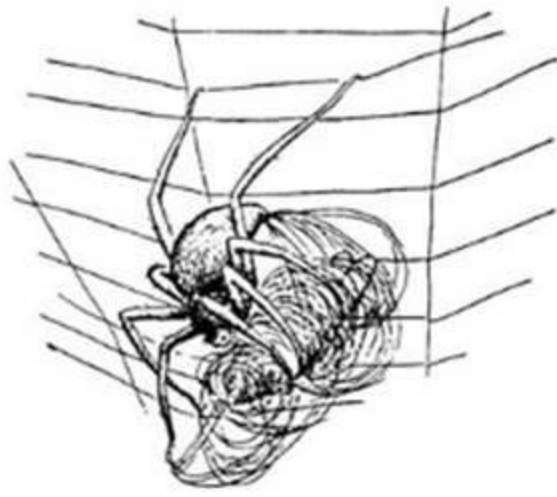
“Đó!” Charlotte nói. “Bây giờ tôi sẽ hạ gục nó, để cho nó dễ chịu hơn.” Chị ta cắn con ruồi. “Bây giờ nó chẳng cảm thấy gì nữa,” chị ta lưu ý. “Nó sẽ là bữa sáng hoàn hảo của tôi.”

“Ý chị là chị *ăn* ruồi?” Wilbur thở hồn hên.

“Chắc chắn rồi. Ruồi, bọ, châu chấu, bọ cánh cứng có chọn lọc, nhậy, bướm, gián loại ngon, ruồi nhuế, muỗi vằn, chôm chôm, rết, muỗi, dế - bất cứ thứ gì bắt cần sa vào mạng nhện của tôi. Tôi phải sống chứ, đúng không?”

“Tại sao, à vâng, dĩ nhiên,” Wilbur nói. “Ăn chúng có ngon không?”

“Tuyệt diệu. Dĩ nhiên, tôi không thực sự ăn chúng. Tôi uống chúng - uống máu chúng. Tôi thích máu,” Charlotte nói, và giọng nói nhỏ nhẹ, vui vẻ của chị ta trở nên nhỏ nhẹ và vui vẻ hơn nữa.



“Đừng nói thế!” Wilbur rên rỉ. “Làm ơn đừng nói những thứ như thế!”

“Tại sao không? Đó là thật, và tôi phải nói những gì là thật. Tôi không hoàn toàn sung sướng với những món thực đơn gồm ruồi với bọ của mình, nhưng tôi đã được sinh ra như vậy. Một con nhện cũng phải chọn cách sống thế này hay thế khác, và tôi sinh ra để làm kẻ giăng bẫy. Tôi chỉ tự nhiên mà giăng một cái mạng để bắt ruồi và côn trùng. Trước tôi, mẹ tôi cũng là một kẻ giăng bẫy. Trước mẹ tôi, mẹ của mẹ tôi cũng là kẻ giăng bẫy. Tất cả gia đình tôi đều là những kẻ giăng bẫy. Hàng nghìn và hàng nghìn năm trở về trước loài nhện chúng tôi đã nằm rình ruồi và bọ rồi.”

“Một sự thừa kế khôn khổ,” Wilbur ủ rũ nói. Nó buồn vì người bạn mới của nó là một kẻ khát máu đến vậy.

“Phải, đúng vậy,” Charlotte đồng ý. “Nhưng tôi chẳng làm gì được. Tôi không biết cái bà nhện đầu tiên trên thế giới vào những ngày xa xưa làm thế nào lại tình cờ nảy ra cái ý kì dị là giăng một cái mạng, nhưng bà ấy đã nảy ra, và công nhận bà ấy thật sáng suốt. Kể từ đó, tất cả nhện chúng tôi đều phải làm theo cái thủ thuật ấy. Và đại để đó không hề là một ngón tài.”

“Thật là tàn bạo,” Wilbur trả lời, nó không muốn bị đưa đẩy ra ngoài lập trường của mình.

“À, *cậu* không thể nói thế,” Charlotte nói. “Cậu có thức ăn người ta bung đến trong cái xô. Còn không có ai nuôi ăn tôi cả. Tôi phải tự kiếm lấy cái ăn. Tôi phải sống nhờ mưu mẹo. Tôi phải khôn ngoan và sắc bén, để tôi không phải bị đói. Tôi phải suy tính mọi việc, bắt lấy những gì tôi có thể, chộp những thứ văng lai. Và chuyện là như thế, anh bạn ạ, những thứ văng lai ấy chính là ruồi và côn trùng và bọ bọ. Và *hơn* nữa,” Charlotte nói, rung rung một cái chân, “cậu có nhận ra rằng nếu tôi không bắt bọ bọ và ăn chúng, bọ bọ sẽ đông lên và sẽ nhân ra và sẽ nhiều đến nỗi chúng có thể tàn phá quả đất, triệt hạ tất cả thực vật?”

“Thật ư?” Wilbur nói. “Tôi không hề muốn *chuyện đó* xảy ra. Có thể mạng nhện của chị rút cuộc là một thứ tốt lành.”

Ngõng cái lắng nghe cuộc đối thoại và lăm bắm với chính nó. “Cuộc đời còn có rất nhiều thứ mà

Wilbur không biết,” nó nghĩ. “Cậu ta thật sự là một con lợn con quá ngây thơ. Cậu ta thậm chí không biết điều gì sẽ xảy ra với cậu ta vào dịp lễ Giáng sinh; cậu ta không thể ngờ rằng ông Zuckerman và Lurvy đã dự tính sẽ giết cậu ta.” Ngỗng cái nâng thân mình lên một chút và đẩy những quả trứng sâu xuống dưới để chúng có thể nhận được trọn vẹn nhiệt từ cơ thể ấm nóng và bộ lông mềm của nó.

Charlotte đứng yên lặng trên con ruồi, chuẩn bị ăn thịt nó. Wilbur nằm xuống và nhắm mắt lại. Nó đã mệt mỏi bởi một đêm mất ngủ và bởi sự phấn khích khi gặp được người ta lần đầu tiên. Một cơn gió nhẹ mang đến cho nó mùi cỏ ba lá - cái thế giới thơm nức ở bên kia hàng rào quây. “Vây đó,” nó nghĩ, “mình đã có một người bạn mới, đúng rồi. Nhưng tình bạn mới giống một canh bạc đến nhường nào! Charlotte dữ tợn, tàn bạo, mưu mô, khát máu - toàn những điều mình không thích. Làm sao mà mình có thể thích được chị ta, cho dù chị ta rất xinh và rõ là thông minh?”

Wilbur chỉ đơn thuần bị giày vò bởi những hoài nghi và những nỗi sợ vốn vẫn xảy đến mỗi khi tìm được một người bạn mới. Vào thời điểm thích hợp, nó sẽ phát hiện ra rằng nó thật sai lầm về Charlotte. Bên trong cái vẻ ngoài dường như là dạn dày, tàn bạo của mình, chị nhện có một trái tim nhân hậu, và chị sẽ chứng tỏ sự thủy chung và chân thật cho đến cả thời khắc tối hậu.

Chương 6: NGÀY HÈ

Những ngày hè đầu tiên trong một trang trại chính là những ngày vui nhất, đẹp nhất trong một năm. Từ đỉnh hương ra hoa và làm cho không khí thơm dịu, thế rồi phai nhạt đi. Táo ra hoa cùng với tử đinh hương, và bầy ong xúm đến xung quanh những cây táo. Trời trở nên ẩm và ẩm ướt. Năm học kết thúc, và lũ trẻ có thời gian vui chơi và câu cá hồi ngoài suối. Thằng Avery thường xuyên mang về nhà trong cái túi của nó một con cá hồi, ẩm, ráp, và sẵn sàng để rán cho bữa tối.

Giờ không phải đến trường nữa, Fern hầu như ngày nào cũng đến thăm khu chuồng, để ngồi yên lặng trên cái ghế đầu của cô. Những con vật đối xử với cô bé như với đồng loại. Lũ cừu bình thản nằm dưới chân cô.

Vào khoảng ngày đầu tháng Bảy, lũ ngựa kéo bị buộc vào máy cắt và ông Zuckerman trèo lên chỗ ghế ngồi và đánh xe ra đồng. Suốt buổi sáng bạn có thể nghe tiếng cạch cạch của cái máy cắt cứ đi hết vòng này đến vòng khác, trong khi đó cỏ bươm bồ đề rạp xuống từ đằng sau cái thanh cắt dúi vào vạt cỏ xanh tốt. Ngày hôm sau, nếu như không có mưa rào, mọi người sẽ cùng cào, ném, chất đống lại, và cỏ sẽ được chở về khu chuồng bằng xe kéo cao ngất, có Fern và Avery ngồi ở trên đỉnh đống cỏ. Thế rồi cỏ, tươi và ẩm, sẽ được kéo lên gác xép lớn, cho đến khi cả khu chuồng giống như một cái giường tuyệt vời đầy cỏ đuôi mèo và cỏ ba lá. Nhảy lên đó thì rất thú, và trốn ở đó thì tuyệt diệu. Thỉnh thoảng thằng Avery lại tìm thấy một con rắn cỏ con lẫn trong cỏ, và nó sẽ thêm cái thứ đó vào một đống những thứ khác trong túi.

Những ngày hè sớm sủa chính là thời gian đầy hân hoan của bầy chim. Trên cánh đồng, xung quanh những ngôi nhà, trong khu chuồng, trong rừng, trong đầm lầy - khắp nơi thấy đều là yêu đương và ca hát và làm tổ và đẻ trứng. Từ ngoài bìa rừng, chim sẻ họng trắng (phải vượt cả quãng đường dài từ Boston tới) réo gọi, “Ô, thân-đậu, thân-đậu, thân-đậu!” Trên cành táo, chim đớp ruồi nâu đi loạng choạng và vẫy đuôi và hát, “ruồi-nâu, ruồi-nâu-âu!” Chim sẻ hát hay, vốn biết rằng cuộc đời ngắn ngủi và diễm lệ nhường nào, thì hát, “Ngọt, ngọt, khúc khúc ngọt; ngọt, ngọt, khúc khúc ngọt.” Nếu bạn vào khu chuồng, chim nhận sẽ sà xuống từ tổ của chúng và quát mắng. “Quá lão, quá lão!” chúng réo.

Vào những ngày hè sớm sủa, có vô số các thứ để cho một đứa trẻ con ăn và uống và mút và nhai. Thân cây bồ công anh Trung Hoa đầy ứ những sữa, ngọn cỏ ba lá thì có cả mật, tủ lạnh có đầy đồ uống lạnh cóng. Khắp nơi bạn nhìn thấy đều là sự sống cả; thậm chí cái đầu mẩu trên thân cỏ gà, nếu bạn chọc thủng nó ra, có cả con sâu xanh đang ở bên trong. Và ở mặt dưới lá nho khoai cũng sin sít trứng da cam sáng của bọ khoai.

Chính vào một ngày đầu hè, đám trứng ngỗng đã nở. Đây là cả một sự kiện quan trọng trong nhà kho của khu chuồng. Fern có ở đó; cô ngồi trên ghế gỗ chứng kiến sự việc.

Trừ ngỗng cái ra, Charlotte chính là kẻ đầu tiên biết rằng bọn ngỗng con sắp nở. Ngỗng cái biết từ một

ngày trước đó rằng ngỗng con nở đến nơi rồi - nó có thể nghe thấy tiếng kêu yếu ớt của chúng từ bên trong quả trứng. Nó biết rằng chúng đang ở trong tư thế khó chịu kinh khủng trong vỏ trứng và đang nóng lòng muốn phá thủng và thoát ra. Vì thế nó ngồi khá im lìm, và nói ít hơn thường lệ.

Khi con ngỗng con đầu tiên thò cái đầu xanh xám của nó ra ngoài đám lông vũ của ngỗng mẹ và nhìn xung quanh, Charlotte đã phát hiện ra và trình trọng thông báo.

“Tôi chắc rằng,” chị nhện nói, “tất cả chúng ta ở đây sẽ lấy làm hài lòng khi biết rằng sau bốn tuần với sự kiên nhẫn và cố gắng không ngừng của chị ngỗng bạn của chúng ta, bây giờ đây chị đã có cái để hãnh diện. Bầy ngỗng con đã nở rồi. Tôi xin thành thực chúc mừng!”

“Cảm ơn, cảm ơn, cảm ơn!” ngỗng cái vừa nói vừa gật và cúi đầu không chút ngượng ngùng.

“Cảm ơn,” ngỗng đực nói.

“Chúc mừng!” Wilbur gào lên. “Có bao nhiêu ngỗng con đấy? Tôi chỉ thấy có một.”

“Có bảy đứa,” ngỗng cái nói.

“Hay!” Charlotte nói. “Bảy là con số may mắn.”

“Chẳng có may mắn nào ở đây hết,” ngỗng cái nói. “Đây là do trông nom tốt và làm việc cật lực.”

Đúng lúc đó, Templeton nhô cái mũi của gã ra khỏi chỗ nấp ở dưới cái máng của Wilbur. Gã liếc Fern, rồi luôn ép sát vào tường, gã rón rén thận trọng bò về phía ngỗng cái. Tất cả cùng coi chừng gã, bởi lẽ gã chẳng được ai quý mến, tin cậy.

“Thế này,” gã bắt đầu bằng cái giọng the thé của gã, “chị nói chị có bảy ngỗng con. Mà trứng thì có tám quả. Vậy quả trứng còn lại thì làm sao? Tại sao nó không nở?”

“Nó bị ung, tôi đoán vậy,” ngỗng cái nói.

“Chị sẽ làm gì với nó?” Templeton tiếp tục, cặp mắt tròn nhỏ và sáng của gã dán chặt vào ngỗng cái.

“Anh có thể lấy nó,” ngỗng cái trả lời. “Hãy lăn nó đi và thêm nó vào cái bộ sưu tập kinh tởm của anh.” (Templeton có thói quen gom nhặt tất cả những đồ vật dị hợm xung quanh trang trại và cất trữ chúng ở trong nhà gã. Gã tích trữ mọi thứ.)

“Chắc-ắc-ắc rồi-ôi-ôi,” ngỗng đực nói. “Anh có thể lấy quả trứng. Nhưng tôi nói cho anh biết một điều, Templeton, nếu tôi mà tóm được anh chỗ-ồ-ồ cái mũi xấu xa của anh quanh lỗ ngỗng con nhà tôi, tôi sẽ nện cho anh một cú tệt hại mà chưa một con chuột nào được ném mùi đầu.” Đoạn ngỗng đực giương rộng đôi cánh mạnh mẽ và đập thật lực vào không khí để chứng tỏ sức mạnh của mình. Ngỗng đực khỏe và can đảm, nhưng thực tế là cả ngỗng cái và ngỗng đực đều rất lo ngại về Templeton. Và

như vậy là phải. Gã chuột không có đạo đức, không có lương tâm, không đắn đo, không suy xét, không đứng đắn, không có tính bản thiện của loài gặm nhấm, không ăn năn, không có tình cảm cao thượng, không thân thiện, không mọi thứ. Gã có thể giết chết ngay một con ngỗng con một khi gã có thể tẩu thoát mà mang đi được - ngỗng cái biết vậy. Tất cả ai cũng biết vậy.

Bằng cái mỏ rộng, ngỗng cái đẩy quả trứng không nở ra khỏi tổ, và toàn thể cử tọa cùng dõi nhìn với sự ghê tởm trong lúc con chuột lăn quả trứng đi. Ngay cả Wilbur, vốn có thể ăn mọi thứ, cũng thất đảm. “Sao lại có thể thềm muốn một quả trứng ung vút đi!” nó lẩm bẩm.

“Chuột thì vẫn là chuột,” Charlotte nói. Chị ta khẽ cười ngân vang. “Nhưng thưa các bạn, nếu quả trứng cũ đó mà vỡ ra, thì khu chuồng này không thể nào mà trụ lại nổi.”



“Thế nghĩa là gì?” Wilbur hỏi.

“Thế nghĩa là không ai có thể sống nổi ở đây nữa vì mùi. Một quả trứng ung là một quả bom thời um xịn.”

“Tôi sẽ không làm nó vỡ,” Templeton can nhần. “Tôi biết việc mình làm. Tôi xử lý những thứ như thế này mãi rồi.”

Gã biến mất trong đường hầm của mình, luôn đẩy quả trứng ngỗng ra phía trước mặt. Gã đẩy và huých cho đến khi gã lăn được trứng vào trong ổ của mình ở phía dưới máng lợn.

Buổi chiều đó, khi gió đã tắt lặng và sân quây yên ắng và ấm áp, con ngỗng cái xám dẫn bảy con ngỗng con rời tổ ra ngoài thế giới. Ông Zuckerman phát hiện ra chúng khi ông mang bữa tối đến cho Wilbur.

“Ái chà chà, xin chào!” ông nói, miệng cười rộng ngoác. “Xem nào... một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy. Bảy ngỗng con. Chẳng quá là tuyệt hay sao!”

Chương 7: TIN XẤU

Mỗi ngày Wilbur lại thích Charlotte hơn một tí. Chiến dịch của chị ta chống lại côn trùng có vẻ hợp lý và hữu ích. Khó có ai ở quanh trang trại có thể nói tốt một lời cho con ruồi. Bọn ruồi dùng toàn bộ thời gian để quấy rầy người khác. Lũ bò căm chúng. Lũ ngựa ghét cay ghét đắng chúng. Bầy cừu kinh tởm chúng. Ông và bà Zuckerman luôn luôn phàn nàn về chúng, và phải dựng khung lưới để ngăn.

Wilbur khâm phục cái cách Charlotte vẫn thực hiện. Nó đặc biệt vui là chị ta luôn luôn khiến nạn nhân của mình ngủ đi trước khi ăn thịt chúng.

“Thật sự là chị rất chu đáo khi làm điều đó, Charlotte,” nó nói.

“Vâng,” chị ta trả lời bằng cái giọng ngọt ngào, du dương của mình, “tôi luôn cho chúng một liều thuốc mê để chúng khỏi cảm thấy đau đớn. Đó là một việc nhỏ mà tôi có thể làm được.”

Ngày này qua ngày khác, Wilbur lớn dần lên. Nó ăn ba bữa tương mỗi ngày. Nó tiêu hàng giờ liền để nằm ườn ra, ngủ gà gật, mơ những giấc mơ dễ chịu. Nó sung sướng vì thấy khỏe và nó tăng cân rất nhiều. Một buổi chiều, khi Fern đang ngồi trên ghế của mình, con cừu lớn tuổi nhất đi vào khu chuồng, và dừng lại ghé thăm Wilbur.

“Xin chào!” bà ta nói. “Có vẻ là cậu đang tăng cân đấy nhỉ?”

“Vâng, tôi cũng đoán vậy,” Wilbur trả lời. “Ở tuổi của tôi thì cứ tăng cân là một điều hay.”

“Đằng nào chẳng vậy, tôi chẳng tị với anh đâu,” cừu già nói. “Cậu chắc không biết tại sao họ vỗ cậu béo đâu nhỉ?”

“Không,” Wilbur trả lời.

“À, tôi chẳng thích phao tin xấu,” con cừu nói, “nhưng họ vỗ cậu béo bởi vì họ sẽ giết cậu, có vậy thôi.”

“Họ sẽ làm gì?” Wilbur gào lên. Fern dờ ra trên ghế của cô.

“Giết cậu. Biến cậu thành thịt xông khói và giăm bông,” cừu già tiếp tục. “Hầu hết lũ lợn tơ đều bị nông dân giết chết ngay khi ngày đông tháng giá thực sự bắt đầu. Ở đây đã có âm mưu chính thức là giết cậu vào dịp lễ Giáng sinh. Ai cũng tham gia vào mưu đồ này - Lurvy, Zuckerman, với cả John Arable.”

“Ông Arable?” Wilbur nức nở. “Cha của Fern?”

“Đúng thế. Khi một con lợn sắp bị làm thịt, người ta sẽ xúm vào giúp. Tôi là mụ cừ già và tôi đã thấy vẫn cái chuyện đó, vẫn cái trò cũ rích đó, năm này qua năm khác. Arable đến với khẩu 22 của ông ta, và bắn con...”

“Thôi đi!” Wilbur thét lên. “Tôi không muốn chết! Ai đó, hãy cứu tôi! Cứu tôi!” Fern suýt nữa thì nhảy dựng lên khi nghe được cái giọng đó.

“Im đi nào, Wilbur!” Charlotte, vẫn lắng nghe cuộc đối thoại kinh khủng này, nói.

“Tôi không thể im được,” Wilbur vừa gào vừa chạy tới chạy lui. “Tôi không *muốn* bị giết. Tôi không muốn chết. Bà cừ già nói có đúng không hả Charlotte? Có đúng là bọn họ sẽ giết tôi khi mùa đông tới?”

“À,” chị nhện vừa nói vừa dăm chiêu giựt giựt cái mạng nhện, “bà cừ già đã ở khu chuồng này lâu rồi. Bà ấy đã nhìn thấy nhiều lần một con lợn xuân đến rồi đi. Nếu bà ấy nói bọn họ tính giết cậu, tôi chắc rằng đó là thật. Đó cũng là thói bần thiú nhất mà tôi từng nghe. Có gì mà con người chẳng nghĩ đến!”

Wilbur òa lên nức nở. “Tôi không muốn chết!” nó than vãn. “Tôi muốn được sống, ở ngay tại đây trong đồng phân để chịu này cùng với tất cả bạn bè. Tôi muốn hít thở bầu không khí đẹp đẽ và nằm dưới ánh nắng đẹp đẽ.”



“Cậu chắc chắn đang gây ra một sự âm ỉ đẹp đẽ,” cừ già cảm cái.

“Tôi không muốn chết!” Wilbur vừa gào lên vừa vật mình xuống đất.

“Cậu sẽ không chết,” Charlotte nói một cách mạnh mẽ.

“Gì cơ? Thật không?” Wilbur kêu lên. “Ai sẽ cứu tôi?”

“Tôi,” Charlotte nói.

“Bằng cách nào?” Wilbur hỏi.

“Cái đó thì còn phải xem đã. Nhưng tôi sẽ cứu cậu, và tôi muốn cậu thôi ầm ĩ ngay lập tức. Cậu đang cư xử như một đứa nhãi ranh. Đừng khóc lóc nữa! Tôi không thể chịu đựng được sự điên loạn.”

Chương 8: CUỘC TRÒ CHUYỆN Ở NHÀ

Vào sáng Chủ nhật, ông và bà Arable cùng với Fern ngồi ăn sáng trong bếp. Thằng Avery đã ăn xong và đã lên gác để tìm súng cao su của nó.

“Bố mẹ có biết ngỗng con nhà chú Homer đã nở rồi không?” Fern hỏi.

“Bao nhiêu con?” ông Arable hỏi.

“Bảy,” Fern trả lời. “Có tám quả trứng nhưng một quả không nở và ngỗng cái nói với Templeton là nó không muốn giữ lại nữa, cho nên gã đã mang nó đi.”

“Ngỗng cái làm cái gì?” bà Arable nói, nhìn chăm chăm vào con gái với một cái nhìn lạ lùng, lo lắng.

“Nói với Templeton rằng nó không muốn quả trứng nữa,” Fern nhắc lại.

“Templeton là ai?” bà Arable hỏi.

“Đó là gã chuột,” Fern trả lời. “Không ai trong bọn con thích gã cả.”

“Ai là ‘bọn con’?” ông Arable hỏi.

“Ồ, tất cả những ai ở trong nhà kho khu chuồng. Wilbur và lũ cừu và lũ cừu con và ngỗng cái và ngỗng đực và bảy ngỗng con và Charlotte và con.”

“Charlotte?” ông Arable nói. “Charlotte là ai?”

“Chị ta là bạn tốt nhất của Wilbur. Chị ta khôn ngoan kinh khủng.”

“Chị ta trông như thế nào?” bà Arable hỏi.

“À-à,” Fern trả lời, về suy nghĩ, “chị ta có tám chân, con đoán tất cả nhện đều như vậy.”

“Charlotte là một con nhện ư?” mẹ của Fern hỏi.

Fern gật đầu. “Một con nhện xám to. Chị ta có một cái mạng nhện giăng trên góc cao ở cửa chuồng của Wilbur. Chị ta bắt ruồi và hút máu chúng. Wilbur tôn sùng chị ta.”

“Nó thật như vậy chứ?” bà Arable nói, có vẻ hơi lơ đãng. Bà đang nhìn chăm chăm vào Fern với vẻ lo lắng ra mặt.

“Ồ, vâng, Wilbur tôn sùng Charlotte,” Fern nói. “Bố mẹ có biết Charlotte đã nói gì khi lũ ngỗng con nở hay không?”

“Bố chẳng biết một tí mảy may nào cả,” ông Arable nói. “Con nói đi.”

“À, khi con ngỗng con đầu tiên ló cái đầu nhỏ của nó ra từ phía dưới ngỗng cái, con đang ngồi trên ghế của con ở một góc và Charlotte thì đang ở trên mạng nhện của chị ta. Chị ta đã thông báo thế này. Chị ta nói. ‘Tôi chắc rằng tất cả chúng ta ở đây, trong nhà kho khu chuồng này, sẽ lấy làm hài lòng khi biết rằng sau bốn tuần với sự kiên nhẫn và cố gắng không ngừng của chị ngỗng bạn của chúng ta, bây giờ đây chị đã có cái đẻ hãnh diện.’ Bố mẹ thấy chị ta nói ra chuyện như vậy có phải là thú vị không?”

“Có, mẹ có thấy,” bà Arable nói. “Thế còn bây giờ, Fern, đã đến lúc phải đến trường đạo rồi. Bảo cả Avery chuẩn bị đi. Chiều nay con có thể kể tiếp cho mẹ những chuyện ở khu chuồng nhà chú Homer. Chẳng phải con cứ ở lì suốt ở đó hay sao? Chẳng phải chiều nào con cũng đến đó hay sao?”

“Con thích ở đó,” Fern trả lời. Cô bé lau miệng và chạy lên gác. Sau khi cô bé rời căn phòng, bà Arable hạ thấp giọng nói với chồng.

“Em thấy lo cho Fern,” bà nói. “Anh có nghe cái cách nó huyền thuyên về mấy con vật, cứ như là chúng nó biết nói ấy?”

Ông Arable cười khẽ. “Có thể là chúng nó biết nói,” ông nói. “Nhiều lúc chính anh cũng đã tự hỏi vậy. Mà tóm lại là không có gì phải lo lắng cho Fern cả - nó chỉ có một trí tưởng tượng sống động mà thôi. Trẻ con vẫn nghĩ chúng nghe được đủ mọi thứ.”

“Dù sao đi nữa em *vẫn* thấy lo cho nó,” bà Arable trả lời. “Em nghĩ lần tới em sẽ hỏi bác sĩ Dorian về nó vào lần tới khi gặp ông ấy. Ông ấy yêu quý Fern cũng gần như chúng ta vậy, và em muốn ông ấy biết con bé đã hành động lạ lùng thế nào với con lợn đó và tất cả mọi thứ. Em không nghĩ như vậy là bình thường. Anh hoàn toàn biết rõ là động vật không biết nói.”

Ông Arable cười toét. “Có lẽ bởi tai chúng ta không thính bằng tai của Fern,” ông nói.

Chương 9: WILBUR KHUẾCH KHOÁC

Một cái mạng nhện luôn chắc chắn hơn cái vẻ bề ngoài của nó. Cho dù nó được làm từ những sợi tơ mỏng mảnh, tinh tế, nhưng mạng nhện không hề dễ tan vỡ. Tuy vậy, mạng nhện bị rách hàng ngày bởi côn trùng vẫn đá lung tung vào đó, và con nhện phải giăng lại mạng khi nó đầy những lỗ thủng. Charlotte thích vá mạng vào buổi chiều muộn, và Fern thì thích ngồi bên cạnh để xem. Một buổi chiều cô bé đã nghe được một cuộc đối thoại thú vị và chứng kiến một sự kiện kỳ dị.

“Chị có những cái chân lông lá đáng sợ, Charlotte,” Wilbur nói trong lúc con nhện đang bận bịu với công việc của mình.

“Chân tôi lông lá là có lý của nó,” Charlotte trả lời. “Hơn nữa, mỗi chân của tôi đều có bảy phần - khớp háng, đốt chuyển, xương đùi, xương bánh chè, đốt ống, bàn chân, và xương cổ chân.”

Wilbur ngồi dựng lên. “Chị chắc đang đùa,” nó nói.

“Không, tôi không đùa,”

“Hãy nói lại những thứ vừa rồi, mới nghe lần đầu tôi không hiểu được chúng.”

“Khớp háng, đốt chuyển, xương đùi, xương bánh chè, đốt ống, bàn chân, và xương cổ chân.”

“Chúa ơi!” Wilbur nói và nhìn xuống mấy cái chân mập mạp của mình. “Tôi không nghĩ chân *tôi* lại có bảy phần.”

“Vâng,” Charlotte nói, “cậu và tôi sống theo hai lối khác nhau. Cậu không phải giăng mạng. Đó là loại công việc nặng nhọc dùng đến chân.”

“Tôi có thể giăng một cái mạng nếu tôi thử,” Wilbur nói, vẻ khuếch khoác. “Chỉ là tôi chưa bao giờ thử.”

“Cậu cứ thử đi xem nào,” Charlotte nói. Fern khẽ cười thầm, và mắt cô bé mở to đầy quyến luyến đối với con lợn.

“Được thôi,” Wilbur trả lời. “Chị dạy tôi và tôi sẽ giăng một cái mạng. Giăng một cái mạng chắc chắn là rất khoái. Tôi bắt đầu thế nào đây?”

“Hãy hít một hơi thật sâu!” Charlotte vừa nói vừa mỉm cười. Wilbur thở thật sâu. “Giờ thì trèo lên chỗ cao nhất mà cậu có thể, như thế này.” Charlotte phóng lên đỉnh khung cửa. Wilbur trèo lên đỉnh đồng phân.

“Rất tốt!” Charlotte nói. “Bây giờ thì giữ chặt bộ nhả tơ của cậu, hãy lao mình vào khoảng không, và thả dây tơ ra khi cậu rơi xuống!”

Wilbur ngần ngại một lúc, rồi nhảy vào khoảng không. Nó liếc vội phía sau để xem có tí dây dợ nào theo đuôi nó để kìm lại cú nhảy của nó không, nhưng sau nó hình như chẳng có gì sất, và điều tiếp theo nó biết là nó rơi bụp xuống đất. “Ái-ui!” nó ỉn ỉn.

Charlotte cười dữ đến nỗi mạng nhện của chị ta bắt đầu rung rinh.

“Tôi đã làm gì sai nào?” con lợn hỏi, khi nó đã bình tĩnh lại sau cú va đập.

“Chẳng gì cả,” Charlotte nói. “Đó là một vụ thử hay đấy chứ.”

“Tôi nghĩ tôi sẽ thử lại lần nữa,” Wilbur nói về phần khởi. “Tôi nghĩ cái tôi cần là một đoạn dây nhỏ để giữ tôi lại.”

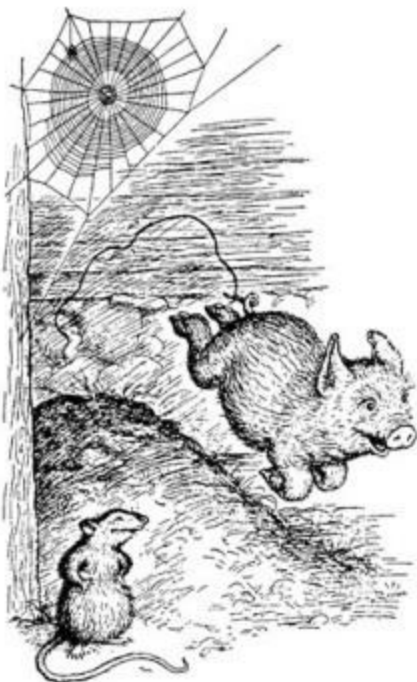
Con lợn bước ra ngoài sân quây của nó. “Anh có đây không, Templeton?” nó gọi. Từ dưới cái máng, gã chuột thò cái đầu của mình ra ngoài.



“Anh có đoạn dây nhỏ nào để cho tôi mượn không?” Wilbur hỏi. “Tôi cần nó để giăng một cái mạng.”

“Có đấy,” Templeton, kẻ cũng tích cóp dây dợ, trả lời. “Chẳng phiền gì hết, giúp được thì giúp thôi.” Gã chuột lẩn vào trong hang, đẩy quả trứng ngỗng khỏi chần lồi đi, và quay trở ra với một đoạn dây trắng bản thủ. Wilbur kiểm tra đoạn dây.

“Cần đúng loại này đây,” nó nói. “Anh buộc một đầu vào đuôi tôi nhé, Templeton?”



Wilbur cúi thấp người xuống, hướng cái đuôi gầy, xoắn tít của nó về phía gã chuột. Templeton túm sợi dây, quấn nó xung quanh chót đuôi con lợn, và thít hai nửa vòng thành một nút thông lọng. Charlotte quan sát một cách vui thích. Giống Fern, chị nhện thật sự yêu mến Wilbur, cái chuồng bốc mùi cùng thức ăn ôi thiu của cậu ta đã thu hút lũ ruồi đến cho chị, và chị tự hào khi thấy cậu ta không phải là một kẻ dễ bỏ cuộc mà đã lại sẵn sàng thử giăng tiếp một cái mạng.

Trong lúc con chuột và con nhện và cô bé cùng quan sát, Wilbur lại leo lên đỉnh đồng phân, tràn đầy nghị lực và hy vọng.

“Tất cả hãy xem đây!” nó kêu lên. Và dồn hết sức mình, nó tung người vào trong khoảng không, cái đầu xuống trước. Đoạn dây kéo theo đằng sau. Nhưng vì nó đã sơ ý không buộc đầu dây kia vào chỗ nào, nên dây dợ cũng chẳng có tác dụng gì cả, và Wilbur lại tiếp đất với một tiếng huych, cú va mạnh và đau. Nước mắt nó ứa ra. Templeton cười toe toét. Charlotte chỉ ngồi im lặng. Sau một lát, chị nhện nói.

“Cậu không thể chẳng được mạng đâu, Wilbur, và tôi khuyên cậu nên loại ý tưởng đó ra khỏi đầu đi. Cậu thiếu hai thứ cần thiết để chẳng một cái mạng.”

“Là gì vậy?” Wilbur buồn bã hỏi.

“Cậu thiếu một bộ nhả tơ, và cậu thiếu bí quyết. Nhưng hãy vui lên, cậu đâu cần phải chẳng mạng. Zuckerman cấp cho cậu ba bữa tương mỗi ngày. Tại sao cậu phải lo lắng về chuyện bắt thức ăn mới được?”

Wilbur thở dài. “Chị bao giờ chẳng khôn ngoan và sáng láng hơn tôi hả Charlotte. Tôi nghĩ chắc là tôi chỉ cố khoe khoang đấy mà. Thật đáng đời tôi.”

Templeton cởi sợi dây của gã ra và lại mang về nhà. Charlotte tiếp tục giăng mạng.

“Cậu không cần phải khổ sở quá làm gì, Wilbur,” chị ta nói. “Có phải loài nào cũng chẳng được mạng đâu. Thậm chí kể cả người cũng chẳng giỏi được bằng nhện, cho dù bọn họ *cứ nghĩ* là bọn họ giỏi lắm, và bọn họ cái gì cũng muốn thử. Cậu đã nghe chuyện Cầu Queensborough bao giờ chưa?”

Wilbur lắc đầu. “Đó là một cái mạng ư?”

“Đại để thế,” Charlotte trả lời. “Nhưng cậu có biết con người mất bao nhiêu thời gian để xây dựng nó không? Tám năm ròng. Chúa ơi, phải đợi lâu đến thế thì tôi chắc chết đói. Tôi có thể giăng một cái mạng chỉ trong vòng có buổi tối.”

“Thế người ta chộp được cái gì ở Cầu Queensborough - bọ phải không?” Wilbur hỏi.

“Không,” Charlotte nói. “Bọn họ chẳng chộp cái gì sát. Bọn họ cứ tắt tả đi tới đi lui qua cái cầu, vì nghĩ có cái gì đó hay hơn ở đầu bên kia. Nếu bọn họ cứ treo người và chúc đầu xuống từ trên đỉnh, rồi yên lặng mà chờ đợi, thì biết đâu có cái gì đó ngon lành sẽ xuất hiện. Nhưng không hề - với con người thì lúc nào cũng là, mau, mau, mau, từng phút một. Tôi thấy mừng vì tôi là một ả nhện rất tĩnh tại.”

“Tĩnh tại có nghĩa là gì?” Wilbur hỏi.

“Có nghĩa là phần lớn thời gian tôi cứ ngồi yên một chỗ, chứ không phải đi sục sạo vơ vẩn hết cả lên. Nhìn thấy gì hay là tôi biết ngay, và mạng nhện của tôi là một thứ rất hiệu quả. Tôi ngồi im đét và chờ những gì sẽ tới. Lại có cả thời gian để suy ngẫm.”

“À, thế thì tôi cũng là một dạng tĩnh tại, tôi đoán vậy,” con lợn nói. “Tôi cứ phải quanh quẩn ở đây cho dù muốn hay không muốn. Chị có biết tối nay tôi thật sự thích được ở đâu không?”

“Ở đâu kia?”

“Ở trong rừng tìm quả sồi và nấm cục và rễ cây ngon lành, dũi tung hết lá lẫu với cái mũi tuyệt khỏe của tôi, sục sạo và ngửi hít khắp mọi chỗ, và hít hà mùi, hít hà mùi, hít hà mùi...”

“Mùi của anh đúng thật chẳng tệ chút nào đâu,” một con cừu non vừa mới bước vào đã nhận xét. “Từ ở đây tôi có thể ngửi thấy mùi anh rồi. Anh là con vật nặng mùi nhất ở cái chỗ này.”

Wilbur gục đầu xuống. Mắt nó dần nhòa lệ. Charlotte đã nhận thấy sự ngượng ngùng của nó, chị ta bèn nói gay gắt với con cừu non.

“Hãy để cho Wilbur được yên!” chị ta nói. “Cậu ấy hoàn toàn có quyền được bốc mùi, căn cứ vào những thứ xung quanh cậu ấy. Bản thân cậu cũng đâu phải cục với nhài gì cho cam. Đã thế, người ta đang nói chuyện vui vẻ thì cậu lại chõ mũi vào. Chúng ta đang nói đến điều gì thì bị chõ mũi vào một cách thô thiển ấy nhỉ, hả Wilbur?”

“Ôi, tôi chẳng nhớ nữa,” Wilbur nói. “Cũng có khác gì đâu mà. Thôi, mình không nói gì nữa một lát chị Charlotte nhỉ. Tôi buồn ngủ rồi. Chị cứ tự nhiên và hoàn tất việc vá mạng nhện của chị đi, còn tôi sẽ chỉ nằm đây và ngắm nhìn chị. Thật là một buổi tối dễ chịu.” Wilbur bèn nghiêng mình nằm ườn ra.

Hoàng hôn đã bao trùm khu chuồng nhà Zuckerman, với một cảm giác yên bình. Fern biết đã sắp tới bữa tối rồi nhưng cô bé không thể nào bỏ đi cho đành. Bầy chim nhận âm thầm vỗ cánh, vào rồi ra từ những ô cửa sổ, đem thức ăn cho chim con. Từ phía bên kia đường một con chim hót “Đớp-muối, đớp-muối!” Anh người làm Lurvy ngồi dưới gốc một cây táo và châm một tẩu thuốc; những con vật hít ngửi cái mùi quen thuộc của thứ thuốc lá nặng. Wilbur nghe thấy tiếng rền rĩ của nhái bén và tiếng cửa bếp thi thoảng lại sập. Tất cả những âm thanh ấy khiến nó cảm thấy dễ chịu và hạnh phúc, bởi lẽ nó yêu cuộc đời và khao khát được là một phần của thế giới này trong một đêm hè này. Nhưng khi nó nằm đó, nó nhớ lại những gì cừu già đã nói với nó. Ý nghĩ về cái chết lại trỗi dậy và nó bắt đầu run rẩy sợ hãi.

“Charlotte à?” nó nói một cách dịu dàng.

“Gì cơ Wilbur?”

“Tôi không muốn chết.”

“Dĩ nhiên là cậu không muốn rồi,” Charlotte nói bằng một giọng an ủi.

“Tôi rất thích ở đây trong khu chuồng,” Wilbur nói, “tôi yêu mọi thứ ở chỗ này.”

“Dĩ nhiên là cậu thích rồi,” Charlotte nói. “Tất cả chúng ta đều thế.”

Ngỗng cái xuất hiện, theo sau là bảy ngỗng con. Chúng vươn những cái cổ nhỏ ra và cứ thế huýt gió du dương, y như một bọn nhỏ thổi sáo. Wilbur lắng nghe những thanh âm với cả tấm lòng triu mến của nó.

“Charlotte à?” nó nói.

“Gì cơ?” chị nhện nói.

“Khi chị nói sẽ ngăn không cho họ giết tôi là chị nghiêm túc đấy chứ?”

“Cả đời tôi chưa bao giờ nghiêm túc hơn thế đâu. Tôi sẽ không để cậu chết, Wilbur.”

“Chị sẽ cứu tôi thế nào?” Wilbur hỏi, tò mò ghé góm về cái điềm này.

“À,” Charlotte nói vẻ mơ hồ, “tôi thật sự không biết. Nhưng tôi đang nghĩ kế rồi.”

“Thật tuyệt,” Wilbur. “Kế như thế nào hả Charlotte? Chị đã nghĩ được đến đâu rồi? Có thấy ổn lắm

không?” Wilbur lại run cả người lên, nhưng Charlotte thì bình tĩnh và thư thả.

“Ồ, cũng ổn ổn thôi,” chị ta nhẹ nhàng nói. “Kế thì cũng mới nghĩ được một tí và chưa ra đầu ra đũa gì cả, nhưng tôi cũng đang cố tập trung đây.”

“Chị tập trung vào lúc nào vậy?”

“Vào lúc tôi lộn đầu xuống ở trên đỉnh mạng nhện. Đó là lúc tôi suy nghĩ, bởi vì lúc ấy tất cả máu đều dồn vào đầu tôi.”

“Tôi chỉ có vui trở lên nếu như tôi có thể giúp được chị điều gì.”

“Ồ, tôi nghĩ kế chỉ một mình thôi,” Charlotte nói. “Tôi suy nghĩ được sâu xa hơn một khi tôi suy nghĩ một mình.”

“Được thôi,” Wilbur nói. “Nhưng đừng quên cho tôi biết tôi có thể làm được điều gì giúp chị, vật vãnh thôi cũng được.”

“À,” Charlotte trả lời, “cậu phải cố bơi bỏ cơ thể cậu. Tôi muốn cậu ngủ đẫy vào và vứt hết mọi ưu phiền đi. Đừng có cuống lên và đừng có lo lắng! Nhai thật kỹ và nhá tất tạt cám của cậu, chỉ chừa tí tẹo đủ cho Templeton mà thôi. Hãy béo ra và khoẻ lên - đấy là cách cậu giúp đó. Phải sung sức và đừng mất bình tĩnh. Cậu có hiểu không hả?”

“Có, tôi hiểu,” Wilbur nói.

“Thế thì đi ngủ đi,” Charlotte nói. “Ngủ là rất quan trọng.”

Wilbur tắt tả đi đến góc tối nhất trong chuồng nó và quăng mình xuống. Nó nhắm mắt lại. Một phút sau đó nó nói.

“Charlotte à?”

“Gì vậy Wilbur?”

“Tôi có thể ra ngoài để xem tôi có bỏ sót gì trong máng bữa tối vừa rồi không? Tôi nghĩ tôi vẫn còn để sót một tí tẹo khoai tây nghiền.”

“Cũng được,” Charlotte nói. “Nhưng tôi muốn cậu lại phải đi ngủ ngay tức thì.”

Wilbur liền phi ra ngoài sân quây.

“Chậm thôi, chậm thôi!” Charlotte nói. “Đừng có cuống lên và đừng có lo lắng!”

Wilbur tự điều chỉnh mình và rón rén đi tới bên cái máng. Nó tìm thấy một ít khoai tây, liền nhai thật kỹ, và nuốt, và đi về chỗ nằm. Nó nhắm mắt và im lặng được một lúc.

“Charlotte à?” nó nói, giọng thì thầm.

“Gì vậy?”

“Tôi có thể uống tí sữa không? Tôi nghĩ vẫn còn mấy giọt sữa sót ở trong máng.”

“Không, máng sạch trơn rồi, và tôi muốn cậu ngủ đi. Không nói chuyện nữa! Nhắm mắt lại và ngủ đi!”

Wilbur nhắm mắt lại. Fern nhòe dậy khỏi ghế ngồi và đi về nhà, trong đầu cô đầy ắp những gì cô vừa nhìn và nghe thấy.

“Ngủ ngon nhé, Charlotte!” Wilbur nói.

“Ngủ ngon, Wilbur!”

Yên ắng một lúc.

“Ngủ ngon nhé, Charlotte!”

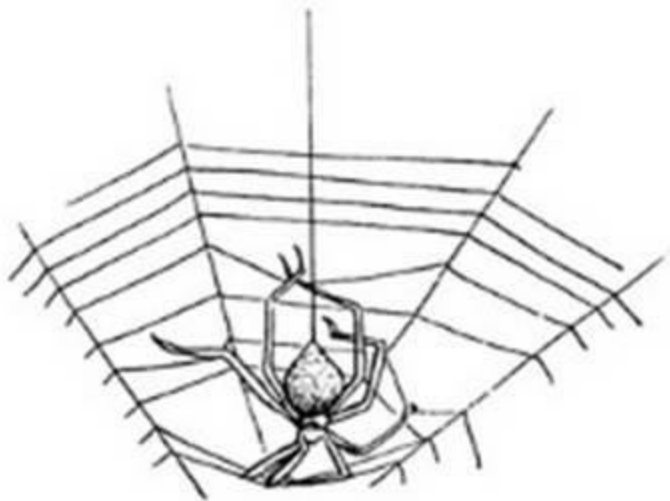
“Ngủ ngon, Wilbur!”

“Ngủ ngon!”

“Ngủ ngon!”

Chương 10: MỘT VỤ NỖ

Ngày qua ngày chị nhện cứ chúc đầu xuống chờ đợi, để cho một ý tưởng xịch đến. Giờ này qua giờ khác chị nằm im lìm, chìm đắm trong suy tưởng. Đã hứa với Wilbur rằng mình sẽ cứu sống cậu ta, chị nhện cương quyết là phải giữ lấy lời.



Charlotte bám sinh vốn kiên nhẫn. Chị nhện đã có kinh nghiệm rằng một khi mình đã đợi đủ lâu, thì một con ruồi sẽ sa vào mạng nhện của mình thôi; vậy nên chị ta chắc chắn rằng nếu chị ta suy ngẫm đủ lâu về vấn đề của Wilbur, thì ý tưởng rồi sẽ phải đến trong đầu chị ta.

Cuối cùng, vào một sáng trung tuần tháng Bảy, cái ý tưởng ấy đã đến. “Sao mà lại đơn giản tuyệt vời thế chứ ỉ!” chị ta nói với chính mình. “Để cứu mạng Wilbur thì phải chơi cho nhà Zuckerman một vở thôi. Một khi ta đã cho được cả bọn vào tròng,” Charlotte nghĩ, “thì người chắc chắn ta cũng cho vào tròng tuốt. Người làm sao mà khôn bằng bọn được.”

Đúng lúc đó Wilbur bước ra ngoài sân quây.

“Chị đang nghĩ gì đấy hả Charlotte?” nó hỏi.

“Tôi đang nghĩ,” chị nhện đáp, “rằng con người ta cũng khờ khạo thôi.”

“Nhưng ‘khờ khạo’ là gì mới được?”

“Là dễ đưa vào tròng,” Charlotte nói.

“Thế thì thật là may,” Wilbur trả lời, rồi nó nằm xuống dưới bóng hàng rào và nhanh chóng thiếp đi. Chị nhện, vẫn tỉnh táo ghê gớm, thì nhìn nó triu mến và tính toán tương lai cho nó. Mùa hè đã qua được một nửa rồi. Chị biết là không còn nhiều thời gian.

Sáng đó, đúng lúc Wilbur ngủ thiếp đi, thằng Avery lang thang đến sân trước nhà Zuckerman, có Fern theo đằng sau. Thằng Avery cầm trong tay một con ếch sống. Fern đội một tràng hoa cúc trên đầu. Bọn trẻ chạy ào vào trong bếp.

“Thật là đúng lúc để ăn bánh việt quất,” bà Zuckerman nói.

“Nhìn con ếch của cháu này!” thằng Avery nói đoạn đặt con ếch lên bệ chậu rửa và giơ tay ra lấy bánh.

“Mang cái thứ kia ra ngoài ngay!” bà Zuckerman nói.

“Người nó nóng hổi,” Fern nói. “Nó gần chết rồi.”

“Còn lâu,” Avery nói. “Xem nó để cho tao gài vào giữa hai mắt nó đây này.” Con ếch vọt lên và rơi tồm vào chậu rửa bát đầy bọt xà phòng.

“Anh làm dây bánh ra đầy người kia,” Fern nói. “Cho cháu đi kiểm trứng trong chuồng gà nhé, cô Edith?”

“Ra ngoài ngay, cả hai đứa bay! Và đừng có mà quấy rầy lũ gà!”

“Dây ra khắp cả rồi,” Fern kêu lên. “Bánh của anh ấy dây đầy ra trán kia kia!”

“Nào, ếch!” thằng Avery kêu. Nó vốc con ếch lên. Con ếch bèn đá, làm tóe nước xà phòng vào bánh việt quất.

“Lại rắc rồi rồi!” Fern rên rầm.

“Đi đu cái đu nào!” thằng Avery nói.

Lũ trẻ chạy ra khu chuồng quây.

Ông Zuckerman có cái đu tốt nhất trong cả hạt. Đó là một sợi dây thừng nặng dài cột vào cái xà ở trên cửa phía bắc. Ở cuối sợi dây thừng là một cái nút to để ngồi. Nó được chỉnh sao cho ta có thể đánh đu mà không bị ngã. Ta trèo thang lên vừa cở khô. Rồi, bám lấy dây thừng, ta đứng ở mép vừa và nhìn xuống, và thấy sợ và chóng mặt. Rồi ta cười trên cái nút, nó chẳng khác nào một chỗ ngồi. Rồi ta thu hết cả can đảm, hít một hơi thật sâu, và nhảy. Trong một khắc ta dường như sẽ rơi đập xuống nền khu chuồng ở tí phía dưới, nhưng rồi đột nhiên sợi dây thừng bắt đầu tóm ta lại, và ta sẽ bay ra ngoài cửa khu chuồng nhanh vùn vụt với gió thổi vào mắt vào tai vào tóc. Rồi ta sẽ phóng vọt lên trên trời và nhìn lên những đám mây, và sợi dây thừng sẽ xoay và ta sẽ xoay và đổi hướng cùng với nó. Rồi ta sẽ rơi xuống, xuống, xuống từ trên trời và lại bay vào trong khu chuồng gần như vào hẫc vừa cở khô, rồi

lại bay ra nữa (lần này thì không xa mấy), rồi lại vào nữa, rồi ra, rồi vào; và rồi ta nhảy ra và ngã xuống và để cho đũa khác thử một tí.

Các bà mẹ ở hàng dăm xung quanh đều lo lắng về cái đu nhà Zuckerman. Họ sợ có đũa sẽ ngã xuống. Nhưng chẳng đũa nào ngã cả. Bọn trẻ hầu như luôn bám vào các thứ chặt hơn hẳn cái mức bố mẹ chúng thường nghĩ.

Thằng Avery đút con ếch vào trong túi nó và trèo lên vựa cỏ khô. “Lần trước tao đu cái đu này, tao suýt nữa thì đâm vào một con chim nhạn,” nó thét lên.

“Bỏ con ếch ra!” Fern ra lệnh.

Thằng Avery cười lên sợi dây thừng và nhảy. Nó bay qua cửa, với ếch và các thứ, và vọt lên trời, với ếch và các thứ. Rồi nó lại bay trở vào trong chuồng.

“Lưỡi anh đỏ tía ra kìa!” Fern gào lên.

“Lưỡi mày cũng thế!” thằng Avery kêu, và lại bay ra ngoài cùng với con ếch.

“Có cỏ khô ở trong người em! Rậm lắm!”



“Gãi đi!” thằng Avery hét, khi nó bay trở lại.

“Đến lượt em,” Fern nói. “Nhảy xuống đi!”

“Fern nó hơi bị rậm!” thằng Avery hát.

Khi nó nhảy xuống, nó ném cái đu lên cho em gái. Cô bé nhắm chặt mắt lại và nhảy. Cô bé cảm thấy cú rơi chóng mặt, rồi thấy được cái đu nâng lên. Khi cô mở mắt ra cô đã đang nhìn lên bầu trời xanh và

sắp sửa bay trở lại qua khung cửa.

Bọn trẻ thay phiên nhau cả tiếng đồng hồ.

Khi bọn chúng đã đánh đu chán, chúng đi xuống phía bãi thả và hái quả mâm xôi dại để ăn. Lưỡi của chúng đôi từ tím sang đỏ. Fern cắn phải một quả mâm xôi trong có con bọ có vị rất kinh, bèn đâm ra thoái chí. Thằng Avery tìm thấy một hộp kẹo rỗng và bỏ con ếch của nó vào trong đó. Con ếch có vẻ bị mệt sau đợt đánh đu buổi sáng. Lũ trẻ đi chậm chạp lên phía khu chuồng. Bọn chúng cũng mệt và hầu như không có đủ sức để đi.

“Chúng mình xây nhà trên cây đi,” thằng Avery gợi ý. “Tao muốn sống ở trên một cái cây, với con ếch của tao.”

“Em đi thăm Wilbur đây,” Fern tuyên bố.

Bọn chúng trèo qua hàng rào vào trong lối đi và uể oải cất bước về phía chuồng lợn. Wilbur nghe tiếng chúng đến bèn đứng dậy.

Thằng Avery phát hiện ra một cái mạng nhện, và, đến gần hơn, nó nhìn thấy Charlotte.

“Này, nhìn con nhện to chưa kia!” nó nói. “Nó to kinh khủng.”

“Để cho nó yên!” Fern hạ lệnh. “Anh đã có một con ếch - thế vẫn chưa đủ hay sao?”

“Đúng là một con nhện oách và tao sẽ bắt sống nó,” thằng Avery nói. Nó mở nắp hộp kẹo. Rồi nó nhặt lấy một cái que. “Tao sẽ đập cái con nhện già kia vào trong cái hộp này,” nó nói.

Trái tim Wilbur gần như ngừng đập khi nó chứng kiến những gì đang diễn ra. Đây có thể sẽ là chung cục của Charlotte nếu thằng bé bắt được chị nhện.



“Hãy dừng ngay, Avery!” Fern kêu lên.

Thằng Avery cho một chân qua hàng rào chuồng lợn. Nó đang cố nâng cái que của nó lên để đập Charlotte thì nó mất thăng bằng. Người nó lắc rồi ngã rồi huych vào miệng cái máng của Wilbur. Cái máng lật úp và kêu đánh bẹt. Quả trứng ngỗng ở ngay phía bên dưới. Có tiếng nổ đánh bẹt khi quả trứng vỡ, và rồi một cái mùi kinh khủng khiếp.

Fern la lên. Thằng Avery nhảy dựng lên. Không khí nồng nặc những hơi và mùi khủng khiếp kinh của quả trứng thối. Templeton, đang nghỉ ngơi trong hang của gã, đã phóng vọt vào trong khu chuồng.

“Xin *kiếu!*” thằng Avery la toáng. “Xin *kiếu!* Thối kinh thật! Ra khỏi đây ngay nào!”

Fern kêu inh lên. Cô bé bịt mũi và chạy về phía khu nhà. Thằng Avery chạy đằng sau, cũng bịt mũi. Charlotte cảm thấy nhẹ hẫng người khi thấy thằng bé chạy đi. Đúng là thoát hiểm trong gang tấc.

Cuối buổi sáng đó, các con vật trở về từ bãi thả - cừu già, cừu non, ngỗng đực, ngỗng cái và bảy ngỗng con. Bao nhiêu là kêu ca phàn nàn về cái mùi quá tởm, và Wilbur thì phải kể câu chuyện hết lần này đến lần khác, rằng thằng bé nhà Arable đã cố bắt Charlotte thế nào, và cái mùi quả trứng thối xưa nó đi đúng lúc ra sao. “Chính cái quả trứng thối đó đã cứu mạng Charlotte,” Wilbur nói.

Ngỗng cái thấy tự hào vì đã có góp phần trong sự việc nguy hiểm này. “Tôi rất vui vì quả trứng đó đã không nở,” nó kêu quàng quạc.

Templeton thì dĩ nhiên là khốn khổ vì bị mất quả trứng yêu dấu của gã. Nhưng gã không tìm được việc khuếch khoác. “Của đi thay người đấy mà,” gã nói với một giọng cáu kỉnh. “Một con chuột chẳng bao giờ biết được khi nào thì một thứ trở nên hữu dụng. Nên tôi đây chẳng vứt đi thứ gì.”

“Được rồi,” một trong số các con cừu nói, “cả cái vụ này đều là hay và tốt cho Charlotte, thế còn với chúng ta đây thì sao? Cái mùi này không thể nào chịu nổi. Ai muốn sống trong một cái chuồng sặc mùi trứng thối cơ chứ?”

“Đừng lo, các người sẽ chóng quen thôi,” Templeton nói. Gã ngồi dậy và gục gặc kéo những sợi râu dài về thông thái, rồi chuồn đi làm một chuyến thăm thú đồng rạc.

Khi Lurvy xuất hiện vào ban trưa mang theo một xô cám cho Wilbur, anh ta đột ngột đứng lại cách chuồng lợn vài bước chân. Anh ta hít hít không khí và nhăn mặt.

“Cái gì gói thế nhỉ?” anh ta nói. Đặt cái xô xuống, anh ta nhặt lấy cái que thằng Avery làm rơi để chọc cho cái máng lật lên. “Chuột!” anh ta nói. “Phù! Mình lẽ ra phải biết thế nào cũng có con chuột làm tổ dưới cái máng này. Sao mình ghét chuột thế!”

Và Lurvy kéo cái máng của Wilbur qua khoảng sân và hất ít đất vào tổ chuột, chôn cái trứng vỡ cùng với tất cả những tài sản khác của Templeton. Rồi anh ta nhấc cái xô lên. Wilbur đứng trong máng, đói nhỏ dãi. Lurvy đổ thức ăn. Nước cám trút xuống nhoe nhoét quanh mắt và tai con lợn. Wilbur ừn

in. Nó chít và sốc, và sốc và chít, tạo ra âm thanh sồn sột soàn soạt, muốn xơi tất tậ cùng một lúc. Đúng thật là một bữa ra trò - sữa vánh, vụn bột mì, bánh nướng thừa, nửa cái bánh rán, vỏ quả bí, hai miếng bánh mì ôi, một phần ba cái bánh gừng, một cái đuôi cá, một cái vỏ cam, rất nhiều sợi mì từ một bát mì sợi, lớp vánh của một cốc ca-cao, một khúc thạch cũ, một miếng giấy lót xô rác, và một cùi dĩa thạch mâm xôi.

Wilbur xơi ngon lành. Nó dự kiến để lại một nửa sợi mì và một số giọt sữa cho Templeton. Thế rồi nó nhớ ra rằng gã chuột đã có công thế nào trong việc cứu mạng Charlotte, còn Charlotte thì lại đang cố gắng cứu mạng *nó*. Vậy nên nó để lại nguyên một sợi mì, thay vì chỉ một nửa.

Bây giờ khi quả trứng vỡ được lấp đi, không khí đã sạch và khu chuồng lại có mùi dễ chịu như thường. Buổi chiều qua đi và buổi tối lại đến. Bóng đổ dài dần. Hơi thở mát mẻ và tốt lành của buổi tối đã tràn vào qua cửa lớn và cửa sổ. Ngồi dạng chân trên mạng nhện của mình, Charlotte đắm chiêu ăn một con ruồi trâu và nghĩ ngợi về tương lai. Một lúc sau, chị ta đã hoạt bát trở lại.

Chị nhện bò xuống giữa tấm mạng và chị bắt đầu cắt bớt đi một vài sợi tơ. Chị làm việc chậm rãi nhưng đều đặn trong lúc các con vật khác ngủ gà gật. Không con vật nào, thậm chí cả ngỗng cái, nhận ra được là chị nhện đang làm việc. Sâu trong chỗ nằm mềm mại của mình, Wilbur ngáy. Đằng kia trong góc ưa thích của chúng, bầy ngỗng con líu ríu ca khúc ca của ban đêm.

Charlotte đã cắt rời được cả một miếng lớn trên tấm mạng của mình, để một khoảng trống ở giữa. Thế rồi chị bắt đầu dệt cái gì đó thế vào chỗ những sợi tơ chị vừa mới cắt đi. Khi Templeton quay trở về từ đồng rác, vào khoảng nửa đêm, chị nhện vẫn đang làm việc.

Chương 11: PHÉP MÀU

Ngày hôm sau trời giăng sương mù. Mọi thứ trong trang trại đều ướt sũng. Đồng cỏ trông như tấm thảm thần kỳ. Vạt cây măng tây nom giống như một khu rừng bạc.

Vào những sáng mù sương, mạng nhện của Charlotte thật sự là một tạo vật đẹp đẽ. Sáng ấy mỗi sợi tơ mong manh được trang trí bởi hàng tá những giọt nước tí xíu. Cái mạng nhện sáng lấp lánh trong ánh ngày và làm thành một mẫu hoa văn duyên dáng và huyền bí, như một tấm voan tinh tế. Thậm chí cả Lurvy, người chẳng mấy quan tâm đến cái đẹp, cũng nhận ra cái mạng nhện ngay khi anh ta đến cho lợn ăn sáng. Anh ta nhận thấy cái mạng hiển hiện rõ ràng biết bao và nó đã được giăng cẩn thận và to chừng nào. Và rồi anh ta lại nhìn thêm nữa và anh ta nhìn thấy một thứ khiến anh ta phải đặt cái xô xuống. Ở kia, ngay giữa tấm mạng nhện, là những chữ cái viết rời được dệt rất ngay ngắn thành một thông điệp. Như thế này:

LỢN CỪ!

Lurvy thấy người yếu hấn đi. Anh ta lấy tay mình dụi qua mắt và nhìn trở hơn nữa vào cái mạng nhện của Charlotte.

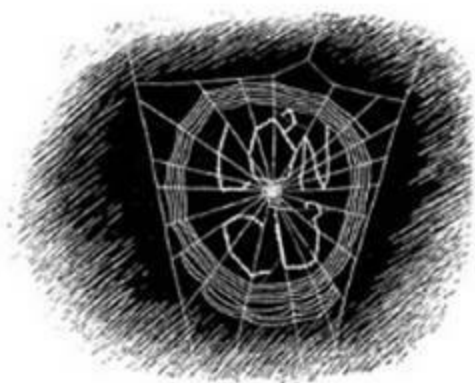
“Mình đang thấy ảo giác,” anh ta lẩm bẩm. Anh ta khụy gối xuống và lẩm rầm cầu nguyện một tạo. Rồi quên bẵng bữa sáng của Wilbur, anh ta bước quay trở lại ngôi nhà và gọi ông Zuckerman.

“Tôi nghĩ ông nên đi xuống chuồng lợn,” anh ta nói.

“Có chuyện gì vậy?” ông Zuckerman hỏi. “Có gì không ổn với con lợn à?”

“Kh-không hẳn,” Lurvy nói. “Ông cứ tự đến mà xem.”

Hai người bước lặng lẽ xuống chuồng Wilbur. Lurvy trở vào cái mạng nhện. “Ông có thấy cái tôi thấy không ạ?” anh ta hỏi.



Ông Zuckerman nhìn chăm chăm vào chữ viết trên mạng nhện. Rồi ông ta lẩm bẩm hai từ “Lợn Cừ”. Rồi ông ta nhìn Lurvy. Rồi cả hai bọn họ bắt đầu run rẩy. Charlotte, đang buồn ngủ sau cả đêm rã sức, nhìn thấy thế thì mỉm cười. Wilbur đến và đứng ngay bên dưới tấm mạng nhện.

“Lợn Cừ!” Lurvy lẩm bẩm rất khẽ.

“Lợn Cừ!” ông Zuckerman thì thầm. Bọn họ nhìn chăm chăm và nhìn chăm chăm rất lâu vào Wilbur. Rồi bọn họ nhìn chăm chăm vào Charlotte.

“Anh không nghĩ là cái con nhện đó nó...” ông Zuckerman cất tiếng - nhưng ông ta vội lắc đầu và bỏ dở câu nói. Thay vì thế, ông bước trịnh trọng quay trở lại nhà và nói với vợ ông. “Edith, đã có chuyện xảy ra,” ông nói, bằng một giọng yếu ớt. Ông bước vào trong phòng khách và ngồi xuống, và bà Zuckerman theo sau.

“Anh có chuyện này phải nói với em, Edith,” ông nói. “Tốt nhất là em nên ngồi xuống.”

Bà Zuckerman buông mình xuống ghế. Bà trông tái nhợt và hoảng sợ.

“Edith,” ông nói, cố gắng giữ cho giọng mình điềm tĩnh, “anh nghĩ tốt nhất là em nên biết rằng chúng ta có một con lợn hết sức lạ thường.”

Một vẻ hoang mang hoàn toàn hiện ra trên mặt bà Zuckerman. “Homer Zuckerman, anh đang nói chuyện gì mới được?”

“Đây là một chuyện rất nghiêm trọng, Edith,” ông ta trả lời. “Con lợn nhà ta là loại hoàn toàn khác thường.”

“Con lợn có gì khác thường vậy?” bà Zuckerman hỏi, và bắt đầu bình tâm không thấy sợ nữa.

“À, anh thực sự vẫn chưa biết,” ông Zuckerman nói. “Nhưng chúng ta đã nhận được dấu hiệu, Edith à - một dấu hiệu huyền bí. Một phép màu đã xảy ra trong cái trang trại này. Có một cái mạng nhện rất to ở trên khung cửa nhà kho khu chuồng, ngay trên chuồng lợn, và khi Lurvy đi cho lợn ăn sáng nay, anh ta đã nhận ra cái mạng nhện nhờ có sương mù, mà em biết mạng nhện thì nhìn rõ đến thế nào trong sương mù rồi đấy. Và đứng ở ngay giữa cái mạng nhện là những chữ ‘Lợn Cừ.’ Những chữ ấy được dệt luôn vào mạng nhện. Chúng thật sự là một phần của mạng nhện, Edith ạ. Anh biết vậy bởi vì anh đã ở dưới kia và cũng đã chứng kiến. Nó viết, ‘Lợn Cừ,’ rõ ràng giữa thanh thiên bạch nhật. Không thể có gì nhầm lẫn được. Một phép màu đã xảy ra và dấu hiệu thì đã có rồi, ở đây, ngay trong trang trại của chúng ta, và chúng ta có một con lợn không hề bình thường.”

“À,” bà Zuckerman nói, “em thấy hình như là anh hơi không chuẩn thế nào. Em thấy hình như chúng ta có một *con nhện* không hề bình thường.”

“Ồ, không,” ông Zuckerman nói. “Chính con lợn mới là khác thường. Nó viết vậy mà, ngay ở đó giữa cái mạng nhện.”

“Có thể là vậy,” bà Zuckerman nói. “Đằng nào cũng thế, em định đi xem con nhện một tí.”

“Đó chỉ là một con nhện xám bình thường,” ông Zuckerman nói.

Bọn họ đứng dậy và họ cùng đi xuống sân quây của Wilbur. “Thấy chưa Edith? Chỉ là một con nhện xám thường.”

Wilbur rất thích khi được chú ý nhiều đến như vậy. Anh người làm Lurvy vẫn còn đứng đó, và ông và bà Zuckerman, cả ba người, đều đứng đó cả giờ đồng hồ, đọc tái đọc hồi những chữ trên mạng nhện, và ngắm nhìn Wilbur.

Charlotte sung sướng khi thấy kế của mình đã hiệu nghiệm. Chị nhện ngồi im không động dậy, và lắng nghe cuộc trò chuyện của mọi người. Khi một con ruồi nhỏ đụng vào mạng nhện, vừa vượt quá chữ ‘lợn,’ Charlotte đã lao ngay xuống, cuốn con ruồi lên, và mang nó đi cho khuất mắt.

Một lúc sau sương tan đi. Cái mạng nhện khô dần và những con chữ không còn hiển hiện rõ ràng nữa. Ông bà Zuckerman và Lurvy bước trở lại nhà. Ngay trước khi bọn họ rời chuồng lợn, ông Zuckerman nhìn Wilbur thêm một lần nữa.

“Biết sao không,” ông nói bằng một giọng quan trọng, “từ đầu tôi đã nghĩ rằng con lợn này của nhà mình là một con quá hay. Nó là một con lợn chắc thịt. Con lợn này nó chắc ra chắc. Anh có thấy thịt ở vai nó chắc thế nào không, Lurvy?”

“Có. Tôi có thấy chứ,” Lurvy nói. “Tôi luôn biết rõ con lợn này. Nó là một con lợn ra lợn.”

“Nó dài nhé, và nó mượt nhé,” ông Zuckerman nói.

“Đúng thế,” Lurvy đồng ý. “Con này nó mượt ra mượt. Nó là lợn cừ.”

Khi ông Zuckerman trở vào trong nhà, ông cởi bỏ quần áo lao động và mặc vào bộ cánh diện nhất. Rồi ông chui vào xe ô tô của mình và lái đến nhà ông mục sư. Ông ở lại đó cả giờ và giải thích cho ông mục sư rằng có một phép màu đã xảy ra ở trang trại.

“Đến giờ,” ông Zuckerman nói, “mới chỉ có bốn người trên đời biết chuyện màu nhiệm này - con, vợ con Edith, Lurvy người làm của con, và cha.”

“Đừng nói với ai nữa nhé,” ông mục sư nói. “Chúng ta còn chưa biết chuyện này có ý nghĩa gì, nhưng có thể là nếu ta giấu nghĩ về nó, ta có thể giải thích nó trong bài thuyết giáo vào Chủ nhật tới đây.

Không còn nghi ngờ gì là con có một con lợn hết sức khác thường. Ta có ý sẽ nói về chuyện này trong bài thuyết giáo và sẽ vạch rõ sự thật rằng cộng đồng này đã được một con vật kỳ diệu thăm viếng. À nhân tiện, con lợn đó nó có tên không?”



“Sao, có chứ,” ông Zuckerman nói. “Con bé cháu gái con gọi nó là Wilbur. Con bé kể cũng hơi lạ - với rất những ý niệm kỳ quặc. Nó nuôi con lợn bằng cách cho bú bình và con mua con lợn của nó khi con lợn được một tháng tuổi.”

Ông bắt tay ông mục sư, và ra về.

Bí mật thì khó giấu. Còn lâu mới đến Chủ nhật, nhưng tin tức đã đồn khắp hạt. Tất cả mọi người đều biết một dấu hiệu đã xuất hiện trên một cái mạng nhện ở nhà Zuckerman. Tất cả mọi người đều biết nhà Zuckerman có một con lợn kỳ lạ. Mọi người ở cách hàng dặm quanh đó đều kéo đến xem Wilbur và đọc các chữ trên mạng nhện của Charlotte. Đường xe vào nhà Zuckerman chật cứng những xe con cùng xe tải đồ từ sáng đến đêm - xe Ford rồi xe Chevvie rồi xe Buick thợ-đi-đường rồi xe tải nhỏ GMC rồi xe Plymouth rồi xe Studebaker rồi xe Packard rồi xe De Soto với bộ truyền lực lỏng rồi xe Oldsmobile với động cơ phản lực rồi xe Jeep chở khách rồi xe Pontiac. Tin tức về con lợn lạ lan một mạch lên cả trên núi và nông dân đi ầm ầm xe độc mã và xe ngựa không mui xuống, đứng giờ này sang giờ khác trước chuồng Wilbur để ngắm con lợn lạ. Tất cả đều nói họ chưa bao giờ nhìn thấy một con lợn như vậy trong đời.

Khi Fern nói với mẹ cô rằng thằng Avery đã cố chọc con nhện nhà Zuckerman bằng một cái que thì bà Arable đã choáng đến nỗi bà bắt ngay thằng Avery lên giường và phạt không được ăn bữa tối.

Những ngày tiếp sau đó, ông Zuckerman bận bịu làm vui lòng khách thăm đến nỗi ông trễ nải cả việc đồng áng. Giờ thì suốt ngày ông bận quần áo đẹp - và mặc chúng ngay từ bảnh mắt. Bà Zuckerman thì chuẩn bị cám bã đặc biệt cho Wilbur ăn. Lurvy cạo râu và đi cắt tóc; và nhiệm vụ của anh ta là đi cho lợn ăn khi có khách thăm.

Ông Zuckerman ra lệnh cho Lurvy tăng bữa cho Wilbur từ ba bữa một ngày lên bốn bữa một ngày. Nhà Zuckerman bận bịu với khách khứa đến mức họ quên sạch những việc khác trong trang trại. Quả mâm xôi đã chín hết, nhưng bà Zuckerman thì chẳng hái và chế được ít mứt nào. Ngô cũng cần được xới xáo, nhưng Lurvy chẳng có tí thời gian nào để xới xáo ngô.

Vào Chủ nhật nhà thờ chật ních. Ông mục sư giải thích phép màu. Ông nói những chữ trên tấm mạng nhện đã minh chứng rằng con người phải luôn luôn sẵn sàng chờ đón những điều kỳ diệu vị lai.

Tóm lại là chuồng lợn nhà Zuckerman đã thành trung tâm của mọi chú ý. Fern thật vui sướng, bởi cô bé thấy rằng kế của Charlotte đã hiệu nghiệm và rằng mạng sống của Wilbur có thể được bảo đảm. Nhưng cô bé cũng thấy rằng khu chuồng giò chẳng dễ chịu mấy - quá là nhiều người. Cô thích nó hơn khi cô có thể ngồi mỗi một mình với những con vật bạn cô.

Chương 12: CUỘC HỌP

Được ít ngày sau khi những chữ viết xuất hiện trên mạng nhện của Charlotte, một buổi tối, chị nhện kêu gọi một cuộc họp tất cả các con vật ở nhà kho khu chuồng.

“Tôi sẽ bắt đầu điểm danh nhé. Wilbur?”

“Đây!” con lợn nói.

“Ngỗng đực?”

“Đây, đây, đây!” ngỗng đực nói.

“Nghe cứ như là có đến ba ngỗng đực ấy,” Charlotte lẩm bầm. “Tại sao anh không thể nói ‘đây’ thôi nhỉ? Tại sao anh cứ lặp đi lặp lại tất cả mọi thứ?”

“Đó là cá-cá-cá tính của tôi,” ngỗng đực nói.

“Ngỗng cái?”

“Đây, đây, đây!” ngỗng cái nói. Charlotte nhìn chăm chăm vào chị ta.

“Các ngỗng con, từ một đến bảy?”

“Kiu-kiu-kiu!” “Kiu-kiu-kiu!” “Kiu-kiu-kiu!” “Kiu-kiu-kiu!” “Kiu-kiu-kiu!” “Kiu-kiu-kiu!” “Kiu-kiu-kiu!” lũ ngỗng con nói.

“Họp thế này mới gọi là họp chứ,” Charlotte nói. “Ai cũng sẽ nghĩ chúng ta có ba ngỗng đực, ba ngỗng cái và hai mươi một ngỗng con. Cừu lớn?”

“Be-ee-ee!” tất cả cừu lớn cùng trả lời.

“Cừu con?”

“Be-ee-ee!” tất cả cừu con cùng trả lời.

“Templeton?”

Không lời đáp.

“Templeton?”

Không lời đáp.

“Được rồi, tất cả chúng ta đều có mặt ở đây trừ anh chuột ra,” Charlotte nói. “Tôi nghĩ ta có thể tiến hành mà không cần anh ta. Giờ thì tất cả các bạn chắc đã phải nhận thấy chuyện gì đang diễn ra xung quanh đây từ mấy ngày qua. Thông điệp mà tôi đã viết trên mạng, để ca ngợi Wilbur, đã được đón nhận. Nhà Zuckerman đã mê tít thờ lờ, và tất cả những người khác cũng vậy. Zuckerman nghĩ rằng Wilbur là một con lợn khác thường, và vì thế ông ta sẽ không muốn giết cậu ấy và ăn thịt cậu ấy. Tôi dám nói rằng trò bịp của tôi sẽ hiệu nghiệm và đời Wilbur sẽ được cứu.

“Hoan hô!” tất cả cùng kêu lên.

“Cảm ơn các bạn rất nhiều,” Charlotte nói. “Giờ tôi triệu tập cuộc họp này để có thêm góp ý. Tôi cần ý tưởng mới cho cái mạng nhện. Người ta đã đến phát ốm lên vì đọc mãi hai từ ‘Lợn Cừ!’ rồi. Nếu ai đó có thể nghĩ ra một thông điệp, hay nhận xét gì khác, tôi sẽ rất vui khi dệt nó vào mạng nhện. Có gợi ý gì cho khẩu hiệu mới không?”

“Thế ‘Lợn Tuyệt’ thì thế nào?” một con cừu hỏi.

“Không hay,” Charlotte nói. “Nghe cứ như một món tráng miệng béo ngậy.”

“Thế ‘Cực kỳ, cực kỳ, cực kỳ’ thì thế nào?” ngỗng cái hỏi.

“Giảm xuống còn một ‘cực kỳ’ thì nghe cũng rất khá đấy,” Charlotte nói. “Tôi nghĩ ‘cực kỳ’ có thể gây ấn tượng với Zuckerman.”

“Nhưng Charlotte à,” Wilbur nói, “tôi *không* cực kỳ.”

“Cái đó chẳng có mảy may khác biệt nào,” Charlotte trả lời. “Không một mảy may. Người ta hầu như tin tất cả những gì người ta nhìn thấy bằng chữ in. Có ai ở đây biết viết đúng chính tả ‘cực kỳ’ thế nào không?”



“Tôi nghĩ,” ngỗng đực nói, “là cờ hai ự ự hai cờ cờ hai ka ka hai ý ý ý ý ý.”

“Anh cho tôi là loại làm xiếc trên dây nào mới được đây hả?” Charlotte nói vẻ ghê tởm. “Chắc tôi phải mắc chứng múa giật thì mới đi giăng mấy cái chữ như thế lên mạng của tôi.”

“Xin lỗi, xin lỗi, xin lỗi,” ngỗng đực nói.

Thế rồi con cừu già nhất lên tiếng. “Tôi đồng ý là phải có cái gì đó mới để viết trên mạng nhện để có thể cứu sống Wilbur. Và nếu Charlotte cần sự trợ giúp để tìm chữ nghĩa, tôi nghĩ chị ấy có thể nhận được từ anh bạn Templeton của chúng ta. Anh chuột vẫn đến chỗ đổ rác thường xuyên và vào xem được cả tạp chí cũ. Anh ta có thể xé ra một tí trang quảng cáo và mang về nhà kho khu chuồng đây, để Charlotte có cái mà sao chép.”

“Ý hay,” Charlotte nói. “Nhưng tôi không chắc Templeton có muốn giúp hay không. Các vị biết anh ta rồi đây - lúc nào cũng chỉ kiếm chác cho mình, không bao giờ nghĩ đến người khác.”

“Tôi cược là tôi sẽ làm anh ta phải giúp,” cừu già nói. “Tôi sẽ đánh vào các bản năng hạ đẳng của anh ta, mà anh ta thì có đầy. Anh ta đến rồi kia. Tất cả hãy yên lặng trong khi tôi đặt vấn đề với anh ta!”

Gã chuột bước vào nhà kho theo cách mà gã luôn làm - rón rén bò vào sát chân tường.

“Có chuyện gì vậy?” gã hỏi khi thấy các con vật tập trung lại.

“Chúng tôi đang có một cuộc họp lãnh đạo,” cừu già đáp.

“À, vậy thì giải tán đi!” Templeton nói. “Họp hành làm tôi chán ngấy.” Và con chuột bắt đầu leo lên sợi dây thừng buộc sát vào bức tường.

“Nghe này Templeton,” cừu già nói, “lần sau khi anh đến chỗ đổ rác thì hãy mang về một miếng tạp chí

cũ. Charlotte cần những ý tưởng mới để chị ấy có thể viết trên mạng của chị ấy để cứu sống Wilbur.”

“Cứ để nó chết,” gã chuột nói. “Tôi chắc cũng sẽ lo lắng đấy.”

“Anh sẽ phải lo ngay tắp lự thôi, khi mùa đông tới đây,” con cừu nói. “Anh sẽ lo ngay tắp lự vào một buổi sáng trống trơn trong tháng Giêng tới đây thôi, khi mà Wilbur đã chết và chẳng kẻ nào xách một xô cám nóng đi xuống đây rồi đổ vào máng cả. Thức ăn thừa của Wilbur là nguồn thực phẩm chính của anh, Templeton. Anh *biết* rõ mà. Thức ăn của Wilbur là thức ăn của anh; vì thế, số phận của Wilbur cũng gắn chặt với số phận của anh. Nếu Wilbur bị giết và máng của cậu ta cứ sạch trơn hết ngày này đến ngày khác, anh sẽ gầy mòn đến nỗi chúng tôi sẽ nhìn xuyên thấu cả bao tử anh và thấy cả các thứ ở phía bên kia nữa.”

Bộ râu của Templeton rung rung.

“Có thể là mụ đúng,” gã chuột cộc cằn nói. “Tôi sẽ làm một chuyến đến chỗ đổ rác vào chiều mai. Tôi sẽ mang về một miếng tạp chí nếu như tôi có thể tìm được.”

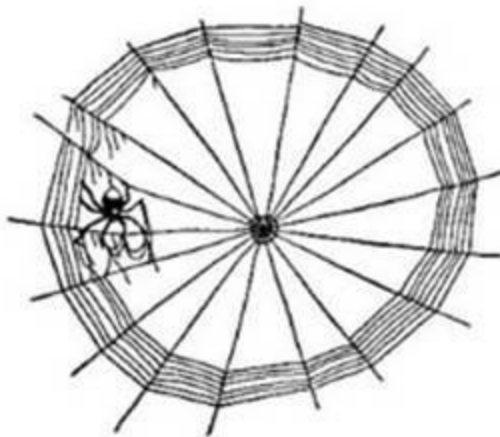
“Cảm ơn,” Charlotte nói. “Cuộc họp đến đây tạm dừng. Tôi có cả một buổi tối bận bịu trước mắt đây. Tôi còn phải dỡ mạng nhện ra để viết ‘Cực kỳ’.”

Wilbur then thò. “Nhưng tôi *đâu* có cực kỳ hả Charlotte. Tôi chỉ là một con lợn trung bình thôi mà.”

“Cậu cực kỳ đối với *tôi* đây này,” Charlotte trả lời với giọng ngọt ngào, “và điều đó mới quan trọng. Cậu là bạn thân nhất của tôi, và *tôi* nghĩ cậu rất tuyệt vời. Giờ thì đừng lý sự nữa và đi ngủ đi!”

Chương 13: TIẾN BỘ QUÁ

Mãi khuya trong đêm, trong khi các sinh vật khác ngủ, Charlotte làm việc trên mạng của mình. Thoạt tiên chị nhện xé ra một ít những sợi tơ vòng cầu gần trung tâm. Chị để nguyên những sợi tơ chạy xuyên tâm, vì đó là những sợi cần để chịu lực. Chị nhện làm việc, có tám cái chân thật là hữu dụng. Và răng cũng hữu dụng như thế. Chị thích giăng mắc và chị là một chuyên gia về việc này. Khi chị nhện hoàn tất việc dỡ tơ ra, cái mạng của chị trông như thế này:



Một con nhện có thể sản xuất ra nhiều loại sợi tơ. Chị nhện vẫn dùng tơ khô, chắc để làm nền, và dùng tơ dính để làm bẫy - chính những sợi tơ này bắt và giữ côn trùng. Charlotte quyết định dùng tơ khô chắc để viết thông điệp mới.

“Nếu mình viết từ ‘Cực kỳ’ bằng tơ dính,” chị ta nghĩ, “tất cả những con bọ đi qua đều bị dính vào đó và làm mất hết hiệu quả.”

“Xem nào, chữ cái đầu tiên là C.”

Charlotte leo lên một chỗ trên đỉnh phía bên trái của mạng nhện. Nhún nhún cho bộ nhả tơ vào vị trí, chị ngoắc sợi tơ vào và rồi buông mình xuống. Khi chị nhao xuống, những ống xe tơ bắt đầu hoạt động và chị thả tơ ra. Đến đáy, chị lại ngoắc sợi tơ lại. Giờ đã có một phần của chữ C. Tuy nhiên, Charlotte chưa vừa ý. Chị lại leo lên và ngoắc thêm một sợi nữa, ngay sát cạnh sợi tơ đầu tiên. Rồi chị lại thả sợi tơ xuống, thế là chị có một sợi kép chứ không phải là sợi đơn. “Chữ sẽ nổi hơn hẳn nếu như mình làm toàn bộ bằng sợi kép.”

Chị lại leo lên, dịch ra chừng một in-sơ về phía phải, chạm bộ nhả tơ vào mạng nhện và kéo một sợi tơ về bên trái, làm thành phần đầu của chữ C. Chị làm lại lần nữa, để có một sợi kép. Tám chân chị xoay xở liên hồi kỳ trợn...

“Nào, giờ thì đến U!”

Charlotte chăm chú quá đỗi vào công việc của mình, chỉ bắt đầu tự nói chuyện với mình, như thể để khích lệ bản thân. Nếu bạn ngồi im trong nhà kho khu chuồng tối hôm đó, bạn có lẽ đã nghe được những thứ đại để thế này:

“Nào, giờ thì lại C! Ta lên nào! Nổi này! Xuống này! Nhả ra này! Họ! Nổi này! Tốt! Mày lên nào! Lại lần nữa! Nổi này! Xuống này! Nhả ra này. Họ, cô mình! Từ từ đã nào! Nổi này! Trèo này! Nổi này! Qua phải đề! Nhả ra này! Nổi này! Giờ thì qua phải và xuống và ngoặt cái vòng này nữa này lại nữa này! Giờ thì qua trái! Nổi này! Trèo này! Lại lần nữa! Được rồi! Nhẹ nhàng nào, để những sợi này cùng với nhau! Rồi, giờ thì xuống làm chân của C! Nhả ra nào nào! Họ! Nổi này! Trèo này! Lại lần nữa! Cô mình giỏi ghê!”

Và cứ thế, vừa tự nói với bản thân, chị nhện vừa thực hiện công việc khó khăn của mình. Khi việc đã xong xuôi, chị cảm thấy đói. Chị ăn một con bọ nhỏ mà chị vẫn để dành. Rồi chị ngủ thiếp đi.

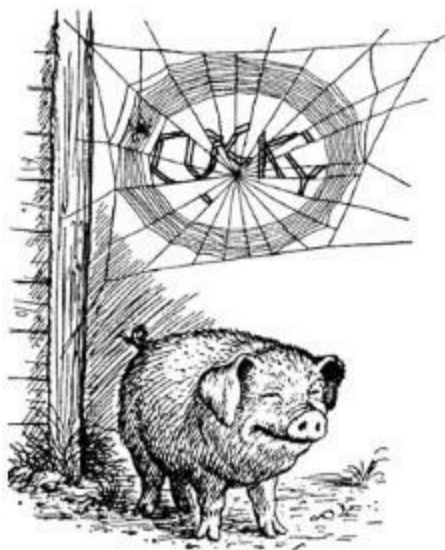
Sáng hôm sau, Wilbur thức dậy và đứng dưới mạng nhện. Nó hít không khí buổi sớm mai vào đầy trong phổi. Những giọt sương, bắt ánh mặt trời, khiến cái mạng nhện thật sự nổi bật. Khi Lurvy mang bữa sáng tới, thì đã thấy một con lợn phong độ, và ở trên nó, được dệt bằng chữ in hoa ngay ngắn, là hai từ CỰC KỲ. Lại một phép màu nữa.

Lurvy chạy vội đi và gọi ông Zuckerman. Ông Zuckerman chạy vội đi và gọi bà Zuckerman. Bà Zuckerman chạy ra điện thoại và gọi nhà Arable. Cả nhà Arable trèo lên xe tải và phóng vội đến.

Tất cả mọi người đứng trước chuồng lợn và nhìn chăm chăm vào mạng nhện và đọc hai chữ đó, đọc đi đọc lại, trong khi Wilbur, thật sự *cảm thấy* mình cực kỳ, đứng lặng im ngực nở hết cả lên và ngo ngoay mồm từ bên này sang bên kia.

“Cực kỳ!” ông Zuckerman thở ra trong sự ngưỡng mộ sung sướng. “Edith, tốt hơn là em nên điện thoại cho phóng viên tờ *Tuần tin* và kể cho anh ta nghe chuyện gì đã xảy ra. Anh ta sẽ muốn biết về chuyện này đây. Anh ta cũng có thể sẽ mang cả thợ ảnh đến nữa. Cả cái bang này không có con lợn nào cực kỳ như con lợn nhà ta đâu.”

Tin tức loan ra. Những người đã làm cuộc hành trình đến xem Wilbur khi nó là “lợn cừ” bây giờ lại quay lại để xem khi nó thành lợn “cực kỳ.”



Chiều đó, khi ông Zuckerman đi vắt sữa bò và lau rửa gióng buộc, ông vẫn nghĩ mãi về việc mình đã sở hữu một con lợn kỳ diệu làm sao.

“Lurvy!” ông gọi. “Đừng có mà vứt phân bò vào chuồng lợn nữa đấy. Tôi có một con lợn cực kỳ chứ đùa à. Tôi muốn con lợn mỗi ngày khi đi nằm phải có rơm mới, sạch. Rõ chưa?”

“Vâng, thưa ông,” anh người làm Lurvy đáp.

“Còn nữa,” ông Zuckerman nói, “tôi muốn anh bắt đầu làm một cái hòm gỗ cho Wilbur. Tôi đã quyết định mang con lợn đi dự Hội chợ Hạt vào mùng sáu tháng Chín. Hãy làm cái hòm to vào và sơn nền xanh với chữ vàng!”

“Sơn chữ gì ạ?” Lurvy hỏi.

“Nên là chữ *Lợn Trứ danh nhà Zuckerman*.”

Lurvy nhặt cái xia rơm lên và đi lấy rơm sạch. Có một con lợn quan trọng như vậy thì có nghĩa là sẽ thêm hàng đồng việc, anh ta biết rõ như vậy.

Dưới vườn táo, ở cuối lối đi, có một đồng rác mà ông Zuckerman vứt vào đó đủ loại phế thải cùng những thứ chẳng ai thèm nữa. Nơi đây, trong cái khoảnh đất được che khuất bởi những cây tổng quán sủi non và những bụi mâm xôi dại, là một đồng đáng kinh ngạc những chai cũ và đồ hộp rỗng và giẻ rách bẩn và những mẩu kim loại và chai vỡ và bản lề vỡ và lò xo vỡ và pin chết và tạp chí cũ và giẻ lau bát hỏng cũ và quần áo lao động rách và chân song han và xô thùng và những nút chai không ai màng và đủ thứ tạp nham vô dụng khác, trong đó có cả một cái tay quay lỗ cỡ đối với cái máy làm kem bị hỏng.

Templeton biết rõ đồng rác và thích nó. Có vô số những chỗ nấp tốt - chôn che thân tuyệt diệu cho một

con chuột. Và thường thì vẫn có một cái hộp mà thức ăn hãy còn dính ở bên trong.

Giờ thì Templeton đang ở đó, lục lọi mọi chỗ. Khi gã quay trở về khu chuồng, gã ngậm theo trong miệng một miếng quảng cáo mà gã xé ra từ một tạp chí nhàu nát.

“Cái này thì sao?” gã hỏi, đoạn chìa miếng quảng cáo ra cho Charlotte. “Nó viết ‘Cứng và Giòn.’ ‘Cứng và Giòn’ là những chữ hay để nhà chị giăng lên mạng.”

“Thật là một ý tưởng sai lầm,” Charlotte trả lời. “Không thể nào tệ hơn. Chúng ta không muốn Zuckerman nghĩ rằng Wilbur cứng và giòn. Ông ta có thể sẽ bắt đầu nghĩ về khoai tây chiên miếng, thịt lợn muối xông khói cứng và giòn cùng giảm bông hảo hạng. Cái này sẽ gọi ý tưởng vào trong đầu ông ta. Chúng ta phải quảng bá những phẩm chất cao quý của Wilbur, chứ không phải hương vị của cậu ấy. Làm ơn đi kiểm tra khác đi, Templeton!”

Gã chuột tỏ vẻ chán ghét. Nhưng gã cũng lên ra đồng rác và sau một lúc thì trở lại với một mảnh áo vải bông. “Cái này thì sao?” gã hỏi. “Đây là nhãn hiệu xé từ một cái áo sơ mi cũ.”

Charlotte kiểm tra cái nhãn hiệu. Nó viết là KHÔNG-CO.

“Tôi xin lỗi, Templeton,” chị ta nói, “nhưng ‘Không-co’ là hoàn toàn không thể được. Chúng ta muốn Zuckerman nghĩ rằng Wilbur béo tốt hoàn hảo, chứ không phải co rút ra làm sao hết. Tôi phải đề nghị anh cố gắng lần nữa vậy.”

“Nhà chị cho tôi là loại gì đây hử, một thằng đưa tin chắc?” gã chuột gầm gừ. “Tôi sẽ không mất cả ngày cả buổi để chạy xuống cái đồng rác ấy mà tìm chất liệu quảng cáo đâu.”

“Chỉ một lần nữa thôi - làm ơn đi!” Charlotte nói.

“Tôi nói cho chị biết tôi sẽ làm gì,” Templeton nói. “Tôi biết có một hộp xà phòng bột trong lều chứa củi. Trên đó có viết chữ. Tôi sẽ đem cho chị một mảnh hộp đó.”

Gã trèo lên sợi dây treo trên tường và biến vào trong một cái lỗ trên trần nhà. Khi gã quay lại, gã cắn trong mồm một miếng bìa nửa xanh nửa trắng.

“Đây!” gã nói, vẻ đắc thắng. “Cái này thì sao?”



Charlotte đọc các chữ: “Vớ Tắc động Ngời sáng Mới.”

“Cái này nghĩa là gì nhỉ?” Charlotte hỏi, cả đời chị ta chưa bao giờ dùng một tí xà phòng bột nào.

“Làm sao tôi biết được?” Templeton nói. “Nhà chị muốn từ ngữ thì tôi đã mang về đây thôi. Tôi chắc là tiếp theo đây chị lại muốn tôi đem về một cuốn từ điển.”

Bọn họ cùng nhau nghiên cứu mẩu quảng cáo xà phòng. “Vớ tắc động ngời sáng mới,” Charlotte nhắc lại một cách chậm rãi. “Wilbur!” chị ta gọi.

Wilbur đang ngủ trong ổ rơm, nhảy dựng lên.

“Chạy vòng quanh đi!” Charlotte ra lệnh. “Tôi muốn xem tác động của cậu thế nào, xem cậu có ngời sáng không.”

Wilbur phóng thẳng ra cuối sân quây.

“Giờ quay lại đây, nhanh nữa lên!” Charlotte nói.

Wilbur phi thật lực trở lại. Da cậu lộn sáng lên. Đuôi của nó xoắn thành vòng đẹp.

“Nhảy lên trên không nào!” Charlotte kêu lên.

Wilbur nhảy cao hết mức có thể.

“Cứ để đầu gối thẳng ra và chạm đất bằng hai tai!” Charlotte hét.

Wilbur tuân lệnh.

“Hãy lộn lại một nửa vòng nào!” Charlotte kêu lên.

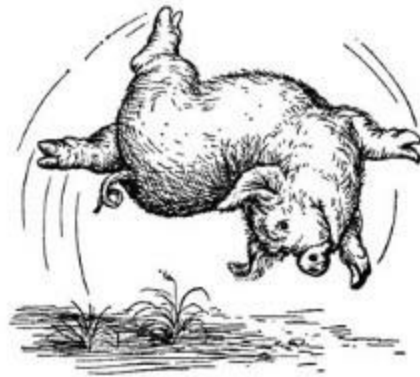
Wilbur lộn ra đằng sau, vừa vặn vừa uốn éo thân hình.

“Được rồi, Wilbur,” Charlotte nói. “Cậu có thể đi ngủ lại được rồi. Được đấy, Templeton, quảng cáo

xà phòng tốt đấy, tôi nghĩ vậy. Tôi không chắc chắn tác động của Wilbur có chính xác là ngời sáng hay không, nhưng cũng thú vị đấy.”

“Thật sự là,” Wilbur nói, “tôi *cảm thấy* ngời sáng.”

“Vậy ư?” Charlotte nói và triu mển nhìn cậu lợn. “Ồ, cậu là một chàng lợn hay, và cậu sẽ ngời sáng nữa. Giờ thì tôi đã dần sâu vào việc này quá rồi - và tôi chắc sẽ phải đi tới cùng.”



Nhảy nhót mệt, Wilbur nằm xuống chỗ rơm sạch. Nó nhắm mắt lại. Rơm có vẻ rậm - không thể nào dễ chịu bằng phân bò, thứ mà đã lăn vào thì luôn mềm mại khôn tả. Vì thế, nó đẩy rơm ra một bên và duỗi người nằm dài lên đám phân. Wilbur thở dài. Thật là một ngày bận rộn - cái ngày đầu tiên mà nó là cực kỳ. Hàng đồng người đã đến xem sân quây của nó vào buổi chiều, và nó đã phải đứng và tạo dáng, ra vẻ cực kỳ hết mức có thể. Giờ thì nó mệt. Fern cũng đã đến và ngồi lặng im trên ghế của cô ở một góc.

“Hãy kể cho tôi một câu chuyện đi, Charlotte!” Wilbur nói trong khi nằm dài chờ đợi giấc ngủ kéo đến. “Kể cho tôi một câu chuyện đi!”



Vì thế nên Charlotte, cho dù cũng rất mệt, đã làm điều Wilbur muốn.

“Ngày xưa ngày xưa”, chị bắt đầu, “tôi có một người chị họ xinh đẹp cố gắng giăng một cái mạng nhện ngang qua một dòng suối nhỏ. Một ngày kia có một con cá bé nhảy vọt lên không và bị mắc vào trong mạng. Chị họ tôi dĩ nhiên là kinh ngạc quá thể. Con cá quẫy đập một cách man dại. Chị họ tôi hầu như không dám ngăn chặn nó. Nhưng chị ấy đã làm. Chị ấy đâm bổ xuống và nhả ra hàng đồng chất liệu bao phủ quanh con cá và chiến đấu dữ dội để bắt nó.”

“Chị ấy có thắng không?” Wilbur hỏi.

“Đó là một trận chiến không-bao-giờ-quên-được,” Charlotte nói. “Đằng này là con cá, chỉ bị mắc một bên vây, và đuôi của nó thì quẫy đập man dại và chói sáng dưới ánh nắng. Đằng kia là cái mạng nhện, bị võng xuống rất nguy hiểm dưới trọng lượng của con cá.”

“Con cá nặng bao nhiêu?” Wilbur hăng hái hỏi.

“Tôi không biết,” Charlotte nói. “Chị họ tôi ở đó, lạng vào, lách ra, đánh không thương tiếc lên đầu con cá quẫy đập man dại, nhảy vào, nhảy ra, tung tơ ra và vật lộn dữ dội. Đầu tiên chị ấy tung một cú chân trái vào cạnh đuôi. Con cá quật lại. Rồi một cú chân trái vào đuôi vào một cú chân phải vào khúc giữa. Con cá quật lại. Rồi chị ấy lách ra một bên và tung một cú chân phải, rồi một cú chân phải nữa vào vây. Rồi một cú chân trái vào đầu, trong khi cái mạng nhện đung đưa và căng hết ra.”

“Xong rồi sao?” Wilbur hỏi.

“Chẳng sao cả,” Charlotte nói. “Con cá thua trận. Chị họ tôi quấn nó chặt đến nỗi nó chẳng thể nào nhúc nhích nổi.”

“Xong rồi sao?” Wilbur hỏi.

“Chẳng sao cả,” Charlotte nói. “Chị họ tôi giữ con cá một lúc, thế rồi, khi chị ấy đã sẵn sàng và phấn chấn, chị ấy ăn nó.”

“Hãy kể cho tôi câu chuyện khác đi!” Wilbur nằn nì.

Charlotte bèn kể cho nó nghe về một bà chị họ khác nữa của chị ta, một nhà hàng không.

“Nhà hàng không là cái gì?” Wilbur hỏi.

“Là một thợ lái khinh khí cầu,” Charlotte nói. “Chị họ tôi chuyên đứng dốc ngược đầu và nhả ra đủ tơ để làm thành một quả cầu. Thế rồi chị ấy buông ra và tất cả được phóng lên trên không và được làn gió ấm cuốn lên cao mãi.”

“Có thật không?” Wilbur hỏi. “Hay là chị chỉ bịa ra?”

“Thật đấy,” Charlotte trả lời. “Tôi có nhiều chị họ giỏi lắm. Còn bây giờ, Wilbur, đến lúc cậu phải ngủ rồi.”

“Hãy hát gì đi!” Wilbur nằn nì, và nhắm mắt lại.

Vì thế Charlotte bèn hát một bài hát ru, trong lúc lũ dế kêu líu ríu ở trong cỏ và khu chuồng tối dần.

Đây là bài hát của chị nhện:

“Ngủ, ngủ đi, người thương, người yêu,

Say, say vào, trong đồng phân và trong bóng tối,

Đừng cô đơn và đừng sợ chi!

Vào giờ này cả ếch và chim hét

Đang ngợi ca thế gian trong rừng và ruộng cối.

Đừng lo nghĩ chi, hỡi người yêu hỡi người duy nhất,

Say trong đồng phân và trong bóng tối!”

Nhưng Wilbur đã ngủ rồi. Khi bài hát chấm dứt, Fern đứng dậy và đi về nhà.

Chương 14: BÁC SĨ DORIAN

Ngày hôm sau là thứ Bảy. Fern đứng bên chậu rửa trong bếp để lau khô bát đĩa của bữa sáng trong khi mẹ cô rửa. Bà Arable lẳng lặng làm việc. Bà hy vọng Fern sẽ ra ngoài và chơi với lũ trẻ con khác, thay vì lại đến khu chuồng nhà Zuckerman để ngồi và xem những con vật.

“Charlotte là người kể chuyện hay nhất mà con biết,” Fern nói và dúi khăn lau vào một bát ngũ cốc.

“Fern,” mẹ cô nghiêm nghị nói, “con không được bịa ra chuyện. Con biết là nhện không bao giờ kể chuyện cả. Nhện không biết nói.”

“Charlotte nói vậy,” Fern trả lời. “Chị ấy không nói to thôi, nhưng chị ấy có nói.”

“Thế chị ta kể chuyện gì nào?” bà Arable hỏi.

“À,” Fern bắt đầu, “chị ấy kể cho con về một chị họ của chị ấy, đã bắt một con cá ở trên mạng nhện của mình. Mẹ đã thấy ghê chưa?”

“Fern, con yêu, làm sao một con cá lại rơi vào một cái mạng nhện được?” bà Arable nói. “Con biết rõ chuyện đó không thể xảy ra được. Con bịa ra mà thôi.”

“Ồ, chuyện ấy xảy ra đấy ạ,” Fern trả lời. “Charlotte không bao giờ bịa cả. Chị họ của chị ấy giăng một cái mạng nhện ngang qua một dòng suối. Một ngày kia khi chị ta đang treo mình trên mạng thì một con cá nhỏ vọt lên không trung vào mắc vào mạng nhện. Con cá bị mắc một bên vây, mẹ à; đuôi của nó quẫy đập man dại và chói sáng dưới ánh nắng. Mẹ không thấy tám mạng, võng xuống rất nguy hiểm dưới trọng lượng của con cá hay sao? Chị họ của Charlotte cứ lạng vào, lách ra, và chị ta đánh một cách không thương tiếc lên đầu con cá quẫy đập man dại, cứ nhảy vào, nhảy ra, tung...”

“Fern!” mẹ cô cau kinh. “Chấm dứt ngay! Chấm dứt ngay trò bịa chuyện lung tung!”

“Con không bịa,” Fern nói. “Con chỉ kể cho mẹ nghe sự thật.”

“Xong rồi thì sao?” mẹ cô hỏi, sự tò mò bắt đầu lần át tất cả.

“Chị họ của Charlotte thắng. Chị ta quấn chặt con cá, rồi chị ta ăn nó, khi chị ta đã sẵn sàng và phấn chấn. Nhện cũng phải ăn chứ, có khác gì chúng ta đâu.”

“Ừ, mẹ cũng nghĩ chúng phải vậy,” bà Arable nói, vẻ mơ hồ.

“Charlotte còn có một chị họ khác là thợ lái khinh khí cầu. Chị này luôn chống ngược đầu, tuôn ra hàng

đồng tơ, và đã được gió cuốn đi. Mẹ à, mẹ có thích làm như vậy không nào?”

“Có, mẹ có thích, cứ nghĩ mà xem,” bà Arable trả lời. “Nhưng Fern, con yêu, mẹ muốn con hôm nay ra ngoài chơi chứ đừng đến khu chuồng nhà chú Homer nữa. Hãy đi tìm các bạn con và chơi gì hay ho ở ngoài trời. Con mất bao nhiêu thời giờ ở cái khu chuồng ấy rồi còn gì - con cứ cô đơn một mình mãi như thế không tốt đâu.”

“Cô đơn?” Fern nói. “Cô đơn? Bạn tốt của con đều ở trong nhà kho khu chuồng đó. Đó là một nơi rất chan hòa. Chẳng cô đơn một tẹo nào.”

Sau một hồi thì Fern mất dạng, lại ra đường xuống nhà Zuckerman. Mẹ cô phủi bụi phòng khách. Vừa làm bà vừa nghĩ miết về Fern. Một cô bé mà quan tâm đến động vật đến thế dường như là điều không bình thường. Cuối cùng bà Arable quyết định rằng bà sẽ ghé thăm ông bác sĩ già Dorian để xin tư vấn. Bà ra xe và lái về phía văn phòng của ông ở trong làng.



Bác sĩ Dorian có bộ râu rậm. Ông rất vui khi thấy bà Arable và lấy một chiếc ghế thật dễ chịu cho bà ngồi.

“Chuyện là về Fern,” bà giải thích. “Fern tốn quá nhiều thời gian trong khu chuồng nhà Zuckerman. Điều này có vẻ không được bình thường. Con bé cứ ngồi trên cái ghế vắt sữa bò trong một góc nhà kho khu chuồng, sát cạnh chuồng lợn, và quan sát các con vật hết giờ này sang giờ khác. Nó chỉ ngồi và lắng nghe.”

Bác sĩ Dorian ngả người ra sau và nhắm mắt lại.

“Hay thế nhỉ!” ông nói. “Ồ đó chắc phải thú vị và yên ắng lắm đấy. Homer có một ít cừu, đúng không nhỉ?”



“Vâng,” bà Arable đáp. “Nhưng mọi chuyện bắt đầu với cái con lợn mà chúng tôi để Fern nuôi bằng cách cho bú bình. Con bé gọi nó là Wilbur. Homer mua con lợn, và từ khi con lợn rời chỗ chúng tôi Fern luôn đến nhà chú của nó để được ở gần con lợn.”

“Tôi đã nghe nhiều chuyện về con lợn đó rồi,” bác sĩ Dorian mở mắt ra nói. “Người ta nói đó là một con lợn ra lợn.”

“Ông đã nghe về những chữ xuất hiện trên mạng nhện chưa?” bà Arable nôn nóng hỏi.

“Có nghe,” ông bác sĩ trả lời.

“Ồ, thế ông có hiểu không?” bà Arable hỏi.

“Hiểu cái gì?”

“Ông có hiểu tại sao lại có chữ trên một cái mạng nhện?”

“Ồ, không,” bác sĩ Dorian đáp. “Tôi chẳng hiểu tại sao cả. Nhưng về vấn đề này thì ngay việc tại sao con nhện học được cách giăng mạng tôi cũng chẳng hiểu. Khi những chữ cái xuất hiện, ai cũng nói chúng là một phép màu. Nhưng chẳng ai nhận thấy rằng ngay cái mạng nhện thôi cũng là một phép màu.”

“Một cái mạng nhện thì có gì là màu nhiệm?” bà Arable nói. “Tôi không hiểu tại sao ông nói một cái mạng nhện là một phép màu - chỉ là một cái mạng nhện thôi mà.”

“Bà đã bao giờ thử giăng một cái mạng chưa?” bác sĩ Doran hỏi.

Bà Arable nhấp nhòm không yên trên ghế bành. “Không”, bà trả lời. “Nhưng tôi có thể móc một cái khăn và tôi có thể đan một cái vớ.”

“Chắc chắn rồi,” ông bác sĩ nói. “Nhưng có ai đó đã dạy bà, đúng không?”

“Mẹ tôi dạy tôi.”

“Đó, vậy có ai dạy con nhện không? Một con nhện con biết giăng một cái mạng nhện mà không cần bắt cứ ai hướng dẫn gì hết. Bà không thấy đó chính là một phép màu à?”

“Tôi cho là thế,” bà Arable nói. “Tôi chưa bao giờ nhìn sự thể theo lối ấy. Song, tôi vẫn không hiểu tại sao mấy chữ ấy lại có ở trên mạng nhện. Tôi không hiểu nổi, và tôi không thích những gì mà tôi không hiểu nổi.”

“Chẳng ai hiểu cả,” bác sĩ Dorian thở dài nói. “Tôi là một bác sĩ. Bác sĩ được coi là hiểu mọi thứ. Nhưng tôi không hiểu được mọi thứ, và tôi không có ý định để việc đó làm tôi phải lo lắng.”

Bà Arable bồn chồn. “Fern nói rằng các con vật nói chuyện với nhau. Bác sĩ Dorian, ông có tin các con vật nói chuyện hay không?”

“Tôi chưa bao giờ nghe con nào nói gì cả,” ông bác sĩ trả lời. “Nhưng cái đó thì chẳng chứng minh nổi điều gì. Hoàn toàn có thể rằng một con vật đã nói chuyện rất lịch thiệp với tôi nhưng tôi hoàn toàn không nhận ra bởi vì tôi đã không chú tâm. Trẻ con chú tâm hơn người lớn nhiều. Nếu Fern nói rằng những con vật trong khu chuồng nhà Zuckerman nói chuyện, tôi sẵn sàng tin cô bé đấy. Có thể là nếu con người nói ít đi, động vật sẽ nói nhiều lên. Con người ta là những cái máy ba hoa không ngừng - tôi có thể cam đoan với bà điều này.”

“Vâng, tôi cảm thấy nhẹ lòng về Fern hơn rồi,” bà Arable nói. “Ông có nghĩ tôi cần phải lo lắng về con bé hay không?”

“Cô bé trông ổn chứ?” ông bác sĩ hỏi.

“Ồ, vâng.”

“Ăn uống tốt chứ?”

“Ồ, vâng, nó lúc nào cũng đói ngấu.”

“Đêm ngủ ngon chứ?”

“Ồ, vâng.”

“Vậy thì đừng có lo gì nữa,” bác sĩ nói.

“Ông có cho rằng con bé sẽ lại bắt đầu nghĩ đến cái gì khác ngoài lợn với cừu với ngỗng với nhện hay không?”

“Fern năm nay bao nhiêu tuổi?”

“Nó lên tám.”

“À,” bác sĩ Dorian nói, “tôi nghĩ con bé sẽ luôn yêu động vật. Song tôi nghi ngờ việc cô bé sẽ quanh quẩn cả đời ở trong nhà kho khu chuồng nhà Zuckerman đây. Thế bọn con trai thì sao - Fern có quen biết đứa nào không?”

“Nó quen Henry Fussy,” bà Arable hoan hỉ nói.

Bác sĩ Dorian nhắm mắt lại lần nữa và chìm đắm vào trong suy tư. “Henry Fussy,” ông lầm bầm. “Hừm. Khá đấy. Rồi, tôi nghĩ bà không có gì phải lo lắng đâu. Cứ để Fern giao du với bạn của cô bé trong khu chuồng nếu cô bé muốn. Tôi có thể nói, chả cần phải dẫn đi đâu hết, là nhện và lợn cũng hoàn toàn hấp dẫn chẳng kém gì Henry Fussy cả. Song tôi đoán rằng sẽ đến một ngày cậu chàng Henry kia cũng có cơ hội thu hút được sự chú ý của Fern. Bọn trẻ mỗi năm mỗi thay đổi đến là kinh ngạc. Avery thì thế nào rồi?” ông hỏi, mở to đôi mắt hơn nữa.

“Ồ, Avery,” bà Arable khẽ cười, “Avery lúc nào cũng ổn cả. Dĩ nhiên, nó bị vướng vào cây sơn độc và bị cả ong thường lẫn ong bắp cày đốt và mang cả ếch cả rắn về nhà và làm vỡ tất cả những gì nó động tay đến. Nó thì ổn lắm.”

“Tốt!” ông bác sĩ nói.

Bà Arable chào tạm biệt và cảm ơn bác sĩ Dorian đã tư vấn. Bà đã cảm thấy yên tâm hơn rất nhiều.

Chương 15: LŨ DẾ

Lũ dế hát ở trong cỏ. Bọn chúng hát bài hát về mùa hè kết thúc, một bài hát đơn điệu, buồn tẻ. “Mùa hè hết rồi qua rồi,” bọn chúng hát. “Hết rồi qua rồi, hết rồi qua rồi. Mùa hè chết rồi, chết rồi.”

Lũ dế cảm thấy chúng có trách nhiệm phải cảnh báo mọi người rằng mùa hè không thể cứ kéo dài mãi được. Thậm chí ngay cả vào những ngày đẹp nhất trong năm - những ngày mà hè đang chuyển sang thu - lũ dế vẫn cứ rả rích loan tin về những buồn thương và thay đổi.

Ai cũng nghe thấy bài ca của lũ dế. Avery và Fern Arable cũng nghe thấy khi chúng cất bước trên con đường đầy bụi. Chúng hiểu rằng trường học sắp sửa mở cửa trở lại. Bầy ngỗng choai nghe thấy và hiểu rằng chúng sẽ không bao giờ còn là ngỗng con được nữa. Charlotte nghe thấy và chị ta hiểu rằng mình chẳng còn nhiều thời gian. Bà Zuckerman, đang dở việc trong bếp, nghe thấy bài hát của lũ dế, và một nỗi buồn cũng xâm chiếm lòng bà. “Lại một mùa hè nữa qua rồi,” bà thở dài. Anh người làm Lurvy, đang đóng một cái hòm cho Wilbur, nghe thấy bài hát và biết đã đến lúc đi dỡ khoai tây.

“Mùa hè hết rồi qua rồi,” bọn dế nhắc lại. “Còn bao đêm nữa thì buốt giá?” bọn dế hát. “Tạm biệt mùa hè, tạm biệt, tạm biệt!”

Bầy cừu nghe thấy tiếng bọn dế, và chúng cảm thấy khó chịu đến mức chúng phá vỡ một lỗ hồng ở hàng rào bãi quây và đi thơ thẩn tuốt lên trên cánh đồng phía bên kia con đường. Ngỗng đực phát hiện ra lỗ hồng và dẫn cả gia đình đi qua luôn, và cả lũ đã vào vườn cây ăn quả rồi xơi táo rụng vãi trên mặt đất. Một cây thích nhỏ trong đầm lầy nghe thấy bài hát của dế bèn lo lắng mà ngả thành màu đỏ.

Wilbur giờ đây đã trở thành tâm điểm thu hút sự chú ý trong trang trại. Thức ăn ngon với thời gian biểu đều đặn đã cho kết quả nhãn tiền: Wilbur là một con lợn bất kỳ ai cũng phải tự hào. Trong một ngày mà có hơn một trăm người đến đứng trước sân của nó và ngắm nhìn nó. Charlotte đã giảng chữ NGỒI SÁNG, và Wilbur nom thật sự ngời sáng khi nó đứng đó trong ánh mặt trời vàng. Từ ngày chị nhện giúp đỡ nó, nó cũng đã cố hết sức có thể để xứng với danh tiếng của nó. Khi mạng nhện của Charlotte viết LỢN CỪ, Wilbur cố lắm để nom giống như lợn cừ. Khi mạng nhện của Charlotte viết CỰC KỲ, Wilbur đã cố để trông thật cực kỳ. Và giờ đây, khi mạng nhện viết NGỒI SÁNG, nó làm mọi thứ có thể để cho người nó sáng lên.

Để trông ngời sáng là điều không dễ tí nào, nhưng Wilbur đã quyết làm điều đó bằng cả ý chí bản thân. Nó sẽ hơi quay đầu và chớp chớp hàng mi dài. Rồi nó sẽ thở thật sâu. Và đến khi khán giả của nó bắt đầu chán, nó sẽ vọt lên không và vặn nửa người nhảy về đằng sau. Thấy vậy đám đông sẽ la lên và trầm trồ. “Thấy lợn nào như vậy chưa?” ông Zuckerman sẽ hỏi, với vẻ rất mãn nguyện. “Con lợn này ngời sáng.”

Một số bạn bè của Wilbur trong khu chuồng lo ngại vì sợ tất cả những sự chú ý này sẽ ăn sâu vào đầu

óc nó và khiến nó tự cao tự đại. Nhưng không hề. Wilbur là kẻ khiêm tốn vô cùng; danh tiếng không làm nó bị hỏng. Nó vẫn còn lo lắng nhiều về tương lai, bởi vì nó cũng khó mà tin được rằng chỉ mỗi chị nhện thôi đã có thể cứu được đời nó. Thỉnh thoảng vào ban đêm nó vẫn gặp ác mộng. Nó mơ thấy rằng người ta tới và hạ nó bằng dao và súng. Nhưng đó chỉ là mơ thôi. Vào ban ngày, Wilbur thường cảm thấy tự tin và hạnh phúc. Chẳng có con lợn nào lại có được những bạn bè chân thật dường ấy, và nó nhận ra rằng tình bạn là một trong những thứ làm ta mãn nguyện nhất trên thế gian này. Thậm chí cả bài ca của bọn dế cũng không làm Wilbur quá buồn. Nó biết đã sắp đến kỳ Hội chợ Hạt rồi, và nó đang ngóng chờ chuyến đi dự. Nếu mà nó có thể nổi bật lên ở Hội chợ, và lại giật giải gì đó có tiền thưởng, nó chắc rằng Zuckerman sẽ để nó sống.

Charlotte cũng có những nỗi lo riêng, nhưng chị ta chẳng hề nói ra. Một buổi sáng Wilbur hỏi chị nhện về Hội chợ.

“Chị đi *cùng* tôi chứ, phải không hả Charlotte?” nó nói.

“Ồ, tôi không biết,” Charlotte trả lời. “Hội chợ diễn ra đúng vào thời điểm khó khăn của tôi. Tôi sẽ thấy rất bất tiện nếu phải rời nhà, ngay cả chỉ trong vài ngày.”

“Tại sao?” Wilbur hỏi.

“Ôi, tôi chỉ thấy không muốn rời mạng nhện của mình thôi. Ở đây còn có biết bao nhiêu thứ.”

“*Làm ơn* đi cùng tôi đi!” Wilbur năn nỉ. “Tôi cần chị, Charlotte à. Tôi không thể chịu được việc đi Hội chợ mà không có chị. Chị *chỉ việc* đến thôi mà.”

“Không,” Charlotte nói, “tôi tin rằng tốt hơn cả là tôi ở nhà và xem liệu có làm xong được một số việc không.”

“Việc gì vậy?” Wilbur hỏi.

“Đẻ trứng. Đã đến lúc tôi phải làm một cái bọc trứng và đẻ đầy trứng vào trong đó.”

“Tôi không biết chị lại có thể đẻ trứng nữa,” Wilbur kinh ngạc nói.

“Ồ, chắc rồi,” chị nhện nói. “Tôi đa năng mà.”

“ ‘Đa năng’ nghĩa là gì vậy - đây ấp trứng à?” Wilbur hỏi.

“Chắc chắn là không,” Charlotte nói. “ ‘Đa năng’ nghĩa là tôi có thể dễ dàng chuyển từ việc này sang việc khác. Có nghĩa là tôi không chỉ giới hạn các hoạt động của tôi trong việc giăng tơ hay bắt mồi hay những trò như vậy.”

“Tại sao chị không đi cùng tôi đến Khu Hội chợ và đẻ trứng ở đó?” Wilbur biện luận. “Như thế sẽ vui

kinh khủng.”

Charlotte giật cái mạng nhện của mình một cái và dăm chiêu nhìn nó đu đưa. “Tôi sợ là không thể được,” chị nhện nói. “Cậu không biết điều căn bản về việc đẻ trứng đâu, Wilbur. Tôi không thể sắp xếp nghĩa vụ gia đình để cho hợp với lịch trình của Hội chợ Hạt được. Khi tôi đã sẵn sàng để đẻ trứng, tôi sẽ phải đẻ, Hội chợ hay không Hội chợ cũng mặc. Tuy nhiên, tôi không muốn cậu phải lo lắng về điều đó - cậu có thể bị giảm cân mất. Ta cứ thống nhất thể này đi: tôi sẽ đến Hội chợ một khi tôi có thể.”

“Ôi, tốt quá!” Wilbur nói. “Tôi biết chị sẽ không bỏ rơi tôi đúng lúc tôi cần chị nhất mà.”

Cả ngày hôm đó Wilbur ở trong chuồng, ườn thân nhàn hạ trong ổ rơm. Charlotte nghỉ ngơi và ăn một con châu chấu. Chị ta biết rằng chị ta không thể giúp Wilbur được nhiều nữa. Chỉ trong ít ngày tới chị ta sẽ phải vứt bỏ tất cả mọi thứ và làm một cái bọc đẹp để đẻ bọc lữ trứng của mình.

Chương 16: ĐI HỘI CHỢ

Đêm trước ngày Hội chợ, tất cả mọi người cùng đi ngủ sớm. Fern và Avery lên giường từ tám giờ tối. Avery nằm mơ thấy cái vòng đu quay dừng lại và nó thì ở trên cái giỏ cao nhất. Fern nằm mơ thấy cô bị chổng mặt buồn nôn trên cái đu.



Anh người làm Lurvy lên giường lúc tám rưỡi. Anh ta nằm mơ thấy mình ném phi tiêu trúng con mèo vãi và lãnh thưởng một cái chăn Navajo xịn. Ông và bà Zuckerman lên giường lúc chín giờ. Ông Zuckerman nằm mơ về Wilbur. Ông mơ thấy Wilbur lớn đùng lên cho đến khi nó dài một trăm mười sáu feet và cao chín mươi hai feet và nó đã giật hết tất cả các giải thưởng ở Hội chợ và người nó phủ đầy huy chương và thậm chí có một cái huy chương buộc cả vào cuối đuôi nó.

Dưới nhà kho khu chuồng, các con vật cũng đi ngủ sớm, tất cả, ngoại trừ Charlotte. Ngày mai sẽ là Ngày Hội chợ. Mọi con vật đều tính sẽ dậy sớm để nhìn Wilbur bước vào cuộc phiêu lưu ghê gớm của nó.

Sáng hôm sau, tất cả dậy ngay từ rạng đông. Trời nóng. Tại nhà Arable ở đoạn đường trên, Fern lôi một xô nước nóng vào trong phòng cô và lau người bằng bột biển. Rồi cô bận một bộ cánh đẹp nhất bởi cô biết rằng cô sẽ gặp bọn con trai ở Hội chợ. Bà Arable kỳ cọ đằng sau cổ thẳng Avery, rồi đập nước tóc nó, rồi rẽ ngôi, rồi chải xuống rất mạnh để tóc ép vào đỉnh đầu nó - tất cả, ngoại trừ sáu sợi tóc cứ dựng đứng lên. Thằng Avery mặc quần lót sạch, quần bò xanh sạch, và một áo nịt len sạch. Ông Arable mặc quần áo, ăn sáng, rồi đi ra ngoài và đánh bóng cái xe tải của ông. Ông đã đề nghị được chở mọi người đến Hội chợ, trong đó có Wilbur.

Dậy từ tinh mơ, Lurvy đã bỏ rơm sạch vào trong hòm gỗ của Wilbur và mang nó đến chuồng lợn. Cái hòm gỗ sơn màu xanh. Có hàng chữ vàng như thế này:

LỢN TRÚ DANH NHÀ ZUCKERMAN

Nhân dịp này Charlotte làm mạng nhện của chị ta trông rất dễ coi. Wilbur ăn bữa sáng một cách chậm rãi. Nó cố làm cho nó ngồi sáng mà không bị vấy thức ăn lên tai.

Trong bếp, bà Zuckerman đột nhiên ra một tuyên bố.

“Homer,” bà nói với ông chồng, “em sẽ cho con lợn tắm nước sữa.”

“Tắm gì?” ông Zuckerman hỏi.

“Tắm nước sữa. Bà em vẫn thường cho lợn tắm nước sữa khi con vật bị bần - em vừa mới nhớ ra xong.”

“Wilbur không hề bần,” ông Zuckerman nói về tự hào.

“Nó rất bần ở đằng sau tai,” bà Zuckerman nói. “Mỗi lần Lurvy đổ thức ăn cho nó, cám cứ chảy vòng quanh tai. Rồi cám khô đi, và đóng thành mảng. Nó cũng bị bần ở một bên sườn chỗ nó nằm trên phân.”

“Nó nằm trên rơm sạch,” ông Zuckerman đính chính.

“Ôi dào, nó bần, và nó sẽ được tắm nước sữa.”

Ông Zuckerman yếu ớt ngồi xuống và ăn một cái bánh rán. Vợ ông đi vào trong lều chứa củi. Khi bà trở ra, bà đã đi ủng cao su và mặc một cái áo mưa cũ và xách một thùng nước sữa với một cái bàn chải gỗ nhỏ.

“Edith, em điên thật ấy,” Zuckerman lầm bầm nói.

Nhưng bà không hề chú ý đến ông. Họ cùng nhau đi xuống chuồng lợn. Bà Zuckerman không bỏ phí chút thời gian nào. Bà trèo vào trong với Wilbur và bắt tay vào làm việc ngay. Nhúng bàn chải vào trong nước sữa, bà chà xát khắp người con vật. Bầy ngỗng túm tụm xung quanh để xem trò vui, và cả lũ cừu lớn lẫn lũ cừu bé cũng vậy. Thậm chí cả Templeton cũng thận trọng thò cái đầu của gã ra ngoài, để xem Wilbur tắm nước sữa. Charlotte thì quan tâm ghê gớm, chị ta hạ mình xuống trên một sợi tơ để có thể nhìn rõ hơn. Wilbur đứng yên và nhắm mắt lại. Nó có thể cảm thấy nước sữa chảy nhỏ giọt xuống bên dưới sườn nó. Nó hé mồm ra và một ít nước sữa chảy ngay vào. Thật là ngon. Nó cảm thấy ngời sáng và hạnh phúc. Khi bà Zuckerman xong việc và lau khô người nó, nó đã là một con lợn sạch nhất, đẹp nhất mà người ta từng thấy. Thân nó trắng ngần, và mịn như lụa, quanh tai và mồm cứ hồng lên.



Ông bà Zuckerman đi lên thay quần áo đẹp. Lurvy đi cạo râu và mặc áo sơ mi kẻ sọc ô vuông với cà vạt đỏ tía. Các con vật bị bỏ mặc kệ cho tự tung tự tác trong khu chuồng.

Bảy con ngỗng con cứ điếu qua điếu lại quanh mẹ chúng.

“Làm ơn, làm ơn, làm ơn mang bọn con đến Hội chợ!” một con ngỗng con nói. Thế rồi cả bảy con bắt đầu nhí nhều để được đi.

“Làm ơn, làm ơn, làm ơn, làm ơn, làm ơn, làm ơn...”

Bọn chúng cũng làm huyền não đáng kể.

“Các con!” ngỗng cái quát. “Chúng ta phải yên-yên-yên lặng ở nhà. Chỉ có Wilbur-ilbur-ilbur là đi Hội chợ mà thôi.”

Đúng lúc ấy thì Charlotte ngắt lời.

“Tôi cũng sẽ đi nữa,” chị ta nhẹ nhàng nói. “Tôi đã quyết định sẽ đi cùng Wilbur. Cậu ta có thể sẽ cần đến tôi. Chúng ta chẳng biết trước được điều gì sẽ xảy ra ở Hội chợ. Ai đó cũng sẽ phải đi cùng, mà phải là người biết đọc biết viết. Và tôi nghĩ tốt nhất là Templeton nên đi - tôi có thể sẽ cần đến một người chạy loong toong và phụ tá vòng ngoài.”

“Tôi chả đi đâu sất,” gã chuột càu nhàu. “Tôi không có tí tẹo hứng thú nào với các hội chợ.”

“À đó là vì anh chưa từng tới một hội chợ nào cả,” con cừu già nhận xét. “Hội chợ chính là thiên đường của một con chuột. Ở hội chợ tất cả mọi người cứ vung vãi thức ăn đầy cả ra. Một con chuột có thể lên ra ngoài vào đêm khuya và làm một bữa đại yến. Trong chuồng ngựa anh có thể tìm thấy cháo yến mạch mà bọn ngựa nuôi và ngựa đua đã làm vương vãi. Trên khoảnh cỏ bị giẫm nát giữa lối đi anh sẽ tìm thấy một cái hộp vứt đi đựng phần còn lại đã bị ôi của bữa trưa gồm bánh mì kẹp bơ đậu phộng, trứng luộc kỹ, vụn bánh quy, mấy mẩu bánh rán, và một tí tẹo pho mát. Ở giữa đường đất cứng ngắt, sau khi đèn đóm tắt đi hết và người ta đã về nhà đi ngủ, anh sẽ tìm thấy một kho báu thực sự toàn mẩu bỏng ngô, những giọt sữa trứng đã đông lại, táo tằm đường bị bọn trẻ chán vứt đi, đường kính, quả

hạnh muối, kem que, kem ốc quế gặm dở, và que kẹo. Khắp nơi toàn là bông lộc trời cho với một con chuột - trong lều, trong quán, trong chuồng cỏ - tại sao, vì đồng thực phẩm thừa kinh tởm mà một hội chợ thải ra thì đủ thỏa mãn cả một đạo quân chuột.”

Hai mắt Templeton lóe sáng.

“Có thật vậy không?” gã hỏi. “Cái chuyện huyền thuyên làm người ta rở dãi của mụ có thật không đấy? Tôi thích sống xa hoa sang trọng, và những gì mụ nói kích thích tôi lắm.”

“Sự thật đấy,” cừu già đáp. “Cứ đi Hội chợ mà xem, Templeton. Nhà anh sẽ thấy các điều kiện ở một hội chợ vượt quá cả những giấc mơ hoang đại nhất của nhà anh. Những cái xô vẫn còn dính đầy đậu nghiền ôi, những hộp cá vẫn còn một ít cá ngừ, những cái túi giấy vấy mỡ vẫn còn...”

“Thế đủ rồi!” Templeton kêu lên. “Đừng nói gì với tôi thêm nữa. Tôi sẽ đi.”

“Tốt lắm,” Charlotte nói và nháy mắt với cừu già. “Còn bây giờ - không còn chút thời gian nào thừa ra nữa đâu. Một chốc nữa thôi là Wilbur sẽ được đưa vào hòm. Templeton và tôi sẽ phải chui vào trong hòm ngay bây giờ và nấp cho kỹ.”

Gã chuột không bỏ phí một phút nào. Gã lao vọt lên cái hòm, luồn qua khe các thanh gỗ, rồi kéo rom phủ lên mình để chẳng ai thấy gã nữa.

“Được rồi,” Charlotte nói, “giờ đến lượt tôi.” Chị ta lướt trong không khí, nhả ra một sợi tơ, và nhẹ nhàng hạ xuống dưới đất. Rồi chị ta trèo lên một bên hòm và ẩn mình trong một cái hốc mắt gỗ của tấm ván trên cùng.

Con cừu già gật gù. “Một chuyến hàng ghê chưa!” bà ta nói. “Lẽ ra phải viết thành ‘Lợn Trứ danh nhà Zuckerman cùng Hai Tên Lậu Vé’.”

“Coi chừng, người ta đang đến-ên-ên đấy!” ngỗng đực kêu lên. “Cẩn thận, cẩn thận, cẩn thận!”

Cái xe tải to có ông Arable lái đang chậm chậm lùi về phía sân quây. Lurvy và ông Zuckerman đi bên cạnh. Fern và Avery ở trên thùng xe, bám vào thành bên.

“Cậu nghe tôi nói đây,” cừu già thì thầm với Wilbur. “Khi bọn họ mở hòm ra và cố đẩy cậu vào, cứ vùng vẫy thật lực! Đừng có lên mà không vùng vẫy. Lợn luôn kháng cự khi chúng bị chở đi.”

“Nếu tôi vùng vẫy tôi sẽ bị bắn,” Wilbur nói.

“Đừng để ý đến chuyện đó - cứ làm như tôi bảo! Vùng vẫy thật lực! Nếu cậu cứ thế bước vào cái hòm mà không kháng cự, Zuckerman có thể nghĩ rằng cậu bị phù phép. Ông ta sẽ sợ không dám đi Hội chợ.”

Templeton thò cái đầu của gã ra khỏi đám rơm. “Cứ vùng vẫy nếu cậu phải làm vậy,” gã nói, “nhưng hãy làm ơn nhớ rằng tôi đang nấp ở phía dưới cái hòm này và tôi không muốn bị giẫm lên, hay bị đá vào mặt, hay bị đập túi bụi, hay bị xô đẩy các kiểu, hay bị dè, hay bị đánh, hay bị thâm tím mình mẩy, hay bị xây xước, hay bị sứt sẹo, hay bị đốt. Hãy để ý mình đang cái làm gì, thưa quý ông Ngồi sáng, khi người ta tổng quý ông lên!”

“Im lặng đi, Templeton!” cừ già nói. “Rút cái đầu anh vào - bọn họ đang đến đây. Ra về ngồi sáng đi, Wilbur! Nằm thấp xuống, Charlotte! Nói năng ầm ĩ đi, anh chị ngỗng!”

Cái xe tải lùi chậm chậm vào chuồng lợn và dừng lại. Ông Arable tắt máy, xuống xe, đi vòng ra sau, và hạ thành đằng sau xuống. Bầy ngỗng khen ngợi ầm ĩ. Bà Arable ra khỏi xe. Fern và Avery nhảy xuống đất. Bà Zuckerman đi từ trên nhà xuống. Tất cả mọi người sắp hàng ở bờ rào và đứng một lúc để ngắm Wilbur và cái hòm màu xanh rất đẹp. Không ai nhận thấy trong cái hòm đã chứa sẵn một con chuột và một con nhện.

“Chính là con lợn cừ đây!” bà Arable nói.

“Nó cực kỳ đấy,” Lurvy nói.

“Nó thật ngồi sáng,” Fern nói và nhớ lại cái ngày con lợn ra đời.

“Ừ,” bà Zuckerman nói, “dù thế nào thì nó cũng rất sạch. Nước sữa thực sự có tác dụng.”

Ông Arable xem xét Wilbur kỹ càng. “Đúng, nó là một con lợn tuyệt vời,” ông nói. “Thật không thể tin nổi nó từng là con kẹ trong cả lứa lợn. Chú sẽ có thêm khối giảm bông với thịt xông khói, Homer à, khi đến lúc phải giết thịt con lợn *này*.”

Wilbur nghe những lời này và tim nó gần như ngừng đập. “Tôi nghĩ tôi sắp ngất đây,” nó thì thầm với cừ già vẫn đang đứng quan sát.

“Khuyu xuống!” cừ già thì thầm. “Để cho máu độc hết xuống đầu cậu!”

Wilbur quỳ sụp xuống, mọi sự ngồi sáng biến mất. Mắt nó nhắm nghiền lại.

“Nhìn kia!” Fern gào lên. “Nó đang xỉu đi!”

“Này, nhìn tôi đây!” thẳng Avery hét lên, nó bò vào trong cái hòm. “Tôi là con lợn! Tôi là con lợn!”

Chân thẳng Avery chạm vào Templeton bên dưới đám rơm. “Đúng là loạn thật!” gã chuột nghĩ. “Lũ con trai đúng là những sinh vật quái dị! Tại sao mình lại để mình lâm vào cảnh này mới được?”

Bầy ngỗng nhìn thấy Avery trong hòm bèn khen ngợi ầm ĩ.

“Avery, con ra khỏi cái hòm đó ngay lập tức!” bà mẹ ra lệnh. “Con có nghĩ bản thân con là cái gì không hử?”

“Con là con lợn!” thằng Avery kêu lên và tung hàng năm rơm lên trên không. “Ụt ịt, ụt ịt, ụt ịt!”

“Xe tải đang lăn đi, bố kia,” Fern nói.

Cái xe tải, không có ai điều khiển, đã bắt đầu trôi xuống đồi. Ông Arable xông vào buồng lái và kéo phanh gấp. Cái xe dừng lại. Bầy ngỗng khen ngợi ầm ĩ. Charlotte núp mình và cố co người cho càng bé càng tốt trong cái hốc mắt gỗ, để không bị thằng Avery nhìn thấy.

“Ra ngoài ngay tức khắc!” bà Arable hét lên. Avery bò bằng tay và đầu gối ra ngoài cái hòm, làm vể mặt nhảu nhở trên Wilbur. Wilbur đã ngất đi.

“Con lợn đã ngất xỉu rồi,” bà Zuckerman nói. “Dội nước lên người nó!”

“Dội nước sữa ấy!” thằng Avery gợi ý.

Bọn ngỗng khen ngợi ầm ĩ.

Lurvy chạy đi lấy một xô nước. Fern trèo vào trong chuồng và quỳ bên cạnh Wilbur.

“Nó bị say nắng,” Zuckerman nói. “Nóng quá nó không chịu nổi ấy mà.”

“Có thể nó chết rồi,” thằng Avery nói.

“Đi ra khỏi chuồng lợn *ngay lập tức!*” bà Arable thét lên. Thằng Avery nghe lời mẹ và trèo lên đằng sau cái xe tải để nhìn cho rõ hơn. Lurvy đã trở lại cùng với nước lạnh và dội lên Wilbur.

“Dội vào tôi nữa!” Avery nói. “Người tôi cũng nóng!”



“Ôi, trật tự nào!” Fern la lên. “Trật-t-ự.” Hai mắt cô bé đã đầy lệ.

Wilbur cảm thấy được nước lạnh, đã tỉnh dậy. Nó chậm chậm đứng lên, trong lúc bầy ngỗng khen ngợi ầm ĩ.

“Nó tỉnh rồi!” ông Arable nói. “Tôi chắc nó chẳng bị sao hết.”

“Con đói,” thằng Avery nói. “Con muốn một quả táo ngâm đường.”

“Wilbur bây giờ ổn rồi,” Fern nói. “Chúng ta bắt đầu thôi. Con muốn được đi một chuyến trên vòng đu quay.”

Ông Zuckerman và ông Arable và Lurvy tóm lấy con lợn và đẩy nó, đầu vào trước, về phía cái hòm. Wilbur bắt đầu vùng vẫy. Máy người kia càng đẩy mạnh, nó càng cưỡng lại ác. Thằng Avery nhảy xuống và tham gia cùng. Wilbur đá và quẫy và ủn ỉn ầm lên. “Con lợn này không có gì không ổn cả,” ông Zuckerman phấn khởi nói và ấn đầu gối thúc vào phía sau Wilbur. “Tất cả chú ý, hai, ba, nào! Đẩy!”

Lần cố gắng cuối cùng, họ đã nhồi được con lợn vào trong hòm. Bầy ngỗng khen ngợi ầm ĩ. Lurvy đóng đinh mấy tấm ván che đằng sau, để Wilbur không thể xổng ra ngoài. Rồi, gắng hết sức, máy người đàn ông nhấc cái hòm lên và đẩy nó vào thùng xe tải. Bọn họ không biết rằng dưới lớp rơm có một con chuột, và trong hốc mắt gỗ là một con nhện xám to. Bọn họ chỉ nhìn thấy mỗi con lợn.

“Tất cả lên xe nào!” ông Arable kêu lên. Ông khởi động máy. Hai bà trèo vào ngồi cạnh ông. Ông Zuckerman và Lurvy và Fern và Avery trèo lên đằng sau, bám vào thành xe. Cái xe tải bắt đầu tiến lên. Bọn ngỗng khen ngợi ầm ĩ. Lũ trẻ con ầm ĩ nhại lại bọn ngỗng, và tất cả cùng lên đường đến Hội chợ.

Chương 17: ÔNG CẬU

Khi bọn họ vào trong Hội chợ, bọn họ có thể nghe thấy tiếng nhạc và nhìn thấy vòng đu quay to tướng đang quay trên bầu trời. Họ có thể hít được bụi của đường đua nơi cái xe rưới nước đang làm nó ẩm đi; và họ có thể ngửi thấy mùi thịt băm viên đang rán và nhìn thấy quả khinh khí cầu ở trên cao. Họ có thể nghe thấy bầy cừu kêu be be trong chuồng. Một giọng nói ông ổng cất lên từ loa phóng thanh: “Làm ơn chú ý! Ai đó có chiếc xe Pontiac, biển số H-2439, làm ơn lái xe ra xa kho chứa pháo bông!”

“Cho con một ít tiền nhé?” Fern hỏi.

“Cả con nữa?” Avery hỏi.

“Con sẽ thắng một con búp bê bằng cách quay bánh xe và nó sẽ dừng lại đúng con số thắng cuộc,” Fern nói.

“Con sẽ lái một máy bay phản lực và cho nó đâm vào một cái khác.”

“Cho con mua một quả bóng nhé?” Fern hỏi.

“Cho con mua một cái bánh kem với cả một cái bánh kẹp pho mát với cả một ít nước sô-đa mâm xôi nhé?”

“Các con cứ ngồi im đến lúc cho con lợn xuống xong đã,” bà Arable nói.

“Cứ để bọn trẻ tự đi chơi,” ông Arable gợi ý. “Cả năm mới có một lần Hội chợ.” Ông Arable cho Fern hai đồng hai mươi xu và hai hào. Ông cho Avery năm hào và bốn đồng năm xu. “Giờ thì chạy đi chơi đi!” ông nói. “Và nhớ là tiền đó để tiêu *cả ngày*. Đừng có mà tiêu hết vào trong mấy phút. Và quay trở lại xe vào buổi trưa để cả nhà cùng ăn trưa. Và đừng ăn những thứ sẽ khiến các con bị đau bụng.”

“Và nếu hai đứa leo lên vòng đu quay kia,” bà Arable nói, “thì hãy bám chặt vào! Phải bám thật chặt vào. Nghe chưa?”

“Và đừng có bị lạc đấy!” bà Zuckerman nói.

“Và đừng có nghịch bần!”

“Đừng đùa nghịch cho phát nóng ra!” bà mẹ nói.



“Cẩn thận kéo bị móc túi đấy!” ông bố cảnh báo.

“Và đừng chạy qua đường đua khi có ngựa phóng tới!” bà Zuckerman kêu lên.

Bọn trẻ đứa này nắm tay đứa kia nhảy chân sáo về hướng có vòng quay ngựa gỗ, về phía có tiếng nhạc tuyệt tác và cuộc phiêu lưu tuyệt hảo và sự phấn khích tuyệt diệu, tới trung tâm tuyệt vời nơi sẽ không có bố hay mẹ coi chừng chúng, chỉ đạo chúng, nơi chúng sẽ được sung sướng và tự do và làm bất cứ điều gì chúng muốn. Bà Arable đứng yên lặng và nhìn chúng đi xa dần. Rồi bà thở dài. Rồi bà hỉ mũi.

“Anh nghĩ mọi việc sẽ ổn cả chứ?” bà hỏi.

“À, rồi đến lúc chúng nó cũng phải lớn lên cả thôi,” ông Arable nói. “Và hội chợ là một nơi thích hợp để bắt đầu, anh nghĩ thế.”

Trong khi Wilbur được mang xuống và được ra khỏi cái hòm và vào trong một cái chuồng mới, đám đông tụ tập xung quanh để xem. Bọn họ nhìn chăm chăm vào dòng chữ LỢN TRÚ DANH NHÀ ZUCKERMAN. Wilbur nhìn lại và cố tỏ vẻ cực dễ thương. Nó rất vừa lòng với cái chuồng mới. Trong chuồng có cỏ mọc đầy, và được che khỏi ánh nắng bằng cái mái một mặt.

Charlotte, nhìn trước ngó sau, rồi bò ra ngoài cái hòm và trèo lên cái cột đến bên dưới mái nhà. Không một ai phát hiện ra chị ta.

Templeton, không muốn thò ra ngoài giữa thanh thiên bạch nhật, cứ nằm yên dưới lớp rơm trong đáy hòm. Ông Zuckerman đổ một ít váng sữa vào máng của Wilbur, vớt rơm sạch vào trong chuồng nó, rồi ông và bà Zuckerman cùng ông bà Arable đi về phía chuồng gia súc để xem lũ bò thuần chủng và ngắm nghía các thứ. Ông Zuckerman đặc biệt muốn xem máy kéo. Bà Zuckerman muốn xem một cái tủ lạnh. Lurvy cũng lang thang một mình, hy vọng sẽ gặp được bạn bè và làm gì đó vui vẻ trong hội chợ.

Ngay khi mọi người đi hết, Charlotte liền nói với Wilbur.

“Một điều rất hay là cậu không thể thấy cái tôi thấy,” chị ta nói.

“Chị thấy gì cơ?” Wilbur hỏi.

“Có một gã lợn ở trong chuồng kế bên và gã to khủng khiếp. Tôi sợ rằng gã to hơn cậu rất nhiều.”



“Có thể là anh ta lớn tuổi hơn tôi, và có nhiều thời gian để lớn hơn,” Wilbur gợi ý. Nó bắt đầu rân rân nước mắt.

“Tôi sẽ hạ xuống và xem kỹ hơn mới được,” Charlotte nói. Rồi chị ta bò theo cái xà rầm cho đến khi sang hẳn chuồng bên cạnh. Chị ta buông mình xuống trên một sợi tơ cho đến khi treo lơ lửng trong không khí ngay trước mõm của con lợn to tướng.

“Tôi có thể biết tên anh được không?” chị ta hỏi, rất lịch thiệp.

Con lợn nhìn chị ta chằm chằm. “Không có tên nào cả,” con lợn nói bằng một giọng ồm ồm, thẳng thắn. “Cứ gọi tôi là Ông Cậu.”

“Được lắm, Ông Cậu,” Charlotte đáp lời. “Anh sinh vào ngày nào? Anh có phải là lợn xuân hay không?”

“Dĩ nhiên tôi là lợn xuân,” Ông Cậu trả lời. “Vậy chị nghĩ tôi là gì đây, gà xuân chắc? Ha ha - nghe hay đấy chứ, hả, bà chị?”

“Hơi hay thôi,” Charlotte nói. “Dầu vậy tôi từng nghe những thứ hay hơn nhiều. Rất vui được gặp anh, bây giờ thì tôi phải đi đây.”

Chị ta chậm chậm leo lên và trở lại chuồng Wilbur.

“Gã khẳng định mình là lợn xuân,” Charlotte kể lại, “và có thể đúng thế thật. Có một điều chắc chắn, là gã có một tính cách kém cuốn hút nhất. Gã suồng sã quá, ồm ồm quá, và gã nói đùa nhạt hoét. Còn nữa,

gã còn lâu mới có thể sạch được như cậu, về mặt dễ thương thì cũng vậy. Ngay trong một cuộc hỏi chuyện ngắn ngủi tôi đã thấy không ưa gã rồi. Dẫu sao, gã cũng sẽ là một con lợn khó bị đánh bại đấy, Wilbur, khi đã tính đến tầm vóc và cân nặng của gã. Nhưng có tôi giúp cậu, thì cũng không sao cả.”

“Vậy chị giăng mạng vào lúc nào mới được?” Wilbur hỏi.

“Cuối buổi chiều nay, nếu tôi không quá mệt,” Charlotte nói. “Những ngày này, ngay cả việc chẳng ra sao cũng khiến tôi mệt. Tôi dường như không còn sinh lực như trước kia nữa. Chắc tại tuổi tác, tôi nghĩ vậy.”

Wilbur nhìn bạn mình. Chị nhện trông hơi phồng to ra và có vẻ bơ phờ.

“Tôi rất khở sở khi nghe chị nói rằng chị không được khỏe, Charlotte à,” nó nói. “Có thể nếu chị giăng một cái mạng và bắt vài con ruồi chị sẽ cảm thấy ổn hơn.”

“Có thể,” chị nhện nói, vẻ mệt mỏi. “Nhưng tôi cảm thấy y như là một ngày dài đang tàn.” Treo ngược người lên trần, chị nhện chìm dần vào giấc ngủ ngắn, bỏ mặc Wilbur đang hết sức lo lắng.

Suốt buổi sáng mọi người đều đi qua đi lại chuồng của Wilbur. Hàng tá rồi hàng tá người lạ mặt dừng lại nhìn chằm chằm vào nó và ngắm nghía bộ lông trắng trẻo óng mượt của nó, cái đuôi xoắn của nó, phong thái tử tế và ngời sáng của nó. Rồi bọn họ lại đi qua chuồng kế bên nơi có gã lợn to đang nằm. Wilbur nghe thấy nhiều người trầm trồ về tầm vóc to lớn của Ông Cậu. Nó không thể nào không nghe những trầm trồ ấy, và nó cũng không thể nào không lo lắng. “Mà bây giờ, Charlotte lại còn mệt nữa...” nó nghĩ. “Ôi, trời ơi!”

Suốt buổi sáng Templeton ngủ im lìm dưới lớp rơm. Trời càng lúc càng nóng dữ dội. Vào buổi trưa, cả hai nhà Zuckerman và Arable cùng quay về chuồng lợn. Rồi, một vài phút sau, Fern và Avery xuất hiện. Fern cắp một con khỉ búp bê trong tay và đang ăn kẹo lạc tẩm caramel. Avery có một quả bóng buộc vào tai và đang nhai táo ngâm đường. Bọn trẻ nóng phùng phùng và bần thiêu.

“Nóng nhỉ?” bà Zuckerman nói.

“Nóng *kinh khủng*,” bà Arable vừa nói vừa quạt bằng tờ quảng cáo tủ lạnh.

Bọn họ từng người một trèo lên cái xe tải và mở hộp đựng bữa trưa ra. Mặt trời tỏa hơi nóng lên tất cả mọi thứ. Hình như không ai cảm thấy đói.

“Khi nào thì ban giám khảo có quyết định về Wilbur?” bà Zuckerman hỏi.

“Phải đợi đến mai,” ông Zuckerman nói.

Lurvy hiện ra, mang theo một tấm chăn thổ dân Da đỏ mà anh ta thắng được.

“Đây đúng là thứ mà chúng ta cần,” thằng Avery nói. “Một cái chăn.”

“Dĩ nhiên là thế rồi,” Lurvy trả lời. Và anh ta trải cái chăn phủ vắt qua hai bên thành xe để cho giống như một cái lều nhỏ. Lũ trẻ ngồi trong bóng râm, dưới cái chăn, cảm thấy dễ chịu hơn hẳn.

Sau bữa trưa, bọn chúng nằm dài ra và ngủ thiếp đi.

Chương 18: SỰ MÁT MẺ CỦA BUỔI TỐI

Trong sự mát mẻ của buổi tối, khi bóng đêm thẩm dần trên khu Hội chợ, Templeton từ trong hòm lén ra ngoài và nhìn quanh. Wilbur nằm ngủ trong đám rơm. Charlotte đang giăng mạng. Cái mũi thính của Templeton phát hiện ra hàng đồng mùi ngon thơm trong không khí. Gã chuột vừa đói vừa khát. Gã quyết định đi thám hiểm. Không nói gì với ai, gã cứ thế tếch luôn.

“Nhớ mang về cho tôi một chữ đấy!” Charlotte gọi gã ta. “Đêm nay tôi sẽ giăng chữ một lần cuối.”

Gã chuột làu bầu gì đó với chính gã và mất dạng trong bóng tối. Gã không muốn bị đối xử như một đứa đưa tin.

Tiếp sau cái nóng của ban ngày, buổi tối đến như một sự khuây khỏa cho tất cả. Vòng đu quay giờ đã lên đèn. Nó quay tròn rồi quay tròn trên bầu trời và có vẻ cao gấp đôi so với ban ngày. Ở khu trung tâm cũng sáng đèn, và ta có thể nghe tiếng kêu tanh tách của máy đánh bạc và tiếng nhạc của vòng quay ngựa gỗ và tiếng của một người đàn ông đang xướng những con số giữa một canh bạc.

Bọn trẻ cảm thấy tươi tỉnh sau giấc ngủ. Fern đã gặp cậu bạn Henry Fussy của mình, và cậu ta mời cô cùng đi vòng đu quay. Cậu ta thậm chí còn mua cho cô vé, vậy là cô chẳng mất gì cả. Khi bà Arable bất chợt ngẩng đầu lên nhìn bầu trời sao và thấy cô con gái nhỏ của bà đang ngồi cùng Henry Fussy và cứ thế lên cao dần, cao dần trên không trung, rồi thấy Fern nom hạnh phúc biết bao, bà chỉ biết lắc đầu. “Ôi, ôi!” bà nói. “Henry Fussy. Cứ nghĩ mà xem!”



Templeton cố lẩn mình đi. Trong đám cỏ cao sau chuồng gia súc, gã tìm thấy một gói giấy báo. Ở bên trong là chỗ bữa trưa còn thừa của một ai đó: một cái bánh kẹp thịt nướng, một miếng pho mát Thụy Sĩ, một mẩu trứng luộc kỹ, và lõi của một quả táo bị sâu đục. Gã chuột luồn ngay vào và chén sạch. Rồi gã xé một chữ trên tờ báo, cuộn lại, và quay trở lại chuồng Wilbur.

Charlotte gần như đã giăng xong mạng nhện khi Templeton trở lại, mang theo mảnh báo được xé ra. Chỉ ta chừa lại một khoảng trống ở giữa tám mạng. Vào giờ này, chẳng còn ai lai vãng đến chuồng lợn, nên con chuột cùng con nhện cùng con lợn cứ việc tự tung tự tác.

“Tôi hy vọng anh mang về một chữ tốt,” Charlotte nói. “Đây sẽ là chữ cuối cùng mà tôi giăng.”

“Đây,” Templeton nói, và giờ tờ giấy ra.

“Nó viết gì?” Charlotte hỏi. “Anh phải đọc to lên cho tôi.”

“Nó viết KHIÊM NHƯỜNG,” gã chuột trả lời.

“Khiêm nhường?” Charlotte nói. “ ‘Khiêm nhường’ có hai nghĩa. Nó có nghĩa ‘không tự cao’ và nó có nghĩa ‘ở dưới thấp.’ Cả hai đều đúng với Wilbur. Cậu ấy không tự cao và cậu ấy ở dưới thấp.”

“Được rồi, tôi hy vọng chị đã vừa ý,” gã chuột cười khẩy. “Tôi sẽ không mất hết thời gian để lục lọi và chuyên chở đâu. Tôi đến Hội chợ này để cho sướng cái thân tôi chứ không phải để đưa báo đưa chí.”

“Anh thật là được việc lắm,” Charlotte nói. “Anh cứ đi đi, một khi anh muốn xem nhiều thứ nữa ở Hội chợ.”



Gã chuột cười toét. “Tôi sẽ biến đêm nay thành một đêm ra đêm,” gã nói. “Mụ cừu già nói đúng - cái Hội chợ này là thiên đường của một con chuột. Thế mới là ăn! Thế mới là uống chứ! Và chỗ nào cũng nắp được, kiếm được. Tạm biệt, tạm biệt chú Wilbur khiêm nhường nhá! May mắn nhé, hỡi Charlotte, kẻ chủ mưu lão luyện! Đêm nay sẽ là đêm để nhớ suốt cả đời chuột.”

Gã biến mất trong bóng tối.

Charlotte quay lại làm việc. Trời đã tối lắm rồi. Cách đó một quãng, pháo hoa bắt đầu được bắn lên - pháo sáng, những quả cầu rực lửa tỏa ra trên bầu trời. Đến khi nhà Arable và nhà Zuckerman từ khán đài quay trở lại, Charlotte đã xong việc. Hai chữ KHIÊM NHƯỜNG đã được dẹt gọn ghẽ ở giữa mạng nhện. Không ai nhận ra điều đó trong bóng đêm. Mọi người ai cũng mỗi mệ và vui sướng.

Fern và Avery trèo lên trên cái xe tải và nằm xuống. Bọn chúng kéo cái chăn thổ dân Da đỏ lên người. Lurvy cho Wilbur một chĩa rom mới. Ông Arable vỗ về nó. “Đến lúc chúng ta phải về nhà rồi,” ông nói với con lợn. “Gặp mày ngày mai nhé.”

Mấy người lớn từ từ leo lên cái xe tải và Wilbur nghe thấy tiếng máy khởi động và rồi nghe thấy tiếng

xe tải chậm chậm đi xa dần. Chắc là nó sẽ cảm thấy cô đơn và nhớ nhà lắm nếu Charlotte không cùng ở đó. Nó không bao giờ cảm thấy cô đơn một khi có chị bên cạnh. Cách đó một quãng nó vẫn có thể nghe được tiếng nhạc từ vòng quay ngựa gỗ.

Khi nó thiu thiu sắp ngủ, nó nói với Charlotte.

“Hát cho tôi nghe bài hát đó lần nữa nhé, về đồng phân và bóng tối ấy,” nó cầu khẩn.

“Tối nay thì không,” chị nhện nói bằng một giọng rất khẽ. “Tôi mệt lắm.” Giọng của chị dường như không phát ra từ mạng nhện.

“Chị đâu rồi?” Wilbur hỏi. “Tôi không thể nhìn thấy chị. Chị có ở trên mạng không?”

“Tôi ở đây cơ,” chị nhện trả lời. “Ở góc đằng sau này.”

“Tại sao chị không ở trên mạng nhện?” Wilbur hỏi. “Chị hầu như *không bao giờ* rời khỏi mạng của chị cả.”

“Tối nay thì tôi rời,” chị nhện nói.

Wilbur nhắm mắt lại. “Charlotte,” nó nói, sau một lúc, “chị có thật sự cho rằng Zuckerman sẽ để tôi sống và sẽ không giết tôi khi mùa lạnh về chứ? Chị có nghĩ thế thật không?”

“Dĩ nhiên rồi,” Charlotte nói. “Cậu là lợn trứ danh và là một con lợn ngoan. Ngày mai có lẽ cậu sẽ giết giải thưởng. Cả thế giới sẽ nghe kể về cậu. Zuckerman sẽ tự hào và sung sướng được sở hữu một con lợn như vậy. Cậu chẳng phải sợ gì hết, Wilbur à - chẳng phải lo gì hết. Có thể là cậu sẽ còn sống mãi nữa ấy chứ - ai mà biết được? Còn bây giờ thì ngủ đi.”

Không có động tĩnh gì mất một lúc lâu. Rồi tiếng của Wilbur cất lên:

“Chị làm gì ở trên đó thế, Charlotte?”

“Ồ, đang làm một thứ,” chị nhện nói. “Đang làm một thứ, như thường lệ.”

“Có phải một thứ cho tôi không?” Wilbur hỏi.

“Không,” Charlotte nói. “Đó là một thứ cho tôi, để thay đổi.”

“Làm ơn nói cho tôi nghe đi,” Wilbur cầu khẩn.

“Tôi sẽ nói cho cậu nghe vào sáng mai,” chị nhện nói. “Khi tia sáng đầu tiên bùng lên trên bầu trời và bầy chim sẻ thức dậy và lũ bò khua dây thừng lạch cạch, khi gà trống gáy và những ngôi sao đã nhạt đi, khi những chiếc ô tô buổi sớm rì rầm trên đường cái, cậu hãy nhìn lên đây và tôi sẽ cho cậu xem một

thứ. Tôi sẽ cho cậu xem kiệt tác của tôi.”

Chị nhện chưa kịp nói xong, Wilbur đã ngủ rồi. Qua tiếng thở của nó, chị nhện chắc rằng nó đang ngủ một giấc yên bình, rất say trong ổ rơm.

Cách đó hàng dặm, tại nhà Arable, mọi người ngồi xung quanh bàn bếp ăn một đĩa đào đóng hộp và nói những chuyện xảy ra trong ngày. Trên gác, Avery đã lên giường và ngủ tít. Bà Arable đang đưa Fern vào giường.

“Hôm nay con ở Hội chợ vui chứ?” bà vừa hôn con gái vừa hỏi.

Fern gật đầu. “Chưa ở nơi nào và chưa bao giờ trong đời con con lại vui đến như thế.”

“Ồ,” bà Arable nói. “Thế thì thích nhỉ.”

Chương 19: BỌC TRỨNG

Sáng hôm sau khi tia sáng đầu tiên bùng lên trên bầu trời và bầy chim sẻ thức dậy trên cây, khi lũ bò khua dây thừng và gà trống gáy và những chiếc ô tô buổi sớm rì rầm trên đường cái, Wilbur thức dậy và tìm Charlotte. Nó nhìn thấy chị nhện ở trên cao trong góc gần phía sau chuồng của nó. Người chị hình như đã co lại sau một đêm. Bên cạnh chị, dính liền vào trần, Wilbur thấy một vật kỳ lạ. Nó là một loại bọc, hay là kén. Nó có màu quả đào và nhìn như thể được làm bằng kẹo bông.

“Chị dậy chưa, Charlotte?” nó nói nhẹ nhàng.

“Rồi,” tiếng trả lời vọng đến.

“Cái vật bánh bao kia là cái gì thế? Có phải chị làm không?”

“Tôi làm đấy,” Charlotte trả lời bằng một giọng yếu ớt.

“Đó là đồ chơi hả?”

“Đồ chơi? Tôi không nói vậy đâu. Đó là bọc trứng của tôi. *Magnum opus* của tôi.”

“Tôi không hiểu magnum opus nghĩa là gì?” Wilbur nói.

“Tiếng La-tinh đấy,” Charlotte giải thích. “Nó có nghĩa là ‘tuyệt tác’. Cái bọc trứng này là tuyệt tác của tôi đấy - vật kỳ công nhất mà tôi từng làm ra.”

“Có gì ở trong đó vậy?” Wilbur hỏi. “Trứng à?”

“Năm trăm mười bốn quả cả thảy,” chị nhện trả lời.

“Năm *trăm* mười *bốn*?” Wilbur nói. “Chị đang đùa phải không?”



“Không, tôi không đùa đâu. Tôi đã đếm kỹ. Tôi đã bắt đầu bằng cách đếm, và tôi cứ thế tiếp tục - cũng là một cách để cho đầu óc bận rộn.”

“Đúng là một bọc trứng đẹp đẽ hoàn hảo,” Wilbur nói và cảm thấy vui sướng như là chính nó làm ra cái bọc vậy.

“Vâng, nó đẹp *thật*,” Charlotte trả lời và vỗ nhẹ hai chân trước vào cái bọc. “Dù sao đi nữa, tôi có thể đảm bảo rằng nó rất chắc chắn. Nó được làm bằng chất liệu bền nhất mà tôi có. Nó còn không thấm nước nữa. Trứng ở bên trong sẽ được khô và ấm.”

“Charlotte,” Wilbur mơ màng nói, “có phải chị thật sự sẽ có năm trăm mười bốn đứa con?”

“Nếu không có chuyện gì xảy ra, thì đúng thế,” chị nhện nói. “Dĩ nhiên, chúng sẽ không xuất hiện trước mùa xuân năm tới.” Wilbur nhận thấy giọng của Charlotte nghe buồn bã.

“Điều gì khiến chị có vẻ buồn nản thế? Tôi ngỡ chị sẽ sung sướng kinh khủng về việc này chứ.”

“Ôi, đừng để tâm đến tôi,” Charlotte nói. “Tôi chỉ không còn mấy sức sống mà thôi. Tôi chắc tôi buồn là vì tôi sẽ không bao giờ được nhìn thấy các con tôi.”

“Chị nói chị sẽ không nhìn thấy các con là có ý gì vậy! Dĩ nhiên là chị sẽ thấy chúng. Chỉ đơn giản là đến mùa xuân tuyết vùi năm tới trong nhà kho khu chuồng năm trăm mười bốn con nhện con sẽ tràn ngập khắp cả. Và ngỗng cái cũng sẽ lại có một lứa ngỗng con nữa, và bầy cừu cũng sẽ có cừu con...”

“Có thể,” Charlotte nói nhỏ nhẹ. “Dù sao đi nữa, tôi cũng có linh cảm rằng tôi sẽ không được nhìn thấy kết quả của những cố gắng đêm qua. Tôi chẳng thấy khỏe tí nào. Tôi nghĩ tôi đang suy kiệt đây, cứ nói thật với cậu như vậy.”

Wilbur không hiểu từ “suy kiệt” nghĩa là thế nào và nó ghét phải làm phiền Charlotte giải thích. Nhưng nó lo lắng đến nỗi nó cảm thấy nó vẫn phải hỏi.

“Thế ‘suy kiệt’ có nghĩa là gì vậy?”

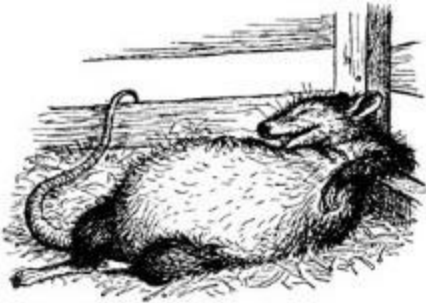
“Có nghĩa là tôi đang chậm chạp dần, thấy nặng nhọc vì tuổi tác. Tôi không còn trẻ nữa, Wilbur à. Nhưng tôi không muốn cậu lo lắng vì tôi. Ngày hôm nay là ngày trọng đại của cậu. Hãy nhìn mạng nhện của tôi xem - có sương sớm đọng nom nó đẹp đấy chứ?”

Mạng nhện của Charlotte nhìn không bao giờ có thể đẹp hơn khi nhìn vào buổi sáng đó. Mỗi sợi tơ giữ lại hàng chục hạt sương mai lấp lánh. Ánh sáng từ trời đông chiếu vào nó và khiến nó trở nên rõ ràng, toàn vẹn. Đúng là một công trình hoàn hảo về thiết kế và xây dựng. Chỉ trong vòng một hai giờ nữa, dòng người sẽ đều đặn đi qua, ngắm nghía nó, đọc nó, và dòm xem Wilbur, và kinh ngạc trước phép lạ.

Trong lúc Wilbur xem xét mạng nhện, một đôi râu và một cái mặt nhọn xuất hiện. Templeton chậm chậm lê người qua chuồng lợn và buông mình xuống một góc.

“Tôi về rồi đây,” gã chuột nói bằng một giọng khàn khàn. “Đúng là đêm ra đêm!”

Gã chuột đã phình to gấp đôi so với kích thước thường nhật của gã. Bụng của gã to tròn như một cái lọ đựng thạch.



“Đúng là đêm ra đêm!” gã nhắc lại, khàn hết giọng. “Thế mới là đánh chén với lại ăn tiệc chứ! Thế mới gọi là ngon chứ! Tôi hẳn đã xoi phần còn lại của ba mươi bữa trưa. Chưa bao giờ tôi lại thấy những đồ thừa như thế, mà tất cả đều đã nục đã nấu bởi thời gian và cả ngày nóng nực. Ôi sao mà bỏ béo, các bạn tôi ơi, sao mà bỏ béo đến thế!”

“Anh không biết xấu hổ cho bản thân à,” Charlotte nói với vẻ kinh tởm. “Rồi anh sẽ biết thân anh ngay nếu mà anh bị rối loạn tiêu hóa cấp tính.”

“Đừng có lo cho cái dạ dày của tôi,” Templeton càu nhàu. “Nó có thể xử lý mọi thứ. À nhân tiện, tôi có tin xấu đây. Khi tôi đi qua cái con lợn bên cạnh - cái con tự gọi nó là Ông Cậu - tôi thấy có một cái thẻ xanh treo trước chuồng nó. Điều đó có nghĩa là nó đã giành giải nhất. Tôi đoán cậu bị hạ rồi, Wilbur. Cậu cứ nghỉ cho khỏe đi - chẳng có ma nào gắn mề đay cho *cậu* đâu. Hơn nữa, tôi sẽ không ngạc nhiên nếu Zuckerman sẽ đổi ý đối với cậu. Cứ chờ đến lúc ông ta thấy thềm thịt lợn tươi với giăm bông xông khói và thịt muối xông khói giòn! Ông ta sẽ mang dao tìm cậu, nhai ẹ.”

“Im đi, Templeton!” Charlotte nói. “Anh đã tọng và ních phát phì đến mức không biết mình nói gì nữa rồi. Đừng để ý đến anh ta nữa, Wilbur!”

Wilbur cố không nghĩ về những gì gã chuột nói. Nó quyết định nói sang chuyện khác.

“Templeton,” Wilbur nói, “nếu mà anh không trì độn như vậy, có lẽ anh đã nhận ra Charlotte đã có một bọc trứng. Chị ấy sẽ làm mẹ. Nói cho anh biết nhé, trong cái bọc trứng nhỏ màu quả đào ấy có năm trăm mười bốn quả trứng.”

“Đúng thế à?” gã chuột hỏi và nhìn cái bọc vẻ nghi ngờ.

“Vâng, đúng thế,” Charlotte thờ dãi.

“Chúc mừng!” Templeton thì thầm. “Đúng thật là một đêm!” Gã nhắm mắt lại, kéo một ít rơm lên người, và chìm ngay vào giấc ngủ say. Wilbur và Charlotte thấy sung sướng vì thoát được gã trong một lúc.

Vào chín giờ, xe tải của ông Arable lăn bánh vào trong khu Hội chợ và dừng lại trước chuồng Wilbur. Tất cả mọi người trào ra ngoài.

“Nhìn kia!” Fern kêu lên. “Nhìn mạng nhện của Charlotte kia! Nhìn xem nó nói gì kia!”

Mấy người lớn và trẻ con đang cầm tay nhau đứng ở đó, ngắm nghía cái chữ mới.

“KHIÊM NHƯỜNG,” ông Zuckerman nói. “Đó chẳng phải là chữ dành cho Wilbur bây giờ hay sao!”

Tất cả mọi người sung sướng vì thấy phép màu đã được lặp lại. Wilbur nhìn chăm chú vào mặt họ một cách yêu kiều. Nó trông hết sức khiêm nhường và biết ơn. Fern nháy mắt với Wilbur. Lurvy bận bịu ngay tức thì. Anh ta đổ một xô cám nóng vào máng, và trong khi Wilbur ăn bữa sáng thì Lurvy nhẹ nhàng gãi cho nó bằng một cái đũa nhẵn nhụi.

“Chờ một chút!” Avery kêu lên. “Nhìn này!” Thằng bé chỉ vào cái thẻ xanh trên chuồng của Ông Cậu. “Con lợn này đã giành giải nhất rồi.”

Nhà Zuckerman và nhà Arable nhìn chăm chăm vào cái thẻ. Bà Zuckerman bắt đầu khóc. Không ai nói câu nào. Họ nhìn chăm chăm vào cái thẻ. Rồi họ nhìn chăm chăm vào Ông Cậu. Rồi họ lại nhìn chăm chăm vào cái thẻ. Lurvy lôi ra một cái khăn mùi xoa to tổ bố và xỉ mũi rất mạnh - mạnh đến nỗi, thật thế, mấy người làm việc ở mãi trong tàu ngựa cũng nghe thấy.

“Cho con một ít tiền nhé?” Fern nói. “Con muốn ra ngoài kia chơi.”

“Con ở nguyên đây không đi đâu hết!” mẹ cô nói. Lệ đã rân rân trên mắt Fern.

“Mọi người khóc lóc chuyện gì mới được nhỉ?” ông Zuckerman hỏi. “Nhanh tay nhanh chân lên nào! Edith, mang nước sữa lại đây!”

“Đến giờ tắm rồi!” ông Zuckerman nói, vẻ phấn khởi. Ông và bà Zuckerman và Avery trào vào trong chuồng Wilbur. Avery chậm chậm đổ nước sữa lên đầu và lưng Wilbur, và trong khi nước sữa chảy thành dòng xuống sườn và má nó, ông và bà Zuckerman chà xát mạnh lên lông với da của nó. Những người đi qua dừng lại xem. Chẳng mấy chốc cả một đám đông đã xúm lại. Wilbur đã trở nên trắng mịn tuyệt đẹp. Ánh nắng buổi sáng chiếu xuyên qua cái tai hồng của nó.

“Nó không to như con lợn bên cạnh,” một người đứng đó nhận xét, “nhưng nó sạch hơn. Tôi thích như vậy.”

“Tôi cũng thế,” một người khác nói.

“Và nó cũng khiêm nhường nữa,” một phụ nữ vừa nói vừa đọc chữ trên mạng nhện.

Tất cả mọi người đến thăm chuồng lợn đều có lời nói tốt về Wilbur. Tất cả đều trầm trồ cái mạng nhện. Và dĩ nhiên chẳng ai nhìn thấy Charlotte.

Đột nhiên một giọng nói vang lên trên loa phóng thanh.

“Làm ơn hãy chú ý!” giọng nói cất lên. “Xin ông Homer Zuckerman mang con lợn trứ danh của mình đến lều giám khảo ngay trước khán đài. Một giải thưởng đặc biệt sẽ được trao trong vòng hai mươi phút nữa. Mời tất cả mọi người đến dự. Làm ơn hãy cho lợn của ông vào hòm, và trình diện ngay ở lều giám khảo, thưa ông Zuckerman!”

Mất một lúc sau thông báo đó, nhà Arable và nhà Zuckerman lặng đi không ai nói hay làm được điều gì. Thế rồi thằng Avery nhặt lấy một nắm rom và tung cao tít lên trời và hét lên một tiếng thật to. Rom rơi lả tả xuống tóc Fern như là hoa giấy. Ông Zuckerman ôm ghì lấy bà Zuckerman. Ông Arable ôm hôn bà Arable. Avery ôm hôn Wilbur. Lurvy bắt tay tất cả mọi người. Fern ôm chậm lấy mẹ. Avery ôm chậm Fern. Bà Arable ôm chậm bà Zuckerman.



Ở trên đỉnh đầu, trong bóng tối của cái trần, Charlotte thu mình lại để không bị nhìn thấy, mấy chân trước của chị ôm lấy cái bọc trứng. Trái tim chị đang đập không được khỏe như thường lệ và chị cảm thấy mình đang kiệt sức và già cỗi, nhưng cuối cùng thì chị đã biết chắc chắn chị đã cứu sống được Wilbur, và chị cảm thấy thanh thản và mãn nguyện.

“Chúng ta không có tí thời gian thừa nào đâu!” ông Zuckerman kêu lên. “Lurvy, giúp một tay với cái

hòm nào!”

“Cho con một ít tiền đi?” Fern hỏi.

“Con cứ *đợi* đấy!” bà Arable nói. “Con không thấy mọi người đang bận à?”

“Bỏ cái bình nước sữa rỗng vào trong xe tải đi!” ông Arable ra lệnh. Avery túm lấy cái bình và lao lên cái xe tải.

“Tóc em trông có được không?” bà Zuckerman hỏi.

“Trông ổn,” ông Zuckerman nói cảm cầu, ông đang cùng Lurvy đặt cái hòm xuống trước mặt Wilbur.

“Anh thậm chí còn chưa *nhìn* tóc em mà!” bà Zuckerman nói.

“Em hoàn toàn ổn rồi, Edith,” bà Arable nói. “Cứ bình tĩnh.”

Templeton, ngủ quay trong đám rơm, nghe thấy tiếng náo động liền tỉnh dậy. Gã không hiểu thật sự có chuyện gì xảy ra, nhưng khi gã nhìn thấy đám người đẩy Wilbur vào trong hòm gã liền quyết định bám theo ngay. Gã chờ cơ hội và đến lúc không có ai để ý bèn lén vào trong hòm và rúc kỹ dưới đám rơm ở tận đáy.

“Nào các chàng, ổn cả rồi!” ông Zuckerman kêu lên. “Đi thôi!” Ông cùng ông Arable và Lurvy và Avery túm lấy cái hòm và nhấc nó qua thành chuồng và cho lên xe tải. Fern nhảy lên xe và ngồi trên đỉnh hòm. Cô vẫn còn rơm vương trên tóc và nom vừa xinh vừa phấn khích. Ông Arable nổ máy. Tất cả mọi người lại trào lên, và họ lái tới lều giám khảo ở phía trước khán đài.

Khi họ đi qua vòng đu quay, Fern ngược lên nhìn và cô bé ước gì mình được ngồi trên cái giỏ cao nhất và có Henry Fussy ở bên cạnh.

Chương 20: GIỜ CHIẾN THẮNG

“Đây là thông báo đặc biệt!” một giọng trang trọng cất lên từ loa phóng thanh. “Ban quản lý Hội chợ xin đặc biệt hân hạnh giới thiệu ông Homer Zuckerman cùng chú lợn trứ danh của ông. Xe tải chở con vật đặc biệt này hiện đang tiến vào trong sân. Làm ơn hãy lùi lại nhường chỗ cho xe đi! Trong giây lát nữa, chú lợn sẽ được đưa vào vòng khảo thí đặc biệt ngay trước khán đài, ở đó, một giải thưởng đặc biệt sẽ được trao. Mọi người xin làm ơn nhường lối cho xe tải đi qua. Xin cảm ơn.”

Wilbur run rẩy khi nó nghe bài diễn văn. Nó cảm thấy hạnh phúc nhưng choáng váng. Cái xe tải trườn vào với tốc độ chậm. Cả đám người vây xung quanh xe, và ông Arable phải lái rất cẩn thận để không cán phải ai. Cuối cùng ông cũng đến được chỗ giám khảo. Thằng Avery nhảy ra và hạ cái chắn đuôi xuống.

“Em sợ đến chết mất,” bà Zuckerman thì thầm. “Hàng trăm người đang nhìn vào chúng ta.”

“Vui lên nào,” bà Arable đáp lời, “đây là chuyện vui mà.”

“Làm ơn đưa lợn của ông xuống,” loa phóng thanh nói.

“Tất cả các chàng, nào!” ông Zuckerman nói.

Vài người đàn ông từ trong đám đông bước ra khiêng giúp cái hòm. Thằng Avery là kẻ xằng xái bận rộn nhất.

“Nhét áo sơ mi vào trong quần, Avery!” bà Zuckerman kêu lên. “Và siết chặt thắt lưng lại. Quần cháu đang tụt xuống kia kìa.”

“Thím không thấy cháu đang bận đây à?” thằng Avery trả lời vẻ phẫn nộ.

“Nhìn kia!” Fern kêu lên và lấy tay chỉ, “Henry kia kìa!”

“Đừng hét lên thế, Fern!” mẹ cô nói. “Và đừng có chỉ chỗ!”

“*Làm ơn* cho con một ít tiền được không?” Fern hỏi. “Henry lại mời con đi vòng đu quay nữa, mỗi tội con không nghĩ là bạn ấy còn tiền. Bạn ấy hết sạch tiền rồi.”

Bà Arable mở ví xách tay ra. “Đây,” bà nói. “Đây là bốn mươi xu. Và đừng có mà đi mất hút! Mau còn về chỗ cả nhà vẫn tập trung cạnh chuồng lợn đấy!”

Fern chạy ngay đi, luồn lách qua đám đông để tìm Henry.

“Chú lợn nhà Zuckerman hiện đang được đưa từ trong hòm ra,” giọng trong loa phóng thanh vang lên. “Hãy chờ tuyên bố chính thức!”

Templeton núp trong đám rơm dưới đáy hòm. “Sao mà âm ỉ vô nghĩa thế nhỉ!” gã chuột cắn nhảnh. “Chuyện vớ vẩn mà cứ nặng xị cả lên!”

Còn ở phía trên chuồng lợn, lặng lẽ và cô đơn, Charlotte đang nghỉ ngơi. Hai chân trước của chị ôm lấy cái bọc trứng. Charlotte có thể nghe thấy tất cả những gì nói trên loa phóng thanh. Những lời nói cho chị sự can đảm. Đây chính là giờ chiến thắng của chị.

Khi Wilbur ra khỏi cái hòm, đám đông vỗ tay và hoan hô. Ông Zuckerman bỏ mũ ra và cúi chào. Lurvy lôi cái khăn mùi xoa to tương từ trong túi ra và lau mồ hôi đằng sau cổ. Thằng Avery quỳ xuống đất sát bên cạnh Wilbur, bận bịu vuốt ve con lợn cũng như khoe mẽ. Bà Zuckerman và bà Arable thì đứng trên bậc lên xuống của xe tải.

“Các quý bà và các quý ông,” cái loa phóng thanh nói, “giờ thì chúng tôi xin giới thiệu con lợn nổi trội của ông Homer L. Zuckerman. Danh tiếng của con vật có một không hai này đã lan tỏa đến cả những xó xỉnh xa xôi của trái đất, thu hút vô số du khách danh giá đến với Bang cao quý của chúng ta. Rất nhiều người trong số các vị sẽ nhớ lại cái ngày không-thể-nào-quên vào mùa hè vừa qua khi mà chữ viết đã xuất hiện một cách huyền bí trên mạng nhện ở khu chuồng nhà Zuckerman, khiến cho tất cả mọi người phải để tâm đến một thực tế là con lợn này hoàn toàn khác thường. Phép màu này chưa bao giờ được giải thích trọn vẹn, mặc dù đã có cả những học giả đã đến thăm chuồng lợn nhà Zuckerman để nghiên cứu và quan sát hiện tượng. Suy cho cùng thì chúng ta chỉ đơn giản biết rằng chúng ta đang đối diện với những lực lượng siêu nhiên ở nơi đây, và tất cả chúng ta nên cảm thấy tự hào và biết ơn. Theo đúng những lời trên mạng nhện, thưa các quý bà và các quý ông, đây chính là lợn cừ.”

Wilbur ngượng chín người. Nó đứng im lìm tuyệt đối và cố sao cho ra dáng nhất.

“Con vật kỳ diệu này,” cái loa phóng thanh tiếp tục, “thật sự là cực kỳ. Hãy nhìn nó xem, thưa các quý bà và các quý ông! Hãy ghi nhận sự mịn sự trắng của bộ lông, hãy quan sát làn da không một vết dơ, hai tai và cái mõm cùng một màu hồng khỏe mạnh.”

“Đó là do nước sữa,” bà Arable thì thầm với bà Zuckerman.

“Hãy ghi nhận sự ngời sáng toàn phần của con vật này! Rồi hãy nhớ lại cái ngày mà từ “ngời sáng” xuất hiện rõ ràng trên mạng nhện. Những chữ huyền bí ấy từ đâu đến? Không phải là từ con nhện rồi, ta có thể chắc chắn điều đó. Lũ nhện hết sức thông minh trong việc giăng mạng của chúng, nhưng chẳng cần phải nói ra rằng nhện không biết viết.”

“Ồ, không ư, ai bảo vậy nào?” Charlotte thì thầm với chính mình.

“Các quý bà và các quý ông,” cái loa phóng thanh tiếp tục, “tôi không được lấy thêm thời gian quý

bầu của các vị nữa. Thay mặt các uỷ viên của hội đồng quản trị Hội chợ, tôi vinh dự trao giải thưởng đặc biệt trị giá hai trăm đôla cho ông Zuckerman, cùng với một chiếc đồng hồ rất đẹp đã được khắc nội dung phù hợp, chứng nhận cho sự đánh giá cao của chúng ta về vai trò của con lợn này - con lợn ngời sáng, cực kỳ, khiêm nhường này - trong việc thu hút vô số du khách đến với Hội chợ Hạt hoành tráng của chúng ta.”

Wilbur càng lúc càng cảm thấy choáng váng rồi choáng váng hơn nữa sau bài phát biểu bình luận dài dòng này. Khi nó nghe thấy đám đông bắt đầu hoan hô và vỗ tay lần nữa, nó đột nhiên lả đi. Chân nó khụy xuống, đầu nó trống rỗng, và nó gục xuống đất, bất tỉnh nhân sự.

“Có chuyện gì vậy?” cái loa phóng thanh hỏi. “Có chuyện gì vậy ông Zuckerman? Con lợn của ông làm sao vậy?”

Avery quỳ sát cạnh đầu Wilbur, vuốt ve nó. Ông Zuckerman nhảy cẫng lên xung quanh, lấy mũ ông quật cho nó.

“Nó không sao cả,” ông Zuckerman kêu lên. “Nó bị choáng thôi. Nó khiêm tốn lắm và không thể chịu nổi khi được ca ngợi.”

“Nhưng chúng tôi không thể trao giải thưởng cho một con lợn chết được,” cái loa phóng thanh nói. “Chưa từng có tiền lệ.”

“Nó không chết,” ông Zuckerman la lên. “Nó chỉ xỉu đi thôi. Nó hay bối rối lắm. Chạy đi kiếm ít nước đi, Lurvy!”

Lurvy lao vút ra khỏi vòng khảo thí và biến mất.

Templeton nhô đầu của gã ra khỏi đám rơm. Gã nhận thấy cái chót đuôi của Wilbur ở ngay trong tầm với. Templeton cười nhếch nhếch. “Mình nhắm cái này,” gã cười thầm. Gã ngậm đuôi Wilbur vào trong mồm và lấy hết sức bình sinh cắn mạnh. Cái đau khiến Wilbur hồi sinh. Nhanh như chớp nó đã đứng ngay dậy.

“Ồi!” nó rống lên.

“Hoan hô!” đám đông la lên. “Nó dậy rồi! Con lợn đứng dậy rồi! Hay lắm, Zuckerman! Đúng là lợn cừ có khác!” Mọi người đều vui sướng. Và ông Zuckerman là người vui sướng nhất. Ông thở phào nhẹ nhõm. Không ai nhìn thấy Templeton. Gã chuột mới là kẻ có công nhất.

Còn bây giờ, một trong số các giám khảo mang các giải thưởng treo vào trong vòng. Ông ta đưa cho ông Zuckerman hai trăm đôla và một trăm năm đôla. Rồi ông ta buộc cái huy chương xung quanh cổ Wilbur. Rồi ông ta bắt tay ông Zuckerman trong lúc Wilbur ngượng ngùng. Avery cũng chìa tay ra và ông giám khảo cũng bắt tay nó. Đám đông hoan hô. Một thợ ảnh chụp ảnh Wilbur.

Một cảm giác hạnh phúc tràn ngập cả nhà Zuckerman lẫn nhà Arable. Đây chính là thời khắc chói sáng nhất trong cuộc đời của ông Zuckerman. Thật mãn nguyện biết bao khi giành được một giải thưởng trước sự chứng kiến của bao người.

Trong khi Wilbur được đẩy trở lại vào trong hòm thì Lurvy chạt vạt đi qua đám đông với một xô nước. Hai mắt anh ta như đờ ra. Không lường lự lấy một giây, anh hắt mạnh nước vào Wilbur. Vì cuống quá anh ta đã hắt trượt, khiến nước trút hết lên ông Zuckerman và Avery. Hai người này bị ướt đầm.



“Trời ơi là trời!” ông Zuckerman gầm lên, ông hoàn toàn ướt sũng. “Anh bị làm sao vậy, Lurvy? Anh không thấy con lợn hoàn toàn ỏn à?”

“Nhưng ông đòi nước mà,” Lurvy nói với vẻ nhu mì.

“Tôi có đòi được tắm đâu,” ông Zuckerman nói. Đám đông cười rú lên. Cuối cùng ông Zuckerman cũng phải bật cười theo. Và dĩ nhiên thằng Avery thấy thích khi bị ướt đến vậy, nó lập tức bắt đầu hành động như một tên hề. Nó giả vờ như nó đang tắm vòi hoa sen; nó nhăn nhó mặt mày và nhảy cà tung và chà xát xà phòng tưởng tượng dưới hai nách. Rồi nó lau khô người bằng một khăn tắm tưởng tượng.



“Avery, dừng lại ngay!” mẹ nó kêu lên. “Đừng làm trò nữa!”

Nhưng đám đông lại thích thế. Avery không nghe thấy gì khác ngoài sự tán thưởng. Nó thích làm một anh hề trong một vòng tròn, trước một khán đài, có cả thiên hạ chú mục. Khi nó phát hiện ra vẫn còn một ít nước dưới đáy xô, nó nâng cái xô cao lên trên không và đổ xuống người nó và nhăn nhó mặt

mày. Lũ trẻ trên khán đài rú lên thích chí.

Sau cùng mọi thứ yên ắng trở lại. Wilbur đã được đưa lên xe tải. Thằng Avery bị mẹ dẫn ra khỏi vòng tròn và được ngồi lên ghế xe cho khô. Cái xe tải, được ông Arable lái, lại chậm chậm bò về phía chuồng lợn. Cái quần ướt của thằng Avery rỏ một vũng ướt tương ở trên ghế.

Chương 21: NGÀY CUỐI CÙNG

Charlotte và Wilbur lại cô đơn. Cả hai nhà kia đều đã đi tìm Fern. Templeton đang ngủ. Wilbur nằm nghỉ sau buổi lễ náo động và căng thẳng. Cái mề đay vẫn còn treo trên cổ nó; hơi liếc mắt ra là nó có thể thấy được ngay.

“Charlotte,” Wilbur nói sau một lúc, “sao chị im lặng thế?”

“Tôi thích ngồi im,” chị nhện nói. “Tôi có mấy khi không im lặng đâu.”

“Vâng, nhưng hôm nay chị im lặng lạ lắm. Chị có thấy ớn không?”

“Có thể là hơi mệt một tí. Nhưng tôi thấy thanh thản. Thành công của cậu ở vòng khảo thí sáng nay một phần nào cũng chính là thành công *của tôi*. Cậu sẽ sống, chắc chắn và an toàn. Tương lai của cậu đã được bảo đảm. Giờ thì không có gì làm hại cậu được. Những ngày thu này sẽ ngắn dần và trở lạnh. Lá sẽ rụng khỏi cây và rơi xuống. Giáng sinh sẽ tới, và rồi đến tuyết của mùa đông. Cậu sẽ sống để vui hưởng vẻ đẹp của thế giới băng giá, bởi vì cậu chính là thắng lợi lớn của Zuckerman nên ông ta sẽ không làm hại cậu, không bao giờ. Mùa đông sẽ qua, ngày sẽ dài ra, băng sẽ tan ở ao hồ. Chim sẽ hót sẽ quay lại và hót, cóc nhái sẽ thức dậy, và gió ấm sẽ lại thổi. Tất cả những cảnh ấy âm thanh ấy mùi vị ấy sẽ là để cho cậu vui hưởng, Wilbur à - giữa thế gian đẹp đẽ này, những ngày vàng ngọc này...”

Charlotte dừng lại. Một lúc sau, lệ dâng lên trên mắt Wilbur. “Ôi Charlotte,” nó nói. “Cứ nghĩ lại cái lần đầu tôi gặp chị tôi đã tưởng chị độc ác và khát máu!”

Khi nó nguôi cơn xúc động, nó lại nói.

“Tại sao chị làm tất cả việc này vì tôi?” nó hỏi. “Tôi chẳng xứng đáng được thế. Tôi chẳng làm gì cho chị cả.”

“Cậu là bạn của tôi,” Charlotte trả lời. “Nội việc ấy thôi đã lớn lao lắm rồi. Tôi giăng mạng nhện cho cậu bởi vì tôi quý mến cậu. Suy cho cùng, cuộc đời là gì vậy nhỉ? Chúng ta sinh ra, chúng ta sống một chốc một nhát, chúng ta chết. Cuộc đời của một con nhện đâu có thoát khỏi cái phận giăng mắc hỗn độn, hết bắt ruồi rồi ăn nhặng. Bằng cách giúp cậu, có lẽ tôi đã thử khiến đời tôi được nâng lên một tí. Trời xanh kia biết đời ta có thể thêm được một chút giá trị như vậy.”

“Ôi,” Wilbur nói, “tôi thì chẳng biết nói năng cho hay được. Tôi không thể nào nói giỏi như chị. Nhưng chị đã cứu tôi, Charlotte à, và tôi sẽ vui lòng tặng cả đời tôi cho chị - tôi nói thật đấy.”

“Tôi tin cậu nói thật mà. Và tôi cảm ơn cậu vì tình cảm cao thượng ấy.”

“Charlotte,” Wilbur nói. “Hôm nay tất cả chúng ta sẽ về nhà. Hội chợ coi như tan rôi. Lại trở về nhà ở nhà kho khu chuồng cùng với cừu và ngỗng không phải là điều tuyệt vời sao? Chị có nóng ruột muốn trở về nhà không?”

Một lúc lâu Charlotte chẳng nói gì. Rồi chị nhện nói bằng một giọng nhỏ đến nỗi Wilbur chỉ nghe được loáng thoáng.

“Tôi sẽ không trở về khu chuồng,” chị nói.

Wilbur nhảy dựng lên. “Không trở về?” nó kêu lên. “Charlotte, chị đang nói cái gì vậy?”

“Tôi tàn đời rồi,” chị nhện trả lời. “Chỉ ngày một ngày hai nữa thôi là tôi chết. Tôi thậm chí chẳng còn sức để xuống mà trèo vào trong hòm. Tôi cũng không chắc là tôi có còn đủ tư trong người để hạ được xuống đất không nữa.”

Nghe vậy, Wilbur gieo mình xuống trong một cơn đau đớn cùng cực. Những tiếng nức nở làm người nó rung lên. Nó hỏn hển và rên rỉ vì sầu muộn. “Charlotte,” nó than vãn. “Charlotte! Bạn thiết của tôi!”

“Thôi nào, đừng gây thành chuyện nữa,” chị nhện nói. “Im lặng nào, Wilbur. Đừng vật vã mình mảy nữa!”

“Nhưng tôi không *chịu* nổi,” Wilbur gào lên. “Tôi sẽ không để chị ở đây một mình mà chết đâu. Nếu chị ở lại đây thì tôi cũng sẽ ở lại.”

“Đừng buồn cười thế,” Charlotte. “Cậu không ở lại đây được. Zuckerman với Lurvy với John Arable với những người khác có thể trở lại bất cứ lúc nào, và bọn họ sẽ đẩy cậu vào trong cái hòm kia và cậu sẽ phải đi thôi. Vả lại, cậu ở lại cũng chẳng có ý nghĩa gì cả. Sẽ không có ai cho cậu ăn. Khu hội chợ chẳng mấy chốc sẽ bị bỏ mặc và trống rỗng.”

Wilbur đang trong cơn điên. Nó phóng vòng vòng trong chuồng. Đột nhiên nó có một ý tưởng - nó nghĩ về cái bọc trứng và năm trăm mười bốn con nhện con sẽ nở vào mùa xuân. Nếu bản thân Charlotte không thể quay về nhà ở khu chuồng, ít nhất nó cũng phải mang lũ con của chị đi theo.

Wilbur lao ra đằng trước chuồng lợn. Nó để chân trước của nó lên cái ván trên cùng và nhìn quanh. Từ xa nó nhìn thấy người nhà Arable và nhà Zuckerman đang tiến lại. Nó biết nó phải hành động thật gấp.

“Templeton đâu rồi nhỉ?” nói hỏi.

“Anh ta ở góc kia kìa, đang ngủ dưới rơm ấy,” Charlotte nói.

Wilbur lao đến, dũi cái mũi khỏe của nó vào người gã chuột, và hất gã lên trên không.

“Templeton!” Wilbur kêu lên. “Hãy chú ý!”

Gã chuột, ngạc nhiên vì bị mất giấc ngủ ngon, đầu tiên thì bàng hoàng và sau thì phẫn nộ.

“Cái trò khi gió gì thế này?” gã gầm gừ. “Một con chuột thì không thể chộp mất được một chút mà không bị quăng một cách thô bạo lên trên không hay sao?”

“Nghe tôi nói đây!” Wilbur kêu lên. “Charlotte ốm lắm rồi. Chị ấy chỉ còn sống được rất ngắn. Chị ấy không thể đi cùng ta về nhà, vì thể trạng của chị ấy. Vì vậy, tôi tuyệt đối cần phải mang bọc trứng của chị ấy đi theo. Tôi không vớ tới được nó, và tôi cũng không trèo được. Anh là người duy nhất có thể lấy được nó. Không còn giây đồng hồ nào để lãng phí nữa đâu. Người ta đang đi đến - họ sẽ ở đây trong nháy mắt. Anh Templeton, làm ơn, làm ơn, *làm ơn* hãy trèo và lấy cái bọc trứng.”

Gã chuột ngáp. Gã về cho thẳng râu. Rồi gã nhìn lên cái bọc trứng.

“VẬY ĐÂY!” gã nói vẻ chán ghét. “Lại là Templeton thân già này giải cứu nữa phải không? Templeton làm cái này, Templeton làm cái kia, Templeton chạy xuống đồng rác và lấy cho tôi một mảnh tạp chí, Templeton làm ơn cho tôi mượn một mẩu dây để tôi giăng một cái mạng.”

“Ôi, mau lên!” Wilbur nói. “Mau lên đi, Templeton!”

Nhưng gã chuột chẳng mau tẹo nào. Gã bắt đầu nhại lại giọng Wilbur.

“Giờ thì lại ‘Mau lên đi, Templeton’, phải không hả?” gã nói. “Hô, hô. Thế tôi đã được cảm ơn ra sao khi tôi phục vụ đến vậy hả? Chưa được một lời tử tế đối với cái thân già Templeton này, rất chỉ có đả kích với chọc ngoáy với cạnh khốe. Chưa bao giờ được một câu tử tế đối với một con chuột.”

“Templeton,” Wilbur nói trong tuyệt vọng, “nếu anh không thôi lải nhải và làm đi, tất cả sẽ mất sạch, và tôi sẽ chết vì tan nát cõi lòng. Làm ơn trèo lên đi!”

Templeton lại nằm ườn ra rơm. Gã lười nhác gác chân trước ra sau gáy và vất chân sau chéo chữ ngũ, với một dáng vẻ hoàn toàn thư giãn.

“Chết vì tan nát cõi lòng,” gã nhại lại. “Cảm động nhỉ! Úi, chà! Tôi nhận thấy là hễ khi nào gặp rắc rối thì cậu lại tìm đến tôi. Nhưng tôi chưa bao giờ nghe thấy ai tan nát cõi lòng vì tôi hết. Ôi, không. Có ai thèm quan tâm tới cái thân già Templeton đâu?”

“Đứng dậy!” Wilbur hét lên. “Đừng có hành động như trẻ ranh hư thân mất nết nữa!”

Templeton cười toét và vẫn nằm im. “Ai đi hết chuyện này đến chuyện khác xuống đồng rác?” gã hỏi. “Tại sao, sao lại là thân già Templeton! Ai đã cứu sống Charlotte bằng cách khiến thằng ranh nhà Arable bỏ chạy nhờ một quả trứng ung? Trời ôi, tôi tin chắc đó chính là thân già Templeton. Ai cắn đuôi cậu và khiến cậu đứng khựng lên được vào sáng nay sau khi cậu đã ngất xỉu trước đám đông?”

Thân già Templeton. Thế cậu chưa bao giờ lóe ra ý nghĩ rằng tôi đã phát ốm vì chạy loăng quăng và làm ơn làm phúc à? Rút cuộc cậu nghĩ tôi là cái gì hả? Một con chuột cái-gì-cũng-làm chắc?”

Wilbur tuyệt vọng. Mọi người đang tới. Và gã chuột thì lờ nó đi. Đột nhiên nó nhớ ra sự mê thích thức ăn của Templeton.

“Templeton,” nó nói. “Tôi sẽ long trọng hứa với anh một điều. Nếu anh lấy bọc trứng của Charlotte cho tôi, từ giờ trở đi tôi sẽ để anh ăn trước tiên mỗi khi Lurvy đổ thức ăn cho tôi. Tôi sẽ để anh tự chọn bất cứ thứ gì trong máng và khi anh chưa ăn xong thì tôi sẽ không động tới tí thức ăn nào.”

Gã chuột ngồi bật dậy. “Cậu nói thật hay nói chơi đây?” gã nói.

“Tôi hứa. Tôi xin thề thành thật.”

“Được rồi, thỏa thuận thế nhé,” gã chuột nói. Gã trèo lên trên tường và bắt đầu leo. Bụng gã vẫn còn phồng tướng lên từ trận ăn uống tối qua. Vừa rên rầm vừa phàn nàn, gã chậm chậm dướn người lần lên trần. Gã cứ trườn tới cho đến khi gã với được bọc trứng. Charlotte lách ra một bên cho gã. Chị đang hấp hối, nhưng vẫn còn đủ sức để dịch ra một tí. Rồi Templeton nhe cái răng dài xấu của gã ra và bắt đầu cắt những sợi tơ cột chặt cái bọc lên trần. Wilbur ngược nhìn lên từ phía dưới.

“Phải hết sức cẩn thận đây!” nó nói. “Tôi không muốn bất kỳ một quả trứng nào bị làm sao.”



“Cái thứ này cứ dính vào mõm tôi,” con chuột cầu nhàu. “Nó còn hơn cả kẹo caramel.”

Nhưng Templeton vẫn tiếp tục công việc, và cũng đã cắt được cái bọc rời ra và mang nó xuống đất, rồi gã đặt nó xuống trước mặt Wilbur. Wilbur thở phào nhẹ nhõm.

“Cảm ơn anh, Templeton,” nó nói. “Chừng nào tôi còn sống tôi sẽ không bao giờ quên chuyện này.”

“Tôi cũng chẳng quên,” gã chuột vừa nói vừa xia răng. “Tôi có cảm tưởng như tôi đã xơi phải một cuộn chỉ vậy. Giờ thì về nhà thôi!”

Templeton lén vào trong hòm và vui mình trong đám rơm. Gã lặn đi vừa đúng lúc. Lurvy và John Arable và ông Zuckerman bước tới ngay lúc đó, theo sau là bà Arable và bà Zuckerman và Avery và Fern. Wilbur cũng đã quyết định cách mà nó sẽ mang cái bọc trứng - chỉ có một cách duy nhất khả dĩ.

Nó cẩn thận ngậm cái bọc nhỏ trong miệng và giữ nó ở trên đầu lưỡi. Nó nhớ điều Charlotte đã nói với nó - rằng cái bọc không thấm nước và rất bền chắc. Trong lưỡi nó cảm thấy cứ kỳ kỳ và nó bị chảy nước dãi tí chút. Và dĩ nhiên là nó không thể nói năng gì cả. Nhưng khi nó bị đẩy vào trong hòm, nó ngược lên nhìn Charlotte và nháy mắt với chị. Chị biết rằng nó đang chào tạm biệt theo cách duy nhất có thể. Và chị biết rằng lũ con chị đã được an toàn.

“Tạm biệt!” chị thầm thì. Rồi chị thu hết sức lực và giơ một chân trước lên vẫy nó.

Chị không bao giờ cử động nữa. Ngày hôm sau, khi cái vòng đu quay được tháo rời ra và bày ngựa đua được đưa vào các xe tải và những người làm trò mua vui sắp dọn đồ đạc rồi ra đi trên các xe moóc, Charlotte đã chết. Khu Hội chợ mau chóng trở nên hoang vắng. Các lán trại và nhà xưởng đều trống rỗng và đìu hiu. Trong sân bãi vứt ngổn ngang chai lọ với rác rưởi. Không một ai, trong số hàng trăm người đi dự Hội chợ, biết rằng có một con nhện xám đã đóng một vai trò lớn hơn tất cả. Không một ai ở bên nó khi nó chết.

Chương 22: GIÓ ẤM

Và thế là Wilbur trở về nhà với đồng phân yêu dấu trong nhà kho khu chuồng. Và trở về thì trở về thật là kỳ khôi. Quanh cổ thì nó đeo một cái mẽ đay danh dự và trong mõm thì nó giữ một cái bọc trứng nhện. Chẳng có nơi nào bằng ở nhà, Wilbur nghĩ trong lúc cẩn thận để năm trăm mười bốn đứa con chưa nở của Charlotte vào một góc an toàn. Mùi khu chuồng dễ chịu thật. Bầy cừu và bầy ngỗng bạn nó rất vui khi thấy nó trở về.

Bầy ngỗng đón chào nó một cách âm ỉ.

“Chúc-chúc-chúc mừng!” chúng kêu lên. “Giỏi lắm.”

Ông Zuckerman lấy cái mẽ đay từ cổ Wilbur và treo nó lên một cái đinh phía trên chuồng lợn, chỗ mà những khách thăm có thể kiểm tra được. Bản thân Wilbur cũng có thể ngắm nghía bất cứ lúc nào nó muốn.

Trong những ngày sau đó, nó đã rất hạnh phúc. Nó đã lớn bồng lên. Nó không còn lo lắng về việc bị giết nữa, bởi nó biết rằng ông Zuckerman sẽ để nó sống lâu hết mức có thể. Wilbur thường xuyên nghĩ về Charlotte. Một ít sợi tơ của cái mạng nhện cũ của chị vẫn còn treo trên ngưỡng cửa. Ngày nào Wilbur cũng đứng và ngắm cái mạng nhện trống không, rách nát, và một cục to dừng lại dăng lên nghẹn họng nó. Chẳng bao giờ có ai có được một người bạn như vậy - tình cảm đến thế, thủy chung đến thế, và khéo léo đến thế.

Những ngày thu mỗi lúc một ngắn hơn, Lurvy mang những cây bí và bí ngô từ trong vườn vào và xếp chúng trên sàn khu chuồng để chúng không bị chết cứng trong những đêm giá rét. Những cây thích và cây cáng lò ngả sang màu sáng và gió rung chúng giật chúng khiến chúng làm rơi từng chiếc lá một xuống mặt đất. Dưới những cây táo dại trên đồng cỏ, những quả táo hồng nhỏ phủ thành lớp dày trên mặt đất, và lũ cừu nhá chúng và lũ ngỗng nhá chúng và lũ cáo thì ban đêm đến ngửi chúng. Một đêm, ngay trước Giáng sinh, tuyết bắt đầu rơi. Tuyết phủ lên trên nhà và chuồng và đồng và rừng. Trước đó Wilbur chưa bao giờ nhìn thấy tuyết. Sáng ra, nó ra ngoài và dũi tuyết thành đồng trong sân cho sừng. Fern và Avery tới, kéo theo một cái xe trượt. Chúng trượt theo con đường nhỏ và ra cả cái ao đóng băng ngoài đồng cỏ.

“Trượt là thứ vui nhất trên đời,” thằng Avery nói.

“Thứ vui nhất trên đời ư,” Fern tuyên bố, “chính là lúc mà vòng đu quay dừng lại còn Henry với em thì ở trên cái giỏ cao nhất và Henry làm cho cái giỏ lắc qua lắc lại và bọn em có thể nhìn thấy tất tạt mọi thứ cách đó xa hàng dặm rồi hàng dặm rồi hàng dặm.”

“Trời ạ, em vẫn còn nghĩ đến cái vòng đu quay cũ rách đó hả?” thằng Avery nói với vẻ ghê tởm. “Cái

Hội chợ đã qua được hàng tuần rồi lại hàng tuần rồi cơ mà.”

“Em lúc nào cũng nghĩ đến nó,” Fern nói và phúi tuyết ra khỏi tai cô.

Sau Giáng sinh cái nhiệt kết giảm xuống mười độ dưới không. Cái lạnh ngự trị thế giới. Đồng cỏ ẩm đạm và băng giá. Giờ thì lũ bò ở lại trong chuồng suốt, trừ những buổi sáng có nắng chúng mới ra ngoài và đứng tránh gió ở chỗ đông rơm trong sân quây khu chuồng. Để được bảo vệ, bầy cừu cũng ở gần khu chuồng luôn. Khi nào khát, chúng sẽ ăn tuyết. Bọn ngỗng thì cứ quanh quẩn trong sân như bọn con trai quanh quẩn quanh hiệu thuốc vậy, và bà Zuckerman cho chúng ăn ngô và củ cải để cho chúng phấn khởi.

“Cảm ơn, cảm ơn, cảm ơn nhiều!” bọn chúng luôn nói vậy, mỗi khi thấy thức ăn được mang đến.

Templeton cũng chuyển chỗ ở vào trong nhà khi mùa đông tới. Cái tổ chuột của gã ở dưới máng lợn quá là lạnh, nên gã thiết kế cho gã một cái tổ ấm cúng ở đằng sau những thùng đựng ngũ cốc bên trong khu chuồng. Gã lót tổ bằng những mảnh báo bản cùng giẻ rách, và bất cứ khi nào gã tìm thấy một thứ đồ rẻ tiền hay một món lưu niệm nào đó là gã tha về và trữ ở đó. Gã tiếp tục viếng thăm Wilbur mỗi ngày ba lần, đúng vào bữa ăn, và Wilbur luôn giữ lời hứa. Wilbur để gã chuột ăn trước. Cho đến khi nào Templeton không thể nào nhồi thêm được miếng nào nữa vào mồm, khi đó Wilbur mới ăn. Hậu quả của việc ăn quá độ này là Templeton to đùng ra và béo hơn bất kỳ con chuột nào bạn thấy trên đời. Gã to đùng ngã ngửa. Gã to như một con chuột chũi non vậy.

Một ngày kia con cừu già nói chuyện với gã chuột về hình thể của gã. “Anh sẽ sống lâu hơn,” cừu già nói, “nếu anh ăn ít đi.”

“Ai muốn sống dai mãi mãi nào?” gã chuột cười nhếch mép. “Tôi bản tính tự nhiên là một kẻ ăn nhiều và trong thú vui ăn uống thì tôi đây thật chẳng bao giờ biết thỏa.” Gã vỗ vỗ vào bụng, ngoác mồm cười con cừu già, và lăn lên gác để nằm.



Suốt mùa đông Wilbur trông chừng bọc trứng của Charlotte như thể nó canh gác chính con của nó vậy. Nó đã khoét một chỗ đặc biệt trong đồng phân để đặt cái bọc, ngay cạnh hàng rào ván gỗ. Vào những

đêm quá lạnh, nó nằm sao cho hơi thở của nó có thể sưởi ấm cái bọc. Với Wilbur, không gì trên đời quan trọng bằng cái vật nhỏ tròn này - không gì bằng hết. Nó kiên nhẫn chờ đợi mùa đông qua đi và sự xuất hiện của lũ nhện con. Cuộc sống luôn luôn phong phú và bình ổn khi mà ta đang chờ đợi một cái gì đó xảy đến hoặc nở ra. Mùa đông rút cuộc cũng hết.

“Hôm nay tôi nghe thấy tiếng ếch nhái,” cừu già nói vào một buổi tối. “Nghe nào! Bây giờ có thể nghe được tiếng chúng rồi đấy.”

Wilbur đứng im và đóng tai lên. Từ ngoài ao vọng đến, như một dàn đồng ca âm ỉ, tiếng kêu của hàng trăm con ếch con nhái nhỏ.

“Mùa xuân rồi,” cừu già nói vẻ suy tư. “Lại một mùa xuân nữa.” Khi bà ấy đi khỏi, Wilbur nhìn thấy một con cừu con đi theo đằng sau. Nó chỉ mới sinh ra được vài giờ.

Tuyết tan và chảy. Suối và mương sỏi bọt và chảy róc rách với dòng nước đỏ về.

Một con chim sẻ ức sọc bay đến và hót. Ánh ngày mạnh hơn, bình minh sớm dần. Hầu như mỗi sáng ra lại có một con cừu mới trong đàn cừu. Ngỗng cái đang ngồi trên chín quả trứng. Những sợi tơ sót lại cuối cùng của cái mạng nhện cũ của Charlotte đã bay đi và biến mất.

Vào một buổi sáng nắng đẹp, sau bữa sáng, Wilbur đứng ngắm cái bọc quý giá của nó. Nó chẳng nghĩ ngợi gì nhiều. Và bởi nó đứng đó, nó nhận ra có cái gì đó chuyển động. Nó bước lại gần và nhìn chăm chăm. Một con nhện bé xíu đã bò ra khỏi cái bọc. Nó không to hơn một hạt cát, không to hơn một cái đầu đinh ghim. Người nó xám và có một sọc đen ở phía dưới. Chân nó màu xám và nâu vàng. Và nó trông giống y như Charlotte.

Wilbur run rẩy hết cả người khi nó nhìn thấy con nhện. Con nhện bé vẫy nó. Thế rồi Wilbur nhìn sát lại hơn nữa. Hai con nhện bé nữa đã bò ra ngoài và vẫy. Bọn chúng bò vòng vòng quanh cái bọc để thám hiểm cái thế giới mới. Rồi có ba con nhện con nữa. Rồi tám con. Rồi mười con. Lũ con của Charlotte cuối cùng đã xuất hiện.

Trống ngực Wilbur đập rộn. Nó bắt đầu kêu eng éc. Rồi nó phi vòng vòng, đá phân tung lên trên không. Rồi nó nhảy lộn ra đằng sau. Rồi nó chống hai chân trước xuống và dừng lại trước mặt lũ con của Charlotte.

“Xin chào!” nó nói.

Con nhện đầu tiên có nói chào, nhưng mà giọng của nó bé quá đến nỗi Wilbur chẳng nghe nổi.

“Chú là một người bạn cũ của mẹ các cháu,” Wilbur nói. “Chú rất vui khi được gặp các cháu. Các cháu khỏe chứ? Mọi thứ ổn chứ?”

Những con nhện bé giơ chân trước vẫy nó. Qua cách chúng hành động, Wilbur có thể nhận thấy chúng vui khi gặp nó.

“Chú có thể làm gì cho các cháu không? Các cháu có cần gì không?”

Những con nhện bé chỉ vẫy vẫy mà thôi. Nhiều ngày và nhiều đêm chúng bò chỗ này rồi chỗ kia, lên trên rồi xuống dưới, chỗ đó rồi chỗ nọ, và vẫy vẫy Wilbur, và thám hiểm ngôi nhà của chúng, và kéo theo đằng sau những sợi tơ mỏng manh. Bọn chúng có hàng tá rồi hàng tá. Wilbur không thể đếm chúng cho nổi, nhưng nó biết rằng nó có vô khối bạn mới. Chúng lớn lên khá nhanh. Chẳng mấy chốc mỗi con đã to như một viên đạn ghém. Chúng giăng những mạng nhện bé con ở gần cái bọc.

Rồi đến một buổi sáng yên tĩnh ông Zuckerman mở cánh cửa ở hướng Bắc ra. Một luồng gió ấm thổi nhẹ qua nhà kho khu chuồng. Không khí có mùi đất ẩm, mùi gỗ vên sam, mùi mùa xuân dịu ngọt. Những con nhện con cảm nhận được làn gió ấm nổi lên. Một con nhện trèo lên trên đỉnh hàng rào. Rồi nó làm một việc khiến Wilbur ngạc nhiên quá thể. Con nhện đứng bằng đầu, chống bộ nhả tơ lên trên trời, và nhả ra một đám mây tơ. Tơ nhện đã tạo thành một quả cầu. Trong lúc Wilbur dõi nhìn, con nhện rời khỏi hàng rào và bay lên trên không trung.



“Tạm-biệt!” con nhện nói và nó bay qua ô cửa.

“Đợi một phút đã!” Wilbur hét lên. “Cháu nghĩ cháu sẽ đi đâu chứ?”

Nhưng con nhện đã chẳng còn thấy đâu nữa. Rồi một con nhện con lại bò lên đỉnh hàng rào, đứng bằng đầu, tạo một quả cầu, và bay đi.

Rồi một con nhện khác. Rồi một con khác. Không trung đầy những quả cầu tí xíu, mỗi quả cầu mang theo một con nhện.

Wilbur muốn phát cuồng lên. Lũ con của Charlotte biến mất với tốc độ kinh hoàng.

“Quay lại đi, các cháu!” nó rống lên.

“Tạm-biệt!” bọn chúng kêu. “Tạm-biệt, tạm-biệt!”

Cuối cùng một con nhện bé cũng chậm chậm dừng lại và nói chuyện với Wilbur trước khi làm quả cầu.

“Có gió ầm là bọn cháu rời khỏi nơi này. Đây chính là thời điểm để chúng cháu lên đường. Bọn cháu đều là các nhà hàng không và bọn cháu sẽ đi ra thế giới ngoài kia để tự giăng mạng cho mình.”

“Nhưng đi đâu cơ?” Wilbur hỏi.

“Bất cứ nơi đâu gió cuốn bọn cháu đến. Cao, thấp. Gần, xa. Đông, Tây. Nam, Bắc. Cứ gửi mình cho gió, sướng đâu đi đó.”

“Các cháu đi *cả* ư?” Wilbur hỏi. “Các cháu không thể bỏ đi *cả* được. Chú sẽ bị bỏ lại một mình, không bè không bạn. Mẹ các cháu sẽ không muốn điều đó xảy ra đâu, chú cam đoan là như vậy.”

Không trung bây giờ đầy ắp những thợ lái khinh khí cầu đến nỗi nhà kho khu chuồng trông cứ như là bị một màn sương mù che phủ. Hàng tá các quả cầu cứ dâng lên cao, quay vòng, và trôi đi mất qua cánh cửa theo làn gió nhẹ. Những tiếng kêu “Tạm-biệt, tạm-biệt, tạm-biệt!” vọng đến tai Wilbur nhỏ dần. Nó không thể chịu đựng nổi khi nhìn cảnh này nữa. Nó đau buồn buông mình xuống đất và nhắm mắt lại. Bị lũ con của Charlotte bỏ rơi có khác nào sự cáo chung của thế giới. Wilbur khóc lóc cho đến khi ngủ thiếp.

Khi nó thức dậy trời đã là chiều muộn. Nó nhìn cái bọc trứng. Nó nhìn lên trên không. Các thợ lái khinh khí cầu đã đi sạch. Rồi nó sàu thăm bước đến chỗ ngưỡng cửa, nơi trước kia có cái mạng nhện của Charlotte. Nó đang đứng đó, nghĩ về chị nhện, thì nó nghe thấy một giọng nói nhỏ nhẹ.

“Chào mừng!” giọng nói cất lên. “Cháu ở trên này.”

“Cháu cũng thế,” một giọng nói khẽ nữa cất lên.

“Cháu cũng thế,” giọng nói thứ ba cất lên. “Có ba chúng cháu ở lại đây. Chúng cháu thích chỗ này, và chúng cháu thích *chú*.”



Wilbur nhìn lên. Trên đỉnh khung cửa có ba cái mạng nhện đang được giăng ra. Trên mỗi mạng nhện, là một đứa con của Charlotte đang làm việc bận rộn.

“Chú có thể hiểu rằng,” Wilbur hỏi, “các cháu đã quyết định dứt khoát ở lại sống trong nhà kho khu chuồng này, và rằng chú sẽ có đến *ba* người bạn?”

“Đúng thế đấy ạ,” mấy con nhện nói.

“Tên các cháu là gì ấy nhỉ?” Wilbur hỏi, vui sướng đến phát run.

“Cháu sẽ nói tên cháu,” con nhện nhỏ đầu tiên trả lời, “nếu chú nói cho cháu biết tại sao chú phát run.”

“Chú phát run vì vui,” Wilbur nói.

“Vậy tên cháu là Vui,” con nhện đầu tiên nói.

“Tên đệm của mẹ cháu là gì?” con nhện thứ hai hỏi.

“A,” Wilbur nói.

“Vậy tên cháu sẽ là Aranea,” con nhện đáp.

“Thế còn cháu?” con nhện thứ ba hỏi. “Chú có thể chọn ra một cái tên rõ hay nào cho cháu - một cái không dài quá, không lớn quá, và không ngốc quá?”

Wilbur nghĩ rất lung.

“Nellie?” nó gợi ý.

“Hay, cháu rất thích đấy,” con nhện thứ ba đáp. “Chú có thể gọi cháu là Nellie.” Nó duyên dáng thắt chặt vòng tơ vào cái nan tiếp theo của cái mạng nhện.

Lòng Wilbur tràn ngập hạnh phúc. Nó cảm thấy nó nên có một bài nói ngắn nhân dịp quan trọng này.

“Vui! Aranea! Nellie!” nó bắt đầu. “Chào mừng ở lại nhà kho khu chuồng. Các cháu đã chọn một ngưỡng cửa thiêng liêng để giăng mạng nhện của các cháu. Chú nghĩ chỉ có công bằng khi chú nói với các cháu rằng đời chú là thuộc về mẹ các cháu. Chú nợ mẹ các cháu chính cuộc sống này của chú. Mẹ các cháu thông minh, đẹp đẽ, và thủy chung như nhất. Chú sẽ luôn quý trọng ký ức về chị ấy. Với các cháu, là các con của chị ấy, chú muốn có một tình bạn, dài mãi mãi và mãi mãi.”

“Cháu cũng vậy đấy,” Vui nói.

“Cháu cũng thế,” Aranea nói.

“Cháu cũng thế nữa,” Nellie nói, nó đã cố bắt cho được một con muỗi nhỏ.

Đó là một ngày hạnh phúc đối với Wilbur. Và còn rất nhiều ngày hạnh phúc, thanh bình như thế nối tiếp.

Thời gian trôi qua, nhiều tháng và nhiều năm đến rồi đi, Wilbur không bao giờ không có bạn. Fern không còn đến khu chuồng đều đặn nữa. Cô bé đã lớn lên, và đã cẩn thận để tránh những trò trẻ con, như ngồi ở cái ghế vắt sữa cạnh chuồng lợn chẳng hạn. Nhưng con cái, cháu chắt và chút chít của Charlotte, năm này qua năm khác, đều sống ở ngưỡng cửa. Mỗi mùa xuân lại có những bé nhện mới nở ra thế chỗ cho kẻ ở trước. Hầu hết bọn chúng đều bay đi, trên những quả cầu. Nhưng lúc nào cũng có hai hoặc ba con ở lại và bắt đầu sắp dọn chỗ ở trên ngưỡng cửa.

Ông Zuckerman trong suốt những tháng ngày còn lại của mình khá quan tâm đến Wilbur, và con lợn thường xuyên được bạn bè cùng những người ngưỡng mộ đến thăm, bởi chẳng ai quên cái năm vinh quang của nó cũng như phép màu trên mạng nhện. Cuộc sống ở khu chuồng thật là tốt - ngày cũng như đêm, đông cũng như hè, xuân cũng như thu, ngày u ám cũng như ngày rực rỡ. Đây là nơi tốt nhất để sống, Wilbur nghĩ, cái nhà kho ẩm áp dễ chịu này, với lũ ngỗng lấm mồm, với mùa vụ thay đổi, với mặt trời ấm nóng, với bầu sê bay qua bay lại, với bọn chuột sát cạnh, với lũ cừu tứ thời giống nhau, với những con nhện yêu quý, với mùi phân, và sự huy hoàng của tất cả.

Wilbur không bao giờ quên Charlotte. Cho dù nó yêu quý con cái rồi cháu chắt của chị nhện lắm, nhưng không một con nhện mới nào thay thế được vị trí của chị trong lòng nó. Chị nhện luôn ở riêng một chỗ. Ở đời chẳng mấy khi có được người vừa là bạn thiết vừa hay chữ đến thế. Chỉ có mỗi Charlotte.

HẾT

"Điều cuốn sách kể chính là tình bạn ở trên đồi, yêu mến và bảo vệ, phiêu lưu và phép lạ, sống và chết, lòng tin và bội phản, sung sướng và đau khổ, và sự trôi đi của thời gian. Là một tác phẩm thì nó gần như hoàn hảo, và gần như kỳ diệu trong cái cách nó tạo thành." - Eudora Welty, The New York Times Book Review



Wilbur, chú lợn xuân cũ định nhìn mình sẽ vui hưởng thái bình mãi trong trang trại nhà Zuckerman, thế nên, chủ tưởng như phát cuồng lên được khi biết rằng người ta sẽ giết thịt chú khi mùa đông tới... Mọi hy vọng của chú, giờ đây, chỉ còn biết đổ dồn lại vào Charlotte, chị nhện xám vẫn tĩnh tại giăng mắc ở trên chuồng lợn... Charlotte và Wilbur, câu chuyện kể về việc một con nhện đã cứu sống con lợn bạn mình như thế nào, là tác phẩm kinh điển của văn học thiếu nhi Mỹ; và tình bạn của chúng đã được hàng triệu độc giả trên thế giới cùng chia sẻ.



"Một cuốn sách xuất chúng dành cho thiếu nhi." - The Times Literary Supplement

"Là một trong những cuốn sách thiếu nhi bán chạy nhất trong lịch sử xuất bản, Charlotte và Wilbur vẫn tiếp tục sở hữu sự tươi mới kỳ diệu... Thành tựu đáng chú ý nhất của tác phẩm là cái cách mà E. B. White chứng tỏ rằng cuộc sống này sinh từ cái chết như thế nào." - Guardian



Giá: 50.000đ

tve-4U

CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ